

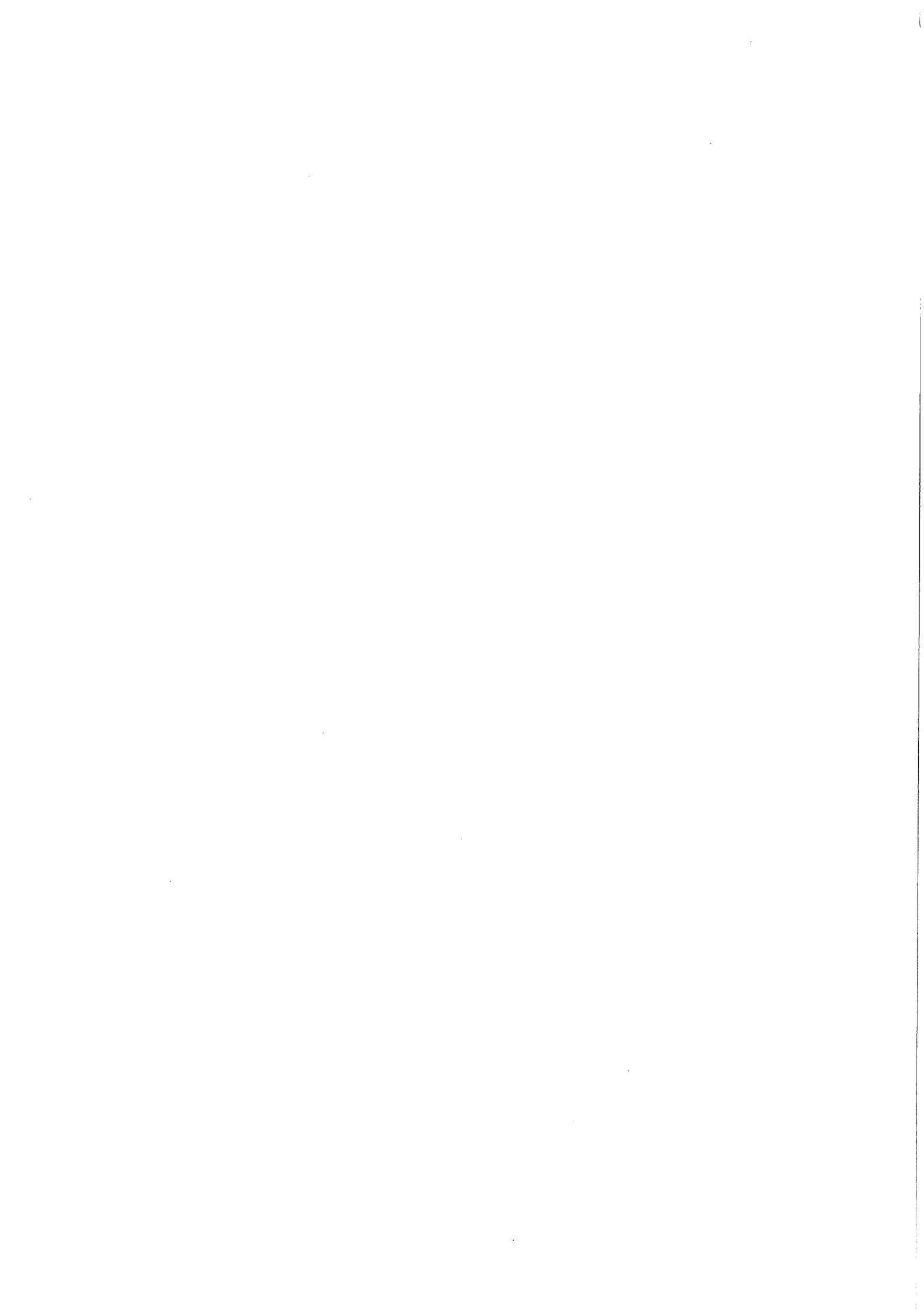
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016

(01/01/2016 – 31/12/2016)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2017



GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA COMECO

❖ **HOÀI BẢO :**

COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ.

❖ **TÂM NHÌN :**

Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam
(trực chính là xăng dầu)

❖ **SỨ MỆNH :**

Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu.

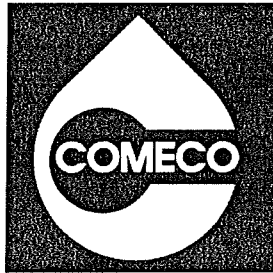
❖ **BẢN SẮC VĂN HÓA :**

Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống.

❖ **SLOGAN :**

COMECO vì khách hàng phục vụ.

❖ **LOGO :**



- Giọt dầu làm biểu tượng;

- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;

- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;

- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tấm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;

- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững.

❖ **TRIẾT LÝ KINH DOANH :**

Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung.

❖ **THÁI ĐỘ VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC :**

Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC :**

Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG NGHIỆP :**

Tôn trọng - Công bằng - Chia sẻ.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ :**

Tin cậy - Công khai - Minh bạch.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI :**

Bảo vệ sức khỏe - Gìn giữ môi trường - Hòa hợp cộng đồng.

CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ COMECO

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Bảo vệ sức khỏe - Giữ gìn môi trường - Hòa hợp cộng đồng; Xây dựng Văn hóa COMECO với phương châm:

“COMECO vì khách hàng phục vụ”

2. Đa dạng hóa ngành hàng (trực chính là xăng dầu), trên tinh thần sáng tạo, linh hoạt, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực và hệ thống thông tin.

3. Xây dựng và phát triển COMECO trở thành:

“Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”

Chính sách này đảm bảo người lao động COMECO thấu hiểu, thực hiện trên tinh thần tuân thủ pháp luật.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu
- DNNN : Doanh nghiệp Nhà nước
- CPH : Cổ phần hóa
- ĐHĐCĐ : Đại Hội Đồng Cổ Đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- NLD : Người lao động
- VDL : Vốn điều lệ
- CNXD : Chi nhánh xăng dầu COMECO (Cửa hàng xăng dầu) hạch toán phụ thuộc
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- GTVT : Giao thông Vận tải
- HTQTCLTD : Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện: tích hợp 3 hệ thống ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007; Công cụ 5S và 7 Tiêu chí giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương
- VP : Văn phòng
- CP : Cổ phiếu
- HTKD : Hợp tác kinh doanh
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- GDP : Tổng sản phẩm quốc nội

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Mục lục</i>	<i>1</i>
	<i>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</i>	<i>2</i>
Phần 1	THÔNG TIN CHUNG	4
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	5
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	11
V.	Định hướng phát triển đến năm 2021	13
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016	20
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và nhiệm kỳ IV 5 năm (2012 – 2016)	20
II.	Tổ chức nhân sự	21
III.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	25
IV.	Tình hình tài chính	27
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	28
VI.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	35
Phần 3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	41
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	41
II.	Tình hình tài chính	42
III.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được	43
IV.	Kế hoạch phát triển năm 2017	45
V.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	47
VI.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	47
Phần 4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	50
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	50
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD, các cán bộ quản lý của Công ty	50
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	51
Phần 5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
I.	HĐQT	53
II.	Ban Kiểm soát	60
III.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS	63
Phần 6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	68
	<i>Hệ thống Đại lý xăng dầu của COMECO</i>	

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và người lao động,

Năm tài chính 2016 đi qua - tiếp tục là một năm hoạt động sản xuất kinh doanh của COMECO thành công. Đây cũng là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với Công ty – đánh dấu chặng đường dài hơn 41 năm hoạt động và 16 năm CPH Công ty. Đồng thời năm 2016 cũng là năm kết thúc 5 năm nhiệm kỳ IV (2012 – 2016).

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, từ một phòng, một xí nghiệp nhỏ thuộc Sở Giao thông Vận tải Tp.HCM tập thể CBCNV Công ty đã luôn cố gắng vượt qua mọi trở ngại, khó khăn để tạo dựng nên được thương hiệu COMECO với Logo hình giọt dầu, màu cam và Slogan “**COMECO vì khách hàng phục vụ**” như ngày hôm nay. Đặc biệt giai đoạn 16 năm CPH từ đầu năm 2001 đến nay COMECO đã có một bước phát triển vượt bậc (lợi nhuận trước thuế tăng gấp **23,5 lần**; Hệ thống Chi nhánh xăng dầu từ con số 17 trước CPH đã tăng thêm 20 Chi nhánh xăng dầu, nâng tổng số lên **37 Chi nhánh xăng dầu**).

Đối với nhiệm kỳ IV (2012 – 2016), Công ty luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu hàng năm ĐHCĐ đặt ra: **lợi nhuận trước thuế tăng gấp 3 lần** so với năm 2011; mạng lưới bán lẻ xăng dầu trong 5 năm qua phát triển thêm được 6 Chi nhánh xăng dầu; thu nhập của người lao động tăng bình quân 13%/ năm.

Năm qua, COMECO là đơn vị kinh doanh xăng dầu đầu tiên tại Việt Nam chuyển đổi thành công hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015 (Công ty đã nhận Giấy chứng nhận ISO 9001:2000 vào năm 2004; ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007 vào năm 2009). Kết quả kinh doanh năm 2016 cũng rất ấn tượng: **lợi nhuận trước thuế là 136,819 tỷ đồng** (đạt **261,60%** kế hoạch năm).

Kính thưa Quý vị,

Năm 2017 là năm mở đầu cho nhiệm kỳ HĐQT mới (2017 – 2021), COMECO phải đối mặt với một số khó khăn thách thức như: OPEC cắt giảm sản lượng sẽ làm giá dầu tăng; những thay đổi về chính sách kinh tế, đối ngoại của Tân Tổng thống Donald Trump; việc Mỹ tuyên bố rút khỏi TPP; tác động của sự kiện Brexit;... Để tiếp tục phát triển bền vững trên nền tảng kiên định Giá trị cốt lõi được COMECO xây dựng từ năm 2008 với “**Bản sắc nhân văn – Đề cao giá trị đạo đức truyền thống**”, COMECO đã tập trung công sức để hoàn thành xây dựng “**Chiến lược phát triển COMECO giai đoạn 2017 – 2021**” để trình ĐHCĐ năm tài chính 2016. Theo đó, COMECO tập trung phát triển ngành kinh doanh xăng dầu phần đầu đưa COMECO trở thành: “**COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ**” và “**Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam**”. COMECO đặt chỉ tiêu lợi nhuận tăng trưởng bình quân tối thiểu là **5%/ năm** cho giai đoạn 2017 – 2021.

Để đạt được mục tiêu, kế hoạch đặt ra, COMECO mong muốn và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ giúp đỡ từ 2 nhà cung cấp - cổ đông lớn (Saigon Petro và PV Oil) với mức đơn giá lãi gộp (chiết khấu) đạt được trên 1.000đ/ lít như 2 năm qua vừa qua.

Kính thưa Quý vị,

Kết quả kinh doanh đạt được trong những năm qua là thành quả từ sự nỗ lực liên tục và tận tụy làm việc của đội ngũ người lao động COMECO. Thay mặt cổ đông Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến hơn 500 người lao động và gia đình người lao động trong Đại gia đình COMECO.

Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã luôn tin nhiệm, đồng hành cùng COMECO trong suốt thời gian qua.

COMECO rất mong muốn nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong chặng đường sắp tới. HĐQT cùng với Ban điều hành và đội ngũ người lao động COMECO quyết tâm thực hiện thành công chiến lược phát triển 2017 – 2021 và kế hoạch 2017 để xứng đáng với niềm tin của Quý vị và cộng đồng xã hội.

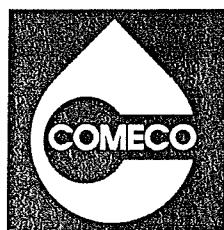
Trân trọng.



Phần I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO) MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



1. Địa chỉ văn phòng : 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh
2. Địa chỉ văn phòng cũ : 11 Cao Bá Nhạ, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1,
Tp.Hồ Chí Minh
3. Điện thoại : (84-8) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222
4. Fax : (84-8) 38 325 555
5. Email : comecopetro@hcm.vnn.vn
6. Website : <http://www.comeco.com.vn>; www.comeco.vn
7. Giấy CNĐKKD số : 0300450673, cấp ngày 13/12/2000
8. Tên cũ (DNNN) : Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO)
9. Vốn điều lệ : 141.206.280.000 đồng
10. Vốn chủ sở hữu (31/12/2016) : 425.337.816.222 đồng
11. Mã Chứng khoán : COM
12. Ngày niêm yết trên Hose : 07/8/2006
13. Ngày thành lập Công ty : 13/12/1975
14. Thời điểm cổ phần hóa : 13/12/2000
15. Thương hiệu COMECO : Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập Công ty: 13/12/1975

Thời điểm CPH: 13/12/2000

2. Thời điểm niêm yết: 07/08/2006

3. Quá trình hình thành Công ty

Qua hơn 41 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau :

3.1. Phòng Quản lý Xăng dầu : Sau 30/4/1975, Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

3.2. Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu : Từ 08/1977 đến 12/1978

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Xí nghiệp Cung ứng Vật tư : Từ 12/1978 đến 12/1981

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.4. Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu : Từ 12/1981 đến 10/1992

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.5. Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000

(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

3.6. Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) : Từ 12/2000 đến nay

- Từ 01/2001 → 9/2004: COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2004 → 02/2010: COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/7/2004 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở thành thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là : 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), đồng thời SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng). Như vậy, SAMCO sở hữu cp COM tổng cộng là 1.600.000 cp (20% VĐL)

- Từ 3/2010 đến nay: COMECO trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Tp.HCM

Theo Quyết định của UBND Thành phố, COMECO chuyển về Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm đại diện. Vốn của Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tại thời điểm 24/3/2017 tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 5.598.757 cp (chiếm 39,65%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược. Đến tháng 7/2011 SAMCO bán hết toàn bộ cp COM do SAMCO nắm giữ.

4. Những cột mốc quan trọng của COMECO

- Ngày 10/9/2016 : Công ty tổ chức buổi lễ đón nhận giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2015 do tổ chức BVQI của Vương Quốc Anh cấp.

- Ngày 13/12/2015 : Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty và 15 năm cổ phần hóa.

- Ngày 28/4/2012 : ĐHĐCĐ kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và bước sang nhiệm kỳ mới mà hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD. Theo đó, Bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016), Ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm TGD điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012 với nhiệm kỳ 5 năm (01/5/2012 → 01/5/2017).

- Ngày 02/4/2011 : Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ngày 13/12/2010 : Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề : “**35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công**”.

- Tháng 8/2010 : Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Tháng 12/2009 : Nhận 2 Giấy chứng nhận : Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.

- Tháng 08/2008 : Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO gồm 12 thành tố.

- Tháng 12/2007 : Nhận Giấy chứng nhận 5S do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.

- Tháng 10/2004 : Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.

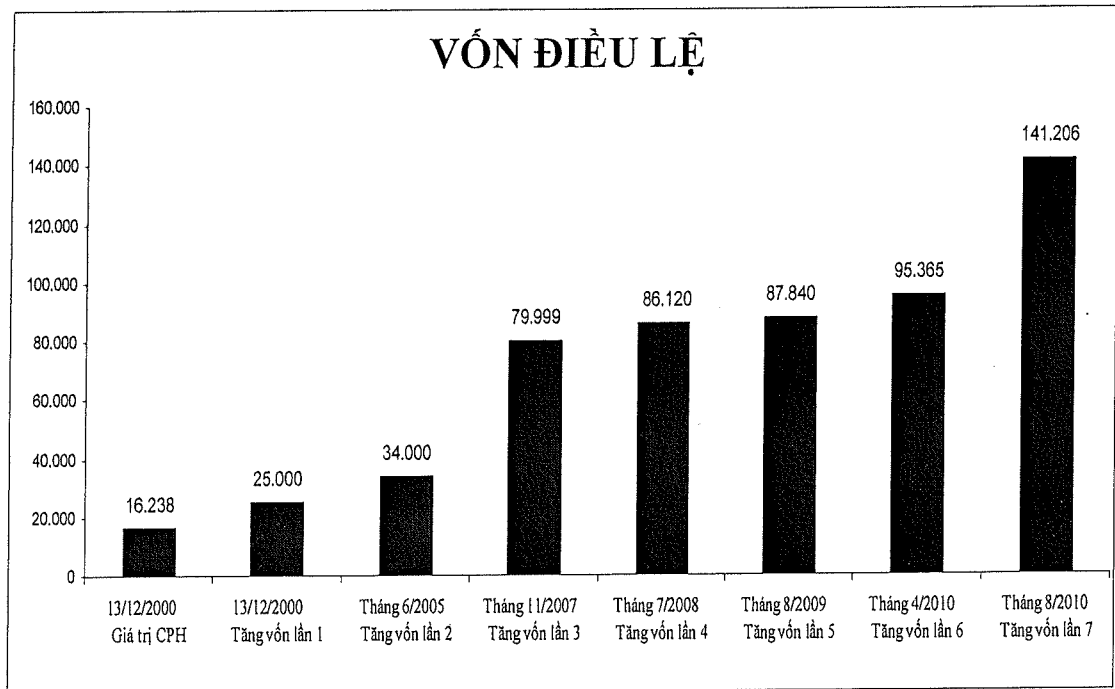
- Tháng 12/2000 : Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Tháng 07/1988 : COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh cho phép mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.1. Vốn điều lệ

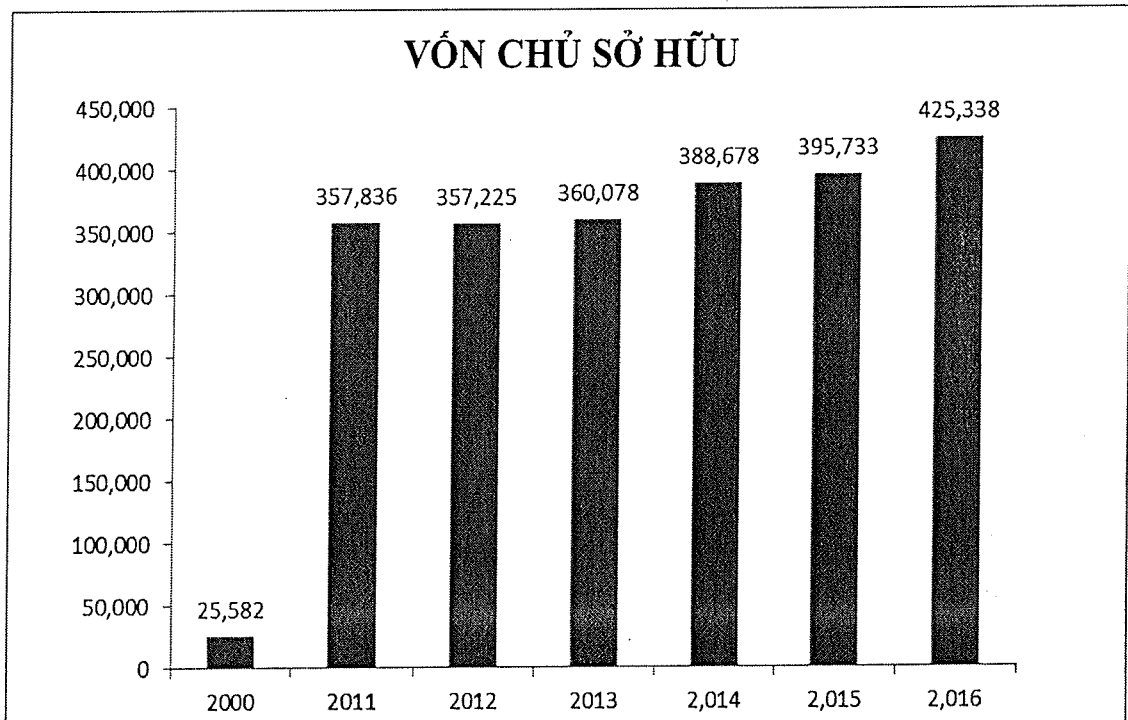
Đơn vị tính : Triệu đồng



Ghi chú: thời điểm Công ty CPH ngày 13/12/2000

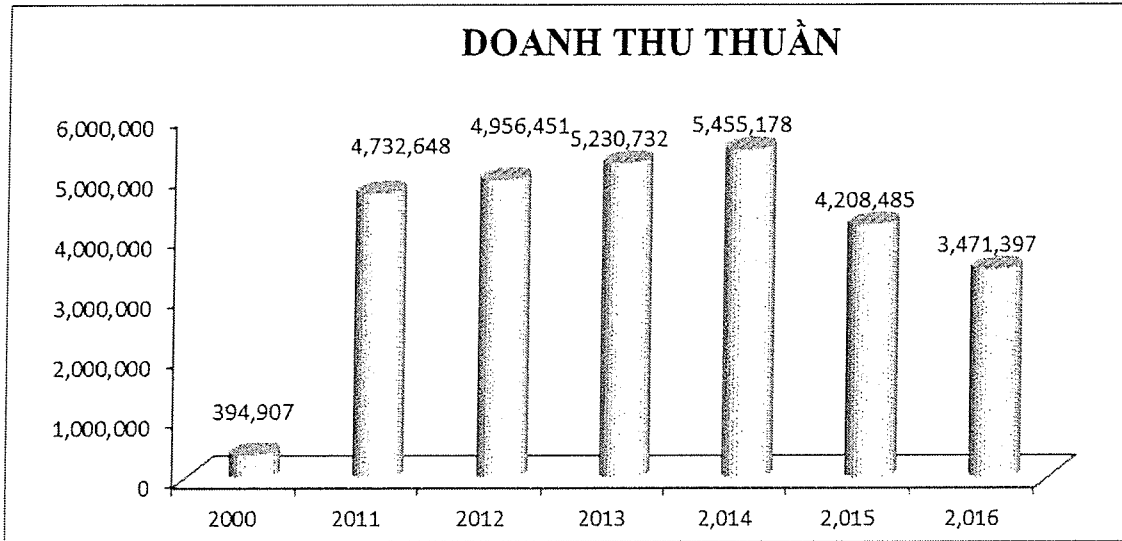
5.2 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính : Triệu đồng



5.3 Doanh thu thuần

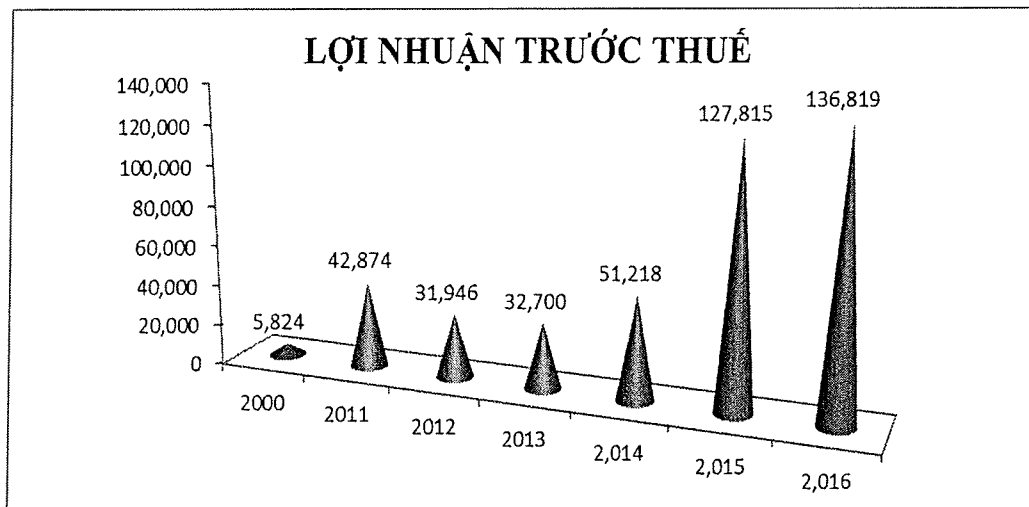
Đơn vị tính : Triệu đồng



Ghi chú : Doanh thu năm 2015, 2016 giảm so với các năm trước (sản lượng Công ty trong 2 năm 2015 và 016 vẫn duy trì ở mức tương đương năm 2014) do ảnh hưởng bởi Nghị định 83 về kinh doanh xăng dầu. Giá xăng dầu trong 2 năm 2015 và 2016 điều chỉnh biến động liên tục theo giá thị trường thế giới trong đó xu hướng giảm giá chiếm ưu thế.

5.4 Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị tính : Triệu đồng



Ghi chú : Lợi nhuận sau thuế năm 2015, 2016 tăng gấp khoảng 2 lần so với các năm trước do đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu tăng (xem thuyết minh số liệu trang 19)

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật : gồm các nội dung chính sau :

- Cơ sở vật chất của Công ty có nhiều nhà, xưởng, kho bãi với tổng diện tích đất là: **284.399 m²** (trong đó, bao gồm 200.000 m² đất của Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai).

- **37 chi nhánh xăng dầu** (cửa hàng xăng dầu). Trong đó: 22 CNXD thuộc sở hữu của Công ty, 15 CNXD là HTKD/thuê. Trong nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) Công ty bị giảm 01 CNXD do CNXD số 19 từ ngày 01/3/2016 trả lại cho chủ đất do hết thời hạn

thuê nhưng Công ty đã phát triển mới thêm được 6 chi nhánh xăng dầu bao gồm các chi nhánh số 37 (thuộc sở hữu Công ty tại Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre), số 39 (thuộc sở hữu Công ty tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An), số 40 (HTKD tại Q.Tân Phú, Tp.HCM), số 41 (HTKD tại Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương), số 42 (HTKD tại Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An), số 43 (HTKD tại Huyện Củ Chi, Tp.HCM).

- Đội xe bồn gồm **23 chiếc** : + 11 xe hiệu Kamaz, dung tích 12.000 lít/xe.
+ 05 xe hiệu Hino, dung tích 16.000 lít/xe.
+ 07 xe hiệu Kamaz, dung tích 17.000 lít/xe.

- Hệ thống **173 trụ bơm** đang hoạt động trong hệ thống CNXD.

- Xưởng lắp ráp trụ bơm điện tử COMECO cung cấp trụ bơm mang thương hiệu COMECO, dịch vụ sửa chữa, bảo trì trụ bơm cho toàn bộ hệ thống CNXD của Công ty và các khách hàng bên ngoài.

- Xưởng sửa chữa xe.

- **Tòa nhà văn phòng COMECO** (10 tầng, diện tích sử dụng : 4.489 m²) tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.

7. Thành tích đạt được trong những năm qua

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2016	Xếp hạng 221 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2015	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh và công tác xã hội từ thiện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc	Thủ tướng Chính phủ
	Xếp hạng 192 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2014 – 2015	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Cờ truyền thống nhân dịp 40 ngày thành lập Công ty	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2014	Xếp hạng 190 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2013 – 2014	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013 (xếp hạng 49)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2013	Xếp hạng 179 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 (xếp hạng 20)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2012 – 2013	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2012	Xếp hạng 147 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet

	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam	Công đoàn Viên chức Việt Nam
	Được tuyên dương Top 100 “ Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011 ”	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy Thành phố
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (tổ chức tại Mexico)	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng NN VN
2008	Huân chương Độc lập hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ	Thủ tướng Chính phủ

	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTEK)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba	Hội đồng Nhà nước

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tạo điều kiện cho NLĐ tham gia các phong trào văn thể mỹ để nâng cao đời sống tinh thần cho NLĐ và đã đạt được các thứ hạng cao trong các hội thi như : Karaoke, Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, trò chơi vận động,....

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Tỷ trọng doanh thu, LNTT các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty NĂM 2016

SỐ TT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	TỶ TRỌNG SO VỚI TỔNG DOANH THU	TỶ TRỌNG SO VỚI LNTT
1	Kinh doanh xăng, dầu, nhớt	99,23 %	87,98 %
2	Cho thuê văn phòng, kho bãi	0,70 %	11,68 %
3	Kinh doanh khác bao gồm: - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. - Xây dựng nhà các loại.	0,07 %	0,34 %

2. Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận : Long An, Bình Dương, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng (xem Phụ lục : “*Hệ thống CNXD COMECO*” ở phần cuối báo cáo này).

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

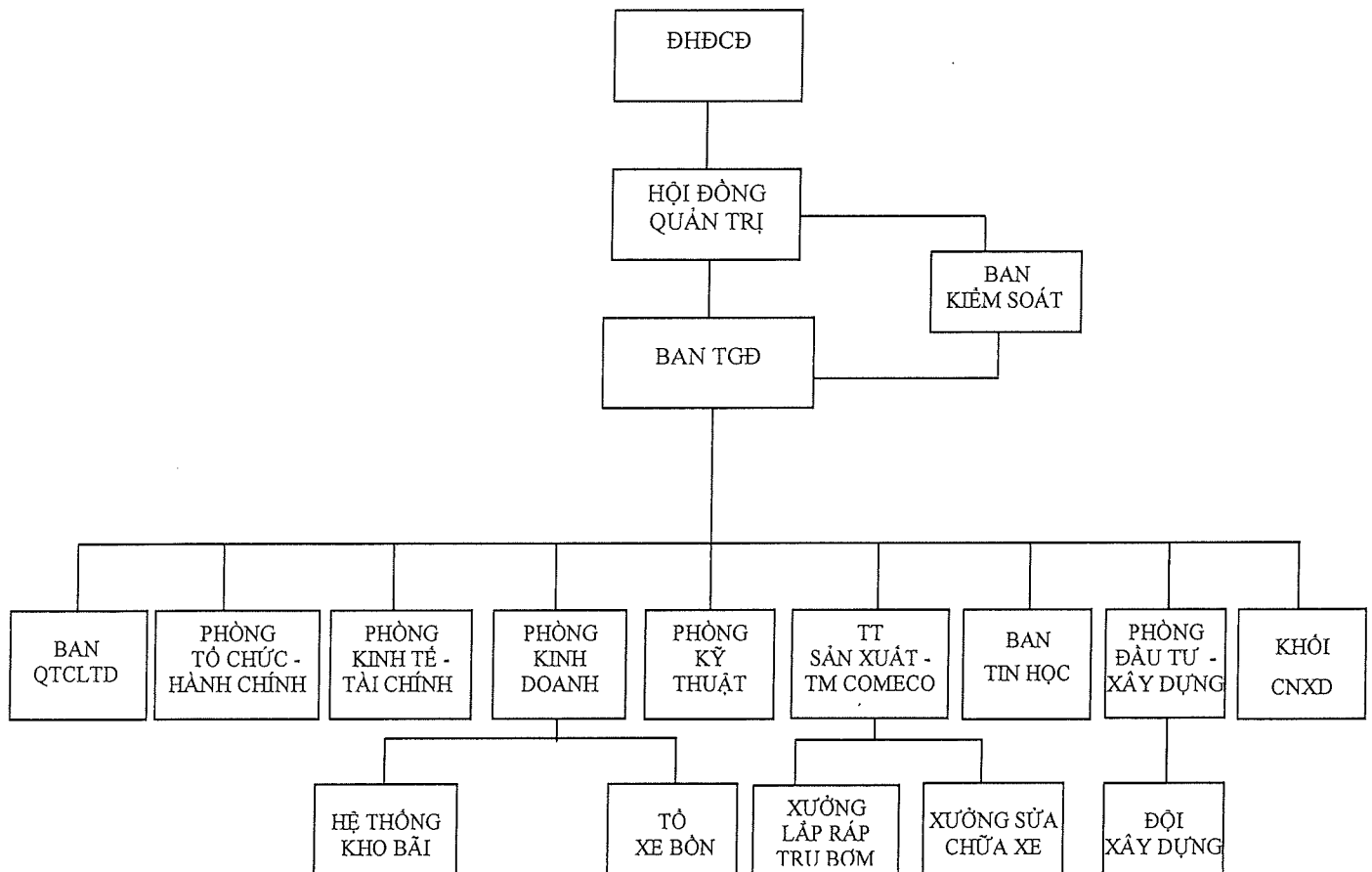
- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban điều hành, trong đó đứng đầu là TGD (người đại diện theo Pháp luật).

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. TGD quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2021

1. Phân tích môi trường kinh doanh :

SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<ol style="list-style-type: none"> 1. COMECO có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất 284.399 m², tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 37 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận. 2. Thương hiệu COMECO tương đối mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. COMECO hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại thị trường Tp.Hồ Chí Minh sau Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). 3. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 24,49%/năm (2001-2016); tài chính lành mạnh 4. Đội ngũ NLD nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu. 5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí của các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa COMECO ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn. Khách hàng ngày càng tin tưởng về chất lượng dịch vụ. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu còn thừa thớt. 2. Phục vụ khách hàng chưa thật sự chuyên nghiệp. 3. Vi tính hóa quản trị còn chậm. Công tác cập nhật và xử lý thông tin đôi khi còn chậm. 4. Công tác Marketing còn yếu. 5. Thông tin thị trường, đối thủ còn hạn chế
CƠ HỘI (O)	NGUY CƠ (T)
<ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao → nhu cầu năng lượng tăng 2. Tình hình chính trị trong nước ổn định; tốc độ phát triển của ngành dầu khí trong nước khá cao. GDP của Việt Nam tăng bình quân 7 → 8%/ năm. 3. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. 4. Tp Hồ Chí Minh có nền kinh tế năng động, các khu đô thị, khu CN phát triển nhanh. 5. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chưa có sản phẩm thay thế hữu hiệu. Cơ chế kinh doanh xăng dầu dần theo hướng thị trường. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giá xăng dầu thế giới biến động liên tục và không ổn định. 2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. 3. Hạn chế phát triển cửa hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty có thể bị giải tỏa theo dự thảo mới về quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu thay thế cho Quyết định 39/2007/QĐ-UBND. 4. Các sản phẩm thay thế xăng dầu (gas, LPG) ngày càng được phát triển. 5. Nhà nước triển khai Nghị định 83/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, có nhiều loại hình thương nhân kinh doanh xăng dầu hơn; thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn.

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4,S5) + (O2, O4, O5) → Chiến lược tăng trưởng tập trung

(S1, S4, S5) + (O1, O2, O3, O4) → Chiến lược hội nhập

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1)+(O1, O2, O4, O5) → Chiến lược hội nhập, chọn đối tác liên kết HTKD,

khai thác mặt bằng trống

(W2,W3) + (O3) → Chiến lược hệ thống QTCLTD

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, thách thức

(S1, S2, S4,S5) + (T1, T3, T4) → Chiến lược đa dạng hóa SP

(S1, S2, S4) + (T2, T4, T5) → Chiến lược phát triển SP mới

PHỐI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W1, W2, W3, W5) + (T2, T4, T5) → Chiến lược đầu tư

(W2, W3, W4) + (T2, T4) → Chiến lược nguồn nhân lực

(W3, W4) + (T1, T4, T5) → Chiến lược Marketing

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau:

2. Định hướng phát triển đến năm 2021

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2021: tập trung nguồn lực cho việc phát triển ngành kinh doanh xăng dầu làm nền tảng vững chắc cho chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực; phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO; phấn đấu đưa COMECO trở thành: **COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ và Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam** (trực chính là xăng dầu)". Đồng thời thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Cổ đông và Người lao động.

2.2. Mục tiêu chủ yếu (cụ thể)

1. Tiếp tục nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu; phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu. Phấn đấu mức tăng trưởng sản lượng bán lẻ xăng dầu nhiệm kỳ V (2017 – 2021) bình quân 5%/năm.

2. Đầu tư phát triển CNXD, ít nhất 3 CHXD.

3. Đầu tư nâng cấp các CHXD hiện hữu.

4. Đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh và quản lý theo hướng hiện đại.

5. Khai thác tối đa quỹ đất để phát triển sản xuất kinh doanh. Khai thác hiệu quả các mặt bằng hiện hữu, trong đó chú ý đến việc gia tăng tiện ích trong các mặt bằng kinh doanh xăng dầu.

6. Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo việc làm và đời sống cho NLD.

7. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

8. Duy trì và cải tiến HTQLCLTD. Tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công tác an toàn cháy nổ tại các CNXD. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

9. Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG	Nâng cao chất lượng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung cấp ra thị trường. - Giao hàng kịp thời, đúng thời gian quy định. - Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng. - Cung cấp và tư vấn đầy đủ các thông tin về sản phẩm, dịch vụ để khách hàng biết và yên tâm sử dụng. - Thông tin phản hồi từ phía khách hàng được cập nhật thường xuyên thông qua điện thoại, email,... - Định kỳ bộ phận kinh doanh và các Chi nhánh cũng chủ động gửi các phiếu tìm hiểu ý kiến

		<p>đến khách hàng để đo lường sự thỏa mãn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến mại đa dạng về hình thức, hấp dẫn về nội dung, phù hợp khả năng của Công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng. - Hồ sơ của khách hàng được giải quyết nhanh, chính xác. Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự thân thiện, nói lời “cảm ơn” sau khi bán. - Bảo vệ lợi ích và an toàn cho khách hàng khi đến mua hàng - Môi trường làm việc an toàn. - Đa dạng hóa hình thức thanh toán. - Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các dịch vụ gia tăng trong khuôn viên CNXD,... - Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. tăng cường dịch vụ sau khi bán để gia tăng sản lượng bán lẻ xăng dầu
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ và đầu tư phát triển hệ thống Chi nhánh bán lẻ xăng dầu dưới nhiều hình thức như: đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê/ hợp tác kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu; mua, thuê đất xây dựng cửa hàng xăng dầu mới; mua hoặc thuê cửa hàng xăng dầu có sẵn; tìm đối tác có mặt bằng phù hợp để hợp tác kinh doanh cửa hàng xăng dầu,... - Giữ và phát triển đại lý/ thương nhân nhượng quyền bán lẻ xăng dầu; tìm kiếm khách hàng mới. - Mở rộng kinh doanh ở các CNXD còn tiềm năng như: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư xây mới hoặc mở thêm tiểu đảo. + Đầu tư khai thác hiệu quả các mặt bằng trống, - Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh.
	Bảo toàn và phát triển nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo vốn hoạt động của Công ty, đáp ứng vốn kịp thời cho các dự án đầu tư. - Huy động vốn - Tìm tổ chức tín dụng để vay lãi suất thấp. - Quản lý tốt tài chính, công nợ, không để xảy ra nợ xấu. - Nâng cao khả năng dự phòng, cân trọng đầu tư, tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các quá trình và dự báo tốt tình hình để giảm thiểu các rủi ro cho Công ty.
CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác, liên kết phát triển kinh doanh, khai thác hiệu quả 20 ha đất của Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai.

		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thị trường bán sỉ và bán lẻ xăng dầu tại thành phố, các tỉnh lân cận. - Tăng cường tiếp thị, quảng bá thương hiệu - Tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng.
CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	Phát triển giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tốt dịch vụ tư vấn thiết kế, bảo trì, sửa chữa và cung cấp vật tư, phụ tùng trụ bom, trụ bom điện tử COMECO, rửa xe, thay nhớt, thẻ thanh toán,... - Khai thác dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác hết công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO, khai thác hết công năng các mặt bằng còn trống của Công ty dưới các hình thức xây dựng kho bãi, nhà xưởng, văn phòng cho thuê, HTKD,...
	Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư thiết bị và công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh nhiên liệu sạch theo chủ trương của Chính phủ. Từng bước đầu tư máy móc, trang bị công nghệ cao để tăng cường công tác quản lý và phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo PCCC. - Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh. - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ. - Nghiên cứu sử dụng trụ bom với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD. - Đầu tư thêm thiết bị máy tính, phần mềm quản lý. - Đầu tư xe bồn thay thế cho các xe sắp hết hạn sử dụng. - Nghiên cứu đầu tư công nghệ tin học để thực hiện hội họp qua mạng nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, người lao động và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại

		<p>đội ngũ NLD.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, OHSAS, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đối với khách hàng chiến lược: đầu tư hỗ trợ khách hàng, chia sẻ khó khăn, lợi ích,.... - Đối với đối tác: duy trì mối quan hệ trên cơ sở bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. - Nhà cung ứng: có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển; tiền cổ tức hàng năm. - NLD: có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe. - Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội...

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Năm 2016, kinh tế thế giới chứng kiến đà tăng trưởng chậm lại. Hầu hết các nền kinh tế đều cho thấy sự tăng trưởng trì trệ, bất chấp những nỗ lực nới lỏng tài khoá và tiền tệ. Các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản,...đều có mức tăng trưởng giảm so với năm 2015. Về tình hình trong nước, kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục ổn định nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra, chỉ đạt 6,21% so với cùng kỳ 2015 do ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương

mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp. Từ những khó khăn trên đã tác động đến doanh nghiệp và giới đầu tư, dẫn đến sức cầu tiếp tục giảm sút.

- Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO vẫn phát huy các thế mạnh của mình đồng thời mở rộng kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật

- Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

- Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

- Chính sách của Nhà nước trong quá trình hội nhập sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu nên thị trường xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

- Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGD Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ

Xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn đối nếu có sơ xuất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị hệ thống chữa cháy Foam, hệ thống cảnh báo cháy tại các CNXD, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, các bảo hiểm rủi ro khác; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, môi trường,... nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro tín dụng

Công ty thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp, do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

5. Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương

xúng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho SXKD.

6. Rủi ro trong ngành xăng dầu

Rủi ro về biến động giá xăng dầu: Hiện nguồn cung xăng dầu trong nước chủ yếu từ nhập khẩu nên giá bán phụ thuộc vào giá xăng dầu thế giới. Thời gian qua, giá xăng dầu trên thế giới liên tục biến động bất thường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và COMECO nói riêng. Để hạn chế rủi ro, COMECO thường xuyên cập nhật thông tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả.

Phần 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 VÀ NHIỆM KỶ IV 5 NĂM (2012 – 2016)

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2000	TH NĂM 2001	TH NĂM 2015	KH NĂM 2016	TH NĂM 2016	TH 2016/ KH 2016	TH 2016/ TH 2015	TLBQ 2001 - 2016
A	B	C	1	2	3	4	5	6 (5/4)	7(5/3)	8
1	Doanh thu	Trđ	394.907	571.619	4.208.485	3.100.000	3.471.397	111,98%	82,49%	112,78%
2	Lãi gộp	Trđ	25.069	41.482	295.139	205.000	284.884	138,97%	96,53%	113,71%
3	ĐG lãi gộp bán lẻ XD	Đồng/lít	276,04	437,27	1.194,09	673,00	1.250,11	185,75%	104,69%	107,25%
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	5.824	10.609	127.815	52.300	136.819	261,60%	107,04%	118,59%
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	3.298	10.609	100,001	42.000	109,726	261,25%	109,72%	116,85%
6	Nộp NSNN	Trđ	5.233	3.192	81,521	33.000	67,052	203,19%	82,25%	122,51%
7	Cổ tức	%	-	15	50	15	50	333,33%	100,00%	108,36%

Ghi chú:

- Năm 2000: là Doanh nghiệp Nhà nước (13/12/2000 Cổ phần hóa).

- Năm 2016: + Doanh thu thực hiện năm 2016 thấp hơn năm 2015 là do giá bán lẻ xăng dầu năm 2016 giảm mạnh. Tuy nhiên Công ty vẫn vượt kế hoạch doanh thu năm 2016.

+ Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến sản lượng kinh doanh năm 2016:

. CNXD số 19 đối tác ngừng hợp tác kinh doanh từ tháng 3/2016.

. CNXD số 14, 15 ngưng kinh doanh để sửa chữa do Thành phố nâng cấp tuyến đường

Kinh Dương Vương.

- Cột 7: Cách tính TLBQ % theo phương pháp tăng trưởng tỷ lệ kép hàng năm (CAGR)

2. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2007	TH NĂM 2011	TH NĂM 2012	TH NĂM 2013	TH NĂM 2014	TH NĂM 2015	TH NĂM 2016	TH 2016/ TH 2011	TLBQ NK III	TLBQ NK IV
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8 (7/2)	9	10
1	Doanh thu	Trđ	2.087.941	4.732.648	4.956.451	5.230.732	5.455.187	4.208.485	3.471.397	73,35%	122,70%	91,48%
2	Lãi gộp	Trđ	72.146	131.923	147.458	152.918	182.799	295.139	284.884	215,95%	116,29%	117,90%
3	ĐGLG BLXD*	Đồng/lít	412,12	539	542	621	668	1.194	1.250	232,01%	106,93%	123,25%
4	LN trước thuế	Trđ	17.652	42.874	31.946	32.700	51.218	127.815	136.819	319,12%	124,84%	143,86%
5	LN sau thuế	Trđ	15.190	33.272	24.525	25.531	42.018	100.001	109.726	329,79%	121,65%	145,44%
6	Nộp NSNN	Trđ	9.152	24.762	25.785	28.901	33.788	81.521	67.052	270,79%	128,25%	126,99%
7	Cổ tức	%	15	18	15	15	20	50	50	277,78%	104,66%	135,12%

Ghi chú:

- ĐGLG BLXD*: Đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu

- Năm 2000: là Doanh nghiệp Nhà nước (13/12/2000 Cổ phần hóa).

- Năm 2016: Doanh thu thực hiện năm 2015, 2016 thấp hơn so với các năm trước là do giá bán lẻ xăng dầu năm 2015, 2016 giảm mạnh. Tuy nhiên, Công ty vẫn vượt kế hoạch 2 năm này.

- Số liệu kiểm tra thuế đến hết năm 2014 và kiểm toán đến hết năm 2016.

- Cột 9, 10: Cách tính TLBQ % theo phương pháp tăng trưởng tỷ lệ kép hàng năm (CAGR)

- Tỷ lệ thuế TNDN: + Năm 2012 và 2013 là: 25%/ năm

+ Năm 2014 và 2015 là: 22%/ năm

+ Năm 2016 là: 20%/ năm

Nhận xét:

So sánh một số chỉ tiêu của nhiệm kỳ IV 5 năm (2012 – 2016), chỉ tiêu doanh thu của Công ty có mức giảm đáng kể do ảnh hưởng bởi Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, theo đó giá xăng dầu được điều chỉnh theo biến động giá thị trường. Điều này khiến cho giá xăng dầu điều chỉnh liên tục, trong đó xu hướng giảm giá chiếm ưu thế (sản lượng Công ty trong năm 2015 và 2016 vẫn giữ ổn định so với các năm trước).

Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và NLĐ Công ty cùng với việc triển khai hiệu quả một số giải pháp phù hợp (tiết giảm đến mức thấp nhất các khoản chi phí không cần thiết, khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh...) đồng thời mức đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu các năm 2015 và 2016 đều duy trì ở mức tốt cho nên kết quả kinh doanh của COMECO đạt được trong 2 năm 2015 và 2016 cao hơn hẳn so với các năm trước (tăng khoảng 3 lần so với năm 2011). Tốc độ tăng trưởng bình quân sau 5 năm (2012-2016): 45,44% (LNST). Chính kết quả kinh doanh tốt trong năm 2015 và 2016 tạo điều kiện cho Công ty đảm bảo mức trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 50%/VĐL cho năm 2015 và 2016) và nộp NSNN ở mức cao so với các năm trước

Tình hình kinh doanh ổn định, các báo cáo tài chính được công bố minh bạch theo đúng quy định. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật; các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt; luôn đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ nhân dân Thành phố, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

- Ông Lê Tấn Thương : Tổng Giám đốc
- Năm sinh : 13/11/1971
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.
- Thâm niên trong ngành : 24 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 24 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 18 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)
 - Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
 - Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch.
 - Tháng 10/2000 : Phó phòng Kinh doanh và sau đó là Quyền Trưởng phòng Kinh doanh.
 - Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
 - Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
 - Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay với nhiệm kỳ 5 năm (01/5/2012 – 01/5/2017).

▪ **Ông Phạm Văn Khoa** : **Phó TGD**
Năm sinh : 05/5/1973
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.
Thâm niên trong ngành : 20 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 18 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 13 năm (tháng 07/2004 đến nay)
- Tháng 7/1999 : nhân viên Phòng Kỹ Thuật.
- Tháng 7/2004 : Trưởng ban xây dựng cơ bản.
- Tháng 4/2005 : Giám đốc Đầu tư – Xây dựng.
- Tháng 4/2006 : Ủy viên Ban Kiểm soát cho đến tháng 4/2012.
- Tháng 4/2013 : Phó TGD cho đến nay với nhiệm kỳ 5 năm
(01/4/2013 - 31/3/2018).

▪ **Ông Nguyễn Chơn Quang** : **Phó TGD**
Năm sinh : 12/7/1982
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Thâm niên trong ngành : 07 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 07 năm (làm việc tại Công ty từ 7/2010 đến nay)
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 05 năm (tháng 07/2012 đến nay)
- Tháng 7/2010 : nhân viên Phòng Kinh doanh.
- Tháng 4/2011 : Trợ lý Ban Tổng Giám đốc.
- Tháng 4/2012 : Trợ lý Tổng Giám đốc.
- Tháng 8/2012 : Quyền Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 1/2013 : Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 2/2015 : Phó TGD (nhiệm kỳ 5 năm) kiêm GD Kinh doanh.
- Tháng 1/2016 : Phó TGD cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Công Quyền** : **Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính.**
Năm sinh : 19/6/1963
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính,
Cử nhân Ngoại thương.
Thâm niên trong ngành : 31 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 31 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 28 năm (tháng 6/1989 đến nay)
- Tháng 6/1986 : nhân viên Kế toán Tổng hợp.
- Tháng 6/1989 : Phó phòng Kế toán.

- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính.

- Tháng 4/2012 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến nay.

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGD, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 16/12/2016)**

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/VĐL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
1	Ban Tổng Giám đốc		151.710		39.190	190.900	1,35
1	Lê Tấn Thương	TGD	141.370	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	180.280	1,28
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD	5.600	Vợ : Lê Thị Hồng Anh	280	5.880	0,04
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD	4.740			4.740	0,03
II	Kế toán trưởng		100.255		0	100.255	0,71
1	Phạm Công Quyền	GDTC - KTT	100.255			100.255	0,71
	TC (I + II)		251.965		39.190	291.155	2,06

2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

3. Số lượng NLD và chính sách đối với người lao động

3.1. Số lượng NLD

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2016

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2015		NĂM 2016		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	Tổng số lao động	540		535		99,07
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	07	1,29	08	1,50	114,29
2	Đại học	85	15,74	88	16,45	103,53
3	Cao đẳng	28	5,18	28	5,23	100
4	Trung cấp	50	9,26	51	9,53	102
5	Cấp III	327	60,56	481	89,91	147,09
6	Cấp II	44	7,97	35	6,54	79,55
III	Chính trị					
1	Đảng viên	51	9,40	52	9,72	101,96
2	Đoàn viên thanh niên	60	11,11	60	11,21	100
3	Đoàn viên Công đoàn	526	97,40	535	100	101,71
IV	Kinh nghiệm					
1	NLD có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	104	19,26	175	32,71	168,27
2	NLD có trên 5 năm kinh nghiệm	351	65,00	358	66,92	101,99
V	Độ tuổi					
1	NLD có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	180	33,33	186	34,77	103,33

2	NLĐ có tuổi đời 31 đến 40	246	45,60	239	44,67	97,15
3	NLĐ có tuổi đời 41 đến 50	73	13,52	73	13,64	100
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	41	7,55	31	5,79	75,61
VI	Cán bộ Quản lý					
1	Khối văn phòng (từ Phó GD bộ phận trở lên)	18	3,33	20	3,74	117,65
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	48	8,90	43	8,04	89,58

Ghi chú: danh sách lao động tính đến thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016.

3.2. Chính sách đối với người lao động

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 535 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty. Trong quá trình quản lý COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý, là tài sản của doanh nghiệp, các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước và theo Thỏa ước Lao động Tập thể của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ ưu đãi khác đối với NLĐ như phụ cấp cho NLĐ đi làm xa nhà, chi tiền học phí và khuyến khích NLĐ đi học, tổ chức tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, sinh nhật,... Từ đó đã tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết để NLĐ xem COMECO như gia đình thứ hai của mình nhằm phát huy hết tinh thần làm việc đồng đội, sự sẻ chia và giúp đỡ nhau cùng hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ trẻ. Năm 2016, Công ty đã tổ chức đào tạo được 1.277 lượt người, đạt 160% so với kế hoạch năm, trong đó cử đi đào tạo các trường Đại học, Cao đẳng, Cao cấp và Trung cấp Chính trị 38 người, đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chính trị 23 người.

- Năm 2016 tiếp tục bồi dưỡng quy hoạch 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 17 cán bộ cấp phòng trở xuống, quy hoạch thêm 3 cán bộ dự bị. Việc đào tạo và bổ nhiệm đúng theo quy hoạch. Trong năm 2016, Công ty bổ nhiệm được 01 GD bộ phận; 01 Phụ tá; 01 Tổ trưởng; 01 Trưởng Chi nhánh; 02 Phó phụ trách; 01 Phó Chi nhánh; 02 Kế toán Chi nhánh. Trong nhiệm kỳ IV (2012 – 2016), Công ty bổ nhiệm được 01 TGD; 2 Phó TGD; 11 GD, Quyền QĐ các bộ phận, Trưởng ban; 09 Phó GD, phó ban; 27 Trưởng Chi nhánh, Phó phụ trách Chi nhánh; 20 Phó Chi nhánh; 05 Phụ tá GD, Trưởng ban, Trợ lý; 17 Kế toán Chi nhánh; 04 CNBX kiêm Kế toán; 02 Tổ trưởng.

- Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả Công ty.

- Phong trào sáng kiến, giải pháp mới năm 2016: có 37 Giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời. Nhiều giải pháp có tính hữu ích cao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí.

- Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay việc làm và đời sống của toàn thể NLĐ vẫn được duy trì; không có trường hợp bị mất việc làm; thu nhập và việc làm của người lao động được ổn định; đời sống NLĐ được cải thiện.

- Môi trường làm việc an toàn và ngày càng được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 và công cụ nâng cao năng suất lao động “5S”.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư

1.1. Các khoản đầu tư năm 2016

- Năm 2016, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện việc khảo sát, bố trí lại các mặt bằng tại các CNXD để lắp thêm trụ bơm, bố trí các mặt hàng cho phù hợp với thị trường; đầu tư sửa chữa các CNXD. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa lớn Chi nhánh xăng dầu số 14, 15; xây dựng kho dầu nhờn Công ty tại Chi nhánh xăng dầu số 25.

- Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

- Thực hiện việc di dời số hộ dân còn lại trong Tổng kho Xăng dầu COMECO.

- Tập trung đầu tư khai thác các mặt bằng còn trống, chuyển đổi công năng, xem xét bố trí cho phù hợp và hiệu quả tối ưu.

- Trang bị camera cho toàn hệ thống Chi nhánh COMECO.

- Đầu tư thí điểm hệ thống đo bồn tự động tại Chi nhánh 14 và 15.

- Đầu tư cải tạo, sơn mới mặt dựng văn phòng, nắp capo trụ bơm, trang bị bồn chứa mới các CNXD 3, 4, 25, 30, 39.

- Mua mới 01 xe Toyota Innova.

- Thực hiện việc đầu tư 4 xe bồn vận chuyển nhiên liệu, tổng dung tích 72m³, để thay thế cho xe bồn gần hết niên hạn sử dụng (đang thực hiện, hoàn thành trong tháng 02/2017).

- Về khai thác kinh doanh tại Toà nhà COMECO: Đã khai thác 100%.

Năm 2016, COMECO đã đầu tư và thanh quyết toán **10.643.317.792 đ** (chưa bao gồm VAT) cho các hạng mục công trình sau:

- Tổng kho:	2.106.324.000 đ
+ Chi phí bồi thường đất cho các hộ dân	1.902.324.000 đ
+ Chi phí trông giữ tài sản	54.000.000 đ
+ Chi phí khác	150.000.000 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 14 (xem phần 2.2 bên dưới)	3.300.553.740 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 15 (xem phần 2.2 bên dưới)	3.739.522.084 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 25 (xem phần 2.2 bên dưới)	543.003.459 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 43	128.539.600 đ
- Mua mới 01 xe Toyota Innova	825.374.909 đ

1.2. Các khoản đầu tư nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

Trong nhiệm kỳ IV (2012 – 2016), COMECO đã đầu tư và thanh quyết toán **77.840.741.539 đ** (chưa bao gồm VAT) cho các hạng mục công trình sau:

- Tổng kho:	4.419.003.427 đ
+ Chi phí bồi thường đất cho các hộ dân	2.002.324.000 đ
+ Chi phí san lấp mặt bằng	1.014.610.009 đ
+ Chi phí phát quang mặt bằng	661.500.000 đ
+ Chi phí thi công cống thoát nước	127.581.818 đ

+ Chi phí khác	612.987.600 đ
- Đầu tư cải tạo một số mặt bằng, CHXD	36.103.669.168 đ
- Hồ sơ pháp lý	30.681.203.908 đ
- Máy móc thiết bị	4.232.323.805 đ
- Đầu tư xe	1.810.792.636 đ
- Đầu tư khác	593.748.595 đ

2. Một số dự án lớn của Công ty

2.1. Dự án xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO (đang thực hiện)

- Địa điểm : Xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. (Sông Nhà Bè, gần đối diện với Kho Xăng dầu Nhà Bè, Tp.Hồ Chí Minh).

- Diện tích đất: 20ha (200.000 m²) với 370 m chiều ngang mặt tiền sông Nhà Bè.

Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả nhất.

Hiện nay, Công ty đã thực hiện một số công việc như : Hoàn tất thủ tục đền bù, nộp tiền sử dụng đất (giao đất), thi công san lấp mặt bằng,... với tổng chi phí tính đến 31/12/2016 là **63,495 tỷ đồng**.

2.2. Cải tạo sửa chữa hệ thống CNXD

2.2.1. Cải tạo, sửa chữa, nâng nền toàn bộ Chi nhánh 14:

- Công trình thuộc sở hữu Công ty: nâng nền toàn bộ Chi nhánh theo độ nâng mặt đường Kinh Dương Vương.

- Địa điểm: 450 Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là **3.291.520.103 đ**.

2.3.2. Cải tạo, sửa chữa, nâng nền toàn bộ Chi nhánh 15:

- Công trình thuộc sở hữu Công ty: nâng nền toàn bộ Chi nhánh theo độ nâng mặt đường Kinh Dương Vương.

- Địa điểm: 526 Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là **3.501.283.421 đ**.

2.3.3. Xây mới kho nhớt phuy tại Chi nhánh 25:

- Công trình thuộc sở hữu Công ty: xây mới kho nhớt phuy tại Chi nhánh 25.

- Địa điểm: 26 Hồ Ngọc Lãm, P. 16, Q. 8, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là **532.978.004 đ**.

2.3.4. Kinh doanh nhiên liệu sinh học E5

Sự phát triển bền vững của một quốc gia không thể tách rời với việc phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường và đặc biệt là đảm bảo an ninh năng lượng. Trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu gốc khoáng tăng cao trong khi nguồn cung cấp ngày càng hạn chế dẫn đến giá nhiên liệu gốc khoáng cũng tăng theo, việc đảm bảo an ninh năng lượng đang ngày càng trở nên cấp bách đối với tất cả các nước trên thế giới. Thêm vào đó, nhu cầu giảm phát thải các loại khí thải độc hại để bảo vệ môi trường, giảm chi phí y tế cho cộng đồng cũng trở nên bức thiết. Ngoài ra, việc hình thành một ngành công nghiệp nhiên liệu mới cũng sẽ giúp tạo việc làm, tạo cơ hội đầu tư và hỗ trợ phát triển nền kinh tế. Sản xuất và sử dụng nhiên liệu tái tạo nói chung và E5 nói riêng đáp ứng cả ba khía cạnh này.

Nhận thức được tầm quan trọng của nhiên liệu sinh học trong đó có xăng E5 đến sự phát triển bền vững của đất nước, đồng thời tuân thủ theo quyết định ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống của Thủ tướng Chính phủ, COMECO đã triển khai thí điểm kinh doanh xăng sinh học E5 tại một số CNXD của Công ty. Từ thành công bước đầu của chương trình, ngày 13/12/2011 nhân kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Công ty COMECO đã chính thức triển khai kinh doanh xăng sinh học E5 tại **10 CNXD** thuộc hệ thống của COMECO. Tổng cộng hiện nay có **19 CNXD** thuộc hệ thống của COMECO đã kinh doanh xăng E5.

Việc triển khai kinh doanh xăng E5 một lần nữa thể hiện cam kết bảo vệ môi trường của COMECO, đồng thời mang đến cho khách hàng thêm sự lựa chọn khi sử dụng nhiên liệu.

2.3.5. Đầu tư nâng cấp các CNXD theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007

- COMECO đã đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CNXD để đảm bảo nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng với đơn vị Nhà nước có chức năng để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải, khí tại các CNXD COMECO và kết quả đều đạt yêu cầu.

- Đối với chất thải: hầu hết các CNXD COMECO đều có đăng ký sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ phương tiện tại các CNXD để kiểm soát, phân loại chất thải sinh hoạt vào chất thải nguy hại (Việc thực hiện thu gom và xử lý chất thải tại các CNXD COMECO được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần theo quy định).

- Nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh để cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ và phục vụ khách hàng.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2000	TH NĂM 2011	TH NĂM 2012	TH NĂM 2013	TH NĂM 2014	TH NĂM 2015	TH NĂM 2016.	TỶ LỆ (%)		
										2016/2015	2016/2011	BQ 16 NĂM
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8 (7/6)	9 (7/2)	10
1	Tổng tài sản	Tr.đ	105.568	448.555	606.611	597.791	428.410	449.381	529.583	118	118	112
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	25.582	357.836	357.225	360.078	388.678	395.733	425.338	107	119	119
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	25.000	141.206	141.206	141.206	141.206	141.206	141.206	100	100	112
4	SLCP đang lưu hành	1.000 Cp	2.500.000	13.750.875	13.750.875	13.750.875	141.206,28	141.206,28	141.206,28	100	103	131
5	Doanh thu thuần	Tr.đ	394.907	4.732.648	4.956.451	5.230.732	5.455.178	4.208.485	3.471.397	82	73	113
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	25.069	41.116	31.834	30.815	51.240	127.374	136.629	107	332	117
7	Lợi nhuận khác	Tr.đ	40	1.757	111	1.885	-23	441	189	43	11	95
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.824	42.874	31.945	32.700	51.218	127.815	136.819	107	319	119
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.298	33.272	24.525	25.531	42.018	100.001	109.726	110	330	117
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0	18	15	15	20	50	50	100	278	108
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	Đồng	1.319	2.420	1.784	1.857	2.708	6.409	7.119	112	294	104
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	Đồng	10.233	26.023	25.978	26.186	27.526	28.025	30.122	107	116	106

Ghi chú : Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2016; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2014.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2000	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TH 2016	TỶ LỆ (%)		
										2016/2015	2016/2011	BQ 16 NĂM
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8 (7/6)	9 (7/2)	10
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán											
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,23	2,68	1,51	1,38	4,33	3,38	2,65	78	99	105
1.2	Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,19	2,19	0,73	0,49	2,40	2,03	0,91	45	42	98
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn											
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	Lần	0,76	0,20	0,41	0,40	0,09	0,12	0,20	167	100	92
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	Lần	3,13	0,80	0,70	0,66	0,10	0,14	0,25	179	31	88
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động											
3.1	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	46	73	41	25	38	55	27	49	37	94
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	3,74	10,55	8,17	8,75	12,73	9,37	6,55	70	62	100
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời											
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,84	0,70	0,49	0,49	0,77	2,38	3,16	133	451	104
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,89	9,30	6,87	7,09	10,81	25,27	25,80	102	277	99
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,12	7,42	4,04	4,27	9,81	22,25	20,72	93	279	104
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,46	0,87	0,64	0,59	0,94	3,03	3,94	130	453	104

Nhận xét:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) đều khả quan và an toàn cao được thể hiện thông qua các chỉ số khả năng thanh toán. Đặc biệt các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận năm 2015, 2016 đều tăng cao so với các năm trước do Công ty có nhiều giải pháp kinh doanh hiệu quả, giảm công nợ, sử dụng hết công suất các mặt bằng hiện có để kinh doanh, đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu tăng,...

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 24/3/2017

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	13.299.938	
2	Cổ phiếu quỹ	0	
3	Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược	820.690	
	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOil) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690	5 năm (23/1/2008 → 23/1/2013)
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2016: **14.120.628 cp**

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31/12/2016

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{425.337.816.222 \text{ đồng}}{14.120.628 \text{ cp}} = 30.122 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách năm 2016: 30.122 đồng/cp tăng 7,48% so với năm 2015: 28.025 đồng/cp.

1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2016 và nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

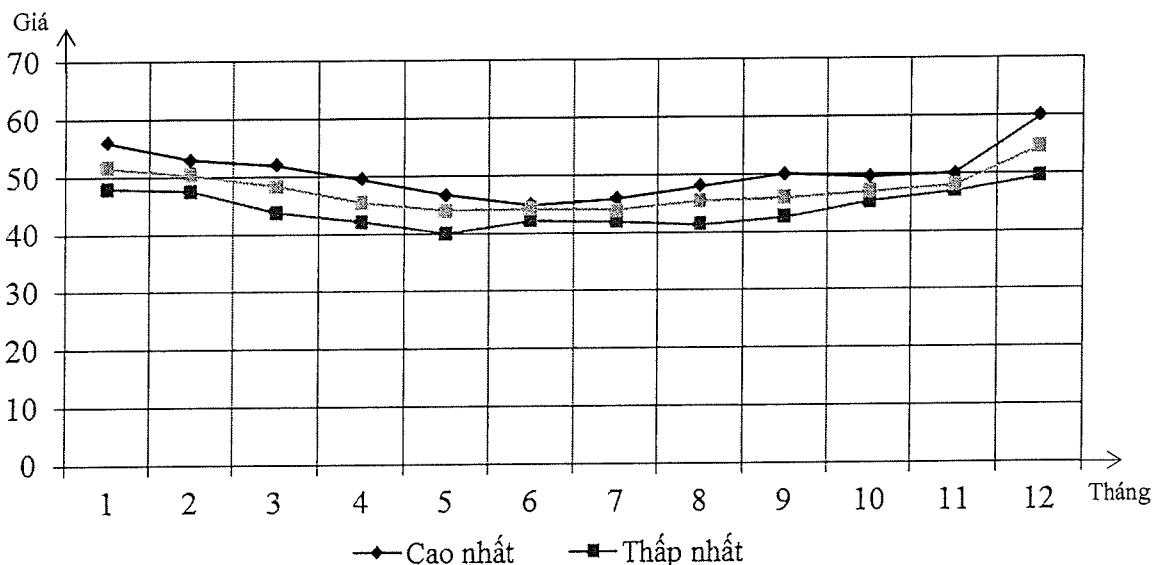
1.4.1. Năm 2016

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2016

ĐVT :ngàn đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	56,0	53,0	52,0	49,5	46,7	44,9	46,0	48,0	50,0	49,5	50,0	60,0	60,0
Thấp nhất	47,9	47,5	43,7	42,1	40,0	42,2	42,0	41,3	42,6	45,2	47,0	49,5	40,0
Trung bình	51,6	50,3	48,4	45,4	44,0	44,3	44,0	45,4	45,9	47,0	48,0	54,6	47,4

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2016



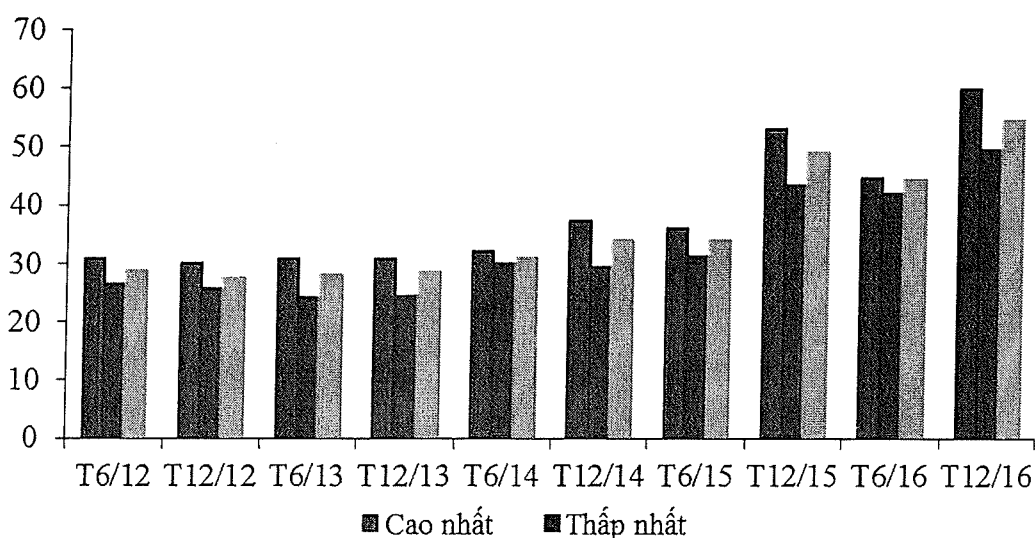
1.4.1. Nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NHIỆM KỲ IV (2012 – 2016)

ĐVT :ngàn đồng

THÁNG	T06/2012	T12/2012	T6/2013	T12/2013	T6/2014	T12/2014	T6/2015	T12/2015	T6/2016	T12/2016
Cao nhất	31,0	30,0	31,0	31,0	32,1	37,4	36,0	53,0	44,9	60,0
Thấp nhất	26,6	25,7	24,3	24,4	30,0	29,5	31,3	43,5	42,2	49,5
Trung bình	28,8	27,6	28,2	28,6	31,1	34,1	34,1	49,1	44,3	54,6

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NHIỆM KỶ IV (2012 – 2016)



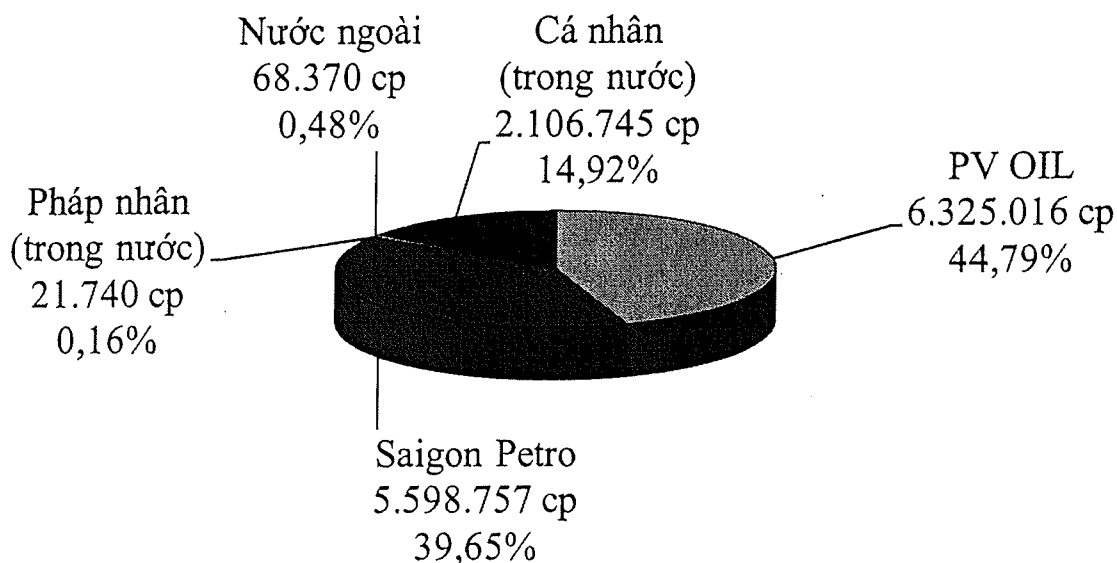
2. Cơ cấu cổ đông

2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 16/12/2016			THỜI ĐIỂM 24/3/2017			TỶ LỆ (%)
		SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	Cổ đông trong nước	350	14.056.118	99,54	341	14.052.258	99,52	100
1	Pháp nhân	4	11.945.283	84,59	5	11.945.513	84,60	100
1.1	<i>PV Oil</i>	1	6.325.016	44,79	1	6.325.016	44,79	100
1.2	<i>Saigon Petro</i>	1	5.598.757	39,65	1	5.598.757	39,65	100
1.3	<i>Khác</i>	2	21.510	0,15	3	21.740	0,16	100
2	Cá nhân	346	2.110.835	14,95	336	2.106.745	14,92	100
II	Cổ đông nước ngoài	81	64.510	0,46	76	68.370	0,48	100
1	Pháp nhân	6	10.670	0,08	6	13.400	0,09	137
2	Cá nhân	75	53.840	0,38	70	54.970	0,39	95
	TC (I + II)	431	14.120628	100	431	14.120628	100	100

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 24/3/2017)



2.3. Cổ đông lớn

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 100.000 CP COM TRỞ LÊN (Tại thời điểm 24/3/2017)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 16/12/2016		TĂNG GIẢM (cp)	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 24/3/2017	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	6.325.016	44,79	0	6.325.016	44,79
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Dầu khí	5.598.757	39,65	0	5.598.757	39,65
3	Ông Lê Tấn Thương và người có liên quan	318/1A Cách Mạng Tháng Tám, P.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	TGĐ COMECO	180.280	1,28	0	180.280	1,28
4	Ông Trần Nguyên Anh	611/8B Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Trưởng CNXD số 12 COMECO	121.100	0,86	0	121.100	0,86
5	Ông Nguyễn Nam Hải	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 08 COMECO	107.100	0,76	0	107.100	0,76
6	Ông Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, P.7, Q.3, Tp.HCM	Cổ đông ngoài	102.570	0,73	0	102.570	0,73
7	Ông Phạm Công Quyền	35/10 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.3, Tp.HCM	GĐTT – KTT COMECO	100.255	0,71	0	100.255	0,71
TỔNG CỘNG				12.727.928	90,14	0	12.727.928	90,14

Ghi chú: Cổ đông lớn theo quy định của Luật chứng khoán là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu của Công ty trở lên. Theo quy định này thì Công ty hiện có 2 cổ đông lớn là PV Oil và Saigon Petro.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2016 và nhiệm kỳ IV (2012 – 2016): không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

4.1. Năm 2016 : không có

4.2. Nhiệm kỳ IV (2012 – 2016):

- Tồn đầu kỳ 01/01/2012	:	369.753 cp
- Mua trong kỳ	:	0 cp
- Bán trong kỳ	:	369.753 cp
- Tồn cuối kỳ 31/12/2016	:	0 cp

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/4/2014 về việc thống nhất bán cổ phiếu quỹ COM cho 2 cổ đông chiến lược là PV Oil và Saigon Petro, trong năm 2014 COMECO đã thực hiện xong việc bán toàn bộ 369.753 cp quỹ COM cho 2 cổ đông nêu trên (PV Oil mua 204.226 cp, Saigon Petro mua 165.527 cp).

- Số lượng cổ phiếu quỹ COM bán cho 2 cổ đông trên đúng theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu COM tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 11/3/2014 (Số lượng cổ phiếu COM do 2 cổ đông PV Oil và Saigon Petro sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 11/3/2014 là: PV Oil: 5.644.170 cp, Saigon Petro: 4.574.630 cp).

- Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 26/5/2014 đến ngày 09/6/2014 với giá giao dịch bình quân là 33.000 đồng/cp.

5. Chi cổ tức

5.1. Năm 2016

Trong năm 2016, COMECO đã tiến hành chi cổ tức bằng tiền mặt các đợt cụ thể như sau:

SỐ TT	NỘI DUNG	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN	NGÀY THANH TOÁN CỔ TỨC	TỶ LỆ CỔ TỨC CHI TRẢ (%)
1	Thanh toán cổ tức đợt 1/2016 bằng tiền mặt	11/08/2016	26/08/2016	10
2	Thanh toán cổ tức đợt 2/2016 bằng tiền mặt	15/12/2016	29/12/2016	40

5.2. Nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

SỐ TT	NỘI DUNG	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN	NGÀY THANH TOÁN CỔ TỨC	TỶ LỆ CỔ TỨC CHI TRẢ (%)
I	NĂM 2012			15
1	Thanh toán cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt	18/09/2012	04/10/2012	7
2	Thanh toán cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt	25/02/2013	08/03/2013	5
3	Thanh toán cổ tức đợt 3 bằng tiền mặt	12/08/2013	30/08/2013	3
II	NĂM 2013			15
1	Thanh toán cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt	12/08/2013	30/08/2013	7

2	Thanh toán cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt	09/03/2014	27/03/2014	6
3	Thanh toán cổ tức đợt 3 bằng tiền mặt	18/08/2014	29/08/2014	2
III	NĂM 2014			20
1	Thanh toán cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt	18/08/2014	29/08/2014	8
2	Thanh toán cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt	09/02/2015	05/03/2015	7
3	Thanh toán cổ tức đợt 3 bằng tiền mặt	07/07/2015	23/07/2015	5
IV	NĂM 2015			50
1	Thanh toán cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt	07/07/2015	23/07/2015	10
2	Thanh toán cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt	23/11/2015	10/12/2015	40
V	NĂM 2016			50
1	Thanh toán cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt	11/08/2016	26/08/2016	10
2	Thanh toán cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt	15/12/2016	29/12/2016	40

6. Các chứng khoán khác

6.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan

6.1.1. Năm 2016

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2016 (Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		689.331					689.331	13.349.410
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504					237.504	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	5.133					5.133	46.600
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
4	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000					5.000	87.500
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		2.561.115					2.561.115	26.809.774
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800					43.800	444.000
2	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định		17.640					17.640	272.599
4	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
5	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675					99.675	2.093.175
6	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
7	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000					1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		3.250.446					3.250.446	40.159.184

6.1.2. Nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NHIỆM KỲ IV (2012 – 2016)
(Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2016)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		1.449.767	105.354		865.790	18.754.030	689.331	13.349.410
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	196.350	41.154				237.504	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	5.133					5.133	46.600
3	Cty cp Cơ khí - Điện Lữ Gia	LGC	279.290			279.290	3.388.176	0	0
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
5	Cty cp Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ	321.000	64.200		385.200	11.787.804	0	0
6	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn	SSI	162.000			162.000	2.890.300	0	0
7	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
8	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	44.300			39.300	687.750	5.000	87.500
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		1.570.465	1.000.000	10.000.000			2.561.115	26.809.774
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800					43.800	444.000
2	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
3	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec (**)		26.990					-	-
4	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định (**)		-					17.640	272.599
5	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
6	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675					99.675	2.093.175
7	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
8	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam			1.000.000	10.000.000			1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		3.020.232	1.105.354	10.000.000	865.790	18.754.030	3.250.446	40.159.184

Ghi chú: (**) Năm 2015, Cổ phiếu Công ty Cp Vật tư Xăng dầu Petec chuyển đổi sang Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định theo thông báo hoán đổi cổ phiếu tỷ lệ 1 cổ phiếu của Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định = 1,53 cổ phiếu của Công ty Cp Vật tư Xăng dầu Petec

6.2. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN
(Tính đến 31/12/2016)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (cp)	GIÁ MUA BÌNH QUÂN (đ/cp)	GIÁ NGÀY 30/12/16 (đ/cp)	CHÊNH LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH (1.000đ)	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP CÁC NĂM (1.000đ)	HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG NĂM 31/12/2016 (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7 (5-6)
I	CP đã niêm yết		689.331				-877.773	-4.156.061	3.278.288
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504	14.526	17.650	3.124			
2	Cty cp DV Ô tô Hàng Xanh	HAX	5.133	9.079	41.000	31.921			
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942	22.548	24.000	1.452		-1.848.627	1.848.627
4	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	18.500	-3.315	-877.773	-2.307.434	1.429.661
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000	17.500	184.500	167.000			
II	CP chưa niêm yết		2.570.465				-12.286.905	-10.618.570	-1.668.334
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800	10.137	7.978	-2.022	-88.566	0	-88.566
2	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000	10.000	2.259	-7.741	-1.548.198	-1.356.215	-191.983
3	Cty cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định		26.990	10.100				-269.900	269.900
4	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000		-10.000	-10.000.000	-8.369.457	-1.630.543
5	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675	21.000		-6.250	-650.140	-622.998	-27.142
6	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000					
7	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000	10.000					
	TỔNG CỘNG (I + II)		3.259.796				-13.164.678	-14.774.631	1.609.954

Ghi chú:

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cp.

- Cột 3: Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2016 được tính như sau:

+ Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch (ngày 30/12/2016).

+ Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào. Các cổ phiếu của Cty Cp Cà phê Petec, Cty Cp Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín, Tổng Công ty Cp TM Kỹ thuật và Đầu tư Petec do vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ (BCTC năm 2015 đã kiểm toán) nên COMECO trích lập dự phòng căn cứ theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính thì điều kiện để trích dự phòng đối với cổ phiếu: có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với vốn điều lệ.

- Cột 5: Giá trị chênh lệch: chỉ tính khi giá trị cột 4 < 0

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý và kiểm soát chất thải

COMECO ban hành hướng dẫn kiểm soát chất thải để theo dõi phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải từ COMECO đến điểm xử lý thích hợp của đơn vị có chức năng, được cấp phép hoạt động. Hướng dẫn cũng nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ngăn ngừa và giảm thiểu tối đa việc phát sinh tác động nguy hại của chất thải nguy hại

đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo qui định pháp luật, giúp bảo vệ môi trường tốt hơn.

Tại văn phòng Công ty, CNXD, Xưởng trụ bơm đều được trang bị các loại thùng rác và nhãn nhận biết. Rác thải rắn được để riêng từng loại trước khi cho vào thùng.

1.1. Chất thải không nguy hại, rác sinh hoạt (còn gọi là chất thải thông thường)

Chất thải rắn không nguy hại, chất thải sinh hoạt được CNXD giao cho nơi thu gom địa phương.

1.2. Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại được giao cho nhà thầu thu gom rác có chức năng và được cấp phép hoạt động (Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.Hồ Chí Minh). Khi đến CNXD thu rác, người phụ trách xem số xe, nếu đúng như số ghi trong giấy phép thu gom thì mới giao rác. Công ty theo dõi việc đưa rác thải rắn đến điểm xử lý thích hợp, nhận hợp đồng liên 5 và liên 6, giao liên 6 cho cơ quan Nhà nước. Định kỳ hàng năm, Công ty lập báo cáo kết quả thu gom, xử lý chất thải gửi về Cơ quan chức năng.

1.3. Chất thải khí

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CNXD. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đo kiểm các chỉ tiêu định kỳ 6 tháng/ lần do cơ quan Nhà nước thực hiện; kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt theo quy định của pháp luật.

1.4. Nước thải

Công ty đầu tư xây dựng hệ thống hồ gạn dầu để xử lý nước thải trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước công cộng. Ngoài ra, Công ty duy trì thực hiện vệ sinh hồ gạn dầu định kỳ 1 tuần/ lần. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải CNXD do cơ quan Nhà nước thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

2.1. Nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn

Công ty thiết lập Thủ tục nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn sức khỏe để qui định trình tự và cách thức nhận diện những khía cạnh môi trường và các mối nguy; xác định mức độ rủi ro, các tác động môi trường đáng kể và các yêu cầu của pháp luật. Từ đó đề ra các biện pháp kiểm soát thích hợp, các hành động khắc phục kịp thời nhằm: giảm thiểu các tác động có hại đến môi trường; phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra; đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật; tạo môi trường làm việc sạch sẽ, an toàn cho NLĐ, người ngoài vào làm việc, công tác tại COMECO.

2.2. Công tác an toàn PCCC, ứng phó tình huống khẩn cấp

Công ty xây dựng Thủ tục ứng phó tình huống khẩn cấp để thiết lập cơ sở nhận dạng, xác định các sự cố tiềm ẩn và trình tự ứng phó với tình huống khẩn cấp có thể xảy ra nhằm đề phòng và hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của tình trạng này đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Hàng năm, các CNXD lựa chọn tình huống khẩn cấp được nêu trong Thủ tục để tiến hành diễn tập (giả định) tạo cho toàn thể NLĐ ý thức và thuần thục trong hoạt động ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp. Kết quả diễn tập ghi nhận lại vào biên bản diễn tập để rút kinh nghiệm.

2.3. Kết quả đo môi trường, vi khí hậu

Định kỳ 6 tháng/ lần, Công ty mời cơ quan Nhà nước đến đo kiểm các chỉ tiêu vi khí hậu, môi trường làm việc và các chỉ tiêu nước thải CNXD. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật. Kết quả này được lập thành báo cáo giám sát môi trường và gửi về cơ quan Nhà nước định kỳ 6 tháng/ lần.

2.4. An toàn lao động

Công tác an toàn lao động tại nơi làm việc luôn được quan tâm. Trong năm 2016, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động, không có NLĐ bị bệnh nghề nghiệp. Các chỉ số về môi trường làm việc luôn được đo đạc định kỳ và nằm trong giới hạn cho phép.

2.4.1. Đội sơ cứu ban đầu, an toàn vệ sinh viên

Mạng lưới sơ cấp cứu viên và an toàn vệ sinh viên được bố trí đảm bảo tại các đơn vị trong toàn hệ thống CNXD của COMECO. Đội sơ cấp cứu và an toàn vệ sinh viên được bồi dưỡng và tiếp tục đào tạo mới, nâng tổng số sơ cấp cứu viên là 344 người; an toàn vệ sinh viên là 343 người.

2.4.2. Trang bị bảo vệ cá nhân

Định kỳ hàng năm Công ty trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo Thỏa ước lao động Tập thể bao gồm quần áo, giày, nón vải,... Tổng số tiền trang bị là: 150.900.000 đồng

2.4.3. Đào tạo kiến thức về an toàn lao động, Sơ cấp cứu, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động

Công tác đào tạo định kỳ về nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, an toàn vệ sinh viên được thực hiện vào quý IV/2016 cho toàn thể NLĐ theo hướng dẫn của Pháp luật. Qua các buổi đào tạo NLĐ nắm rõ thêm về các quy định của Pháp luật đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; quyền và nghĩa vụ của NLĐ; có kiến thức cơ bản về công tác đảm bảo an toàn, sơ cấp cứu tạm thời; ...

3. Chăm sóc sức khỏe cho NLĐ

3.1. Khám sức khỏe định kỳ

- Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ tại các bệnh viện lớn, có uy tín. Trong năm 2016, tổng số người khám sức khỏe định kỳ là 521 người; chi phí khám sức khỏe cho người lao động là 71.621.100 đồng. Phân loại sức khỏe (theo quy định của Bộ Y Tế): loại 1 là 18 người; loại 2 là 294 người; loại 3 là 160 người; loại 4 là 48 người; loại 5 là 3 người. Chất lượng sức khỏe của NLĐ được cải thiện, những trường hợp NLĐ sức khỏe chưa đạt, Công ty có lộ trình hướng dẫn NLĐ điều trị cải thiện để đảm bảo sức khỏe làm việc.

- Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty còn tổ chức khám mắt cho người lao động tại Bệnh viện Mắt Thành phố. Tổng số tiền tổ chức khám là 279.060.000 đồng.

3.2. Khám bệnh nghề nghiệp

Hàng năm, Công ty tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng lao động trực tiếp tại các CNXD như khám nhiễm độc hóa chất nghề nghiệp (benzen): 2 lần/ năm; sạm da nghề nghiệp: 1 lần/năm; khám nốt dầu nghề nghiệp cho đối tượng công nhân kỹ thuật, công nhân sửa chữa, rửa xe: 1 lần/ năm. Tổng số tiền tổ chức khám bệnh nghề nghiệp năm 2016: 388.572.000 đồng. Kết quả không có NLĐ bị bệnh nghề nghiệp, các chỉ số sức khỏe nằm trong giới hạn bình thường.

3.3. Cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu

Định kỳ đầu mỗi quý trong năm, Công ty tổ chức cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu cho các đơn vị. Luôn đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc tại các đơn vị đúng theo quy định. Tổng số tiền trang bị: 27.045.500 đồng.

3.4. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống

Công ty ký Hợp đồng cung cấp nước uống với đơn vị cung cấp nước uống Choliwa cho toàn Công ty. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống định kỳ 6 tháng/ lần tại Viện y tế công cộng Tp.Hồ Chí Minh đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

3.5. Bồi dưỡng sữa

Theo Thông tư số 25/2013/TTLT-BLĐTĐBXH- BYT, COMECO không phải bồi dưỡng hiện vật cho NLĐ vì kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu về môi trường, vi khí hậu của Công ty năm 2016 đều đạt. Tuy nhiên, để bồi dưỡng và tăng cường sức khỏe cho NLĐ, Công ty vẫn tiếp tục duy trì trợ cấp sữa hàng tháng 7 hộp sữa/người cho những NLĐ tiếp xúc trực tiếp với xăng dầu như: công nhân bơm xăng; công nhân lái xe bồn, công nhân bơm xăng kiểm kế toán, công nhân lắp ráp, sửa chữa trụ bơm.....

4. Kết quả thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Năm 2016, ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của người lao động của Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: đóng góp cho các trung tâm từ thiện xã hội; ủng hộ Quỹ Hội nạn nhân chất độc da cam Quận 3; xây dựng Nhà tình thương ở Bến Tre, Long An; hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo tỉnh KonTum; đóng góp 01 ngày lương hỗ trợ đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung; giúp đỡ đồng bào các tỉnh miền Bắc bị thiên tai; đóng góp 01 ngày lương cho “Quỹ vì biển đảo quê hương vì tuyến đầu Tổ quốc”,... với tổng số tiền là: **459.413.436 đồng.**

5. Phát triển nguồn nhân lực

5.1. Kiểm soát nguồn nhân lực

5.1.1. Tuyển dụng

Trong năm 2016, Công ty tuyển dụng 34 lao động để đảm ứng kịp thời cho các lao động nghỉ hưu, chuyên công tác, mở rộng thêm các CNXD (trong năm Công ty có 33 lao động nghỉ việc, 06 lao động nghỉ hưu theo chế độ). Đội ngũ lao động tuyển dụng ngày càng trẻ hóa, có kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của Công ty.

5.1.2. Đào tạo

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ. Năm 2016, Công ty đã tổ chức đào tạo và cử đi đào tạo được 1.277 lượt người lao động, đạt 160% so với kế hoạch năm, trong đó cử đi đào tạo các trường Đại học, Cao đẳng, Cao cấp và Trung cấp Chính trị 38 người, đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng, Trung cấp Chính trị 23 người. Đào tạo và cử đi đào tạo về chuyên môn cho cán bộ quản lý, cán bộ trẻ (nghị vụ đầu thầu, chứng chỉ Kế toán trưởng,...), các lớp nhận thức cơ bản về ISO 9001:2015, đồng thời cũng tập trung đào tạo cho lao động mới về nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, phòng cháy chữa cháy; phổ biến truyền đạt Văn hóa COMECO.

- Trong năm Công ty đã tổ chức 06 buổi truyền đạt, phổ biến Văn hóa COMECO do đích thân Ban Lãnh đạo Công ty chủ trì. Qua các buổi truyền đạt trên trình độ và kiến thức của đội ngũ người lao động được nâng lên rõ rệt, đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao của Công ty.

5.1.3. Quy hoạch

Công tác quy hoạch cán bộ được Công ty thường xuyên quan tâm và thực hiện. Trong năm 2016, Công ty tiếp tục bồi dưỡng quy hoạch và đào tạo được 12 cán bộ quản lý Ban điều hành, Giám đốc bộ phận, trưởng ban và 8 cán bộ quy hoạch khối Chi nhánh. Nguồn nhân lực có chất lượng cao được Công ty tập trung đào tạo, giao nhiệm vụ để hoàn thiện kỹ năng và có thể đáp ứng những chức vụ cao hơn.

5.1.4. Bổ nhiệm

Công tác bổ nhiệm được Công ty xem xét và thực hiện theo các tiêu chuẩn đã được quy định trong QT-73.COM. Trong năm 2016, Công ty bổ nhiệm được 01 GD bộ phận; 01 Phụ tá; 01 Tổ trưởng; 01 Trưởng Chi nhánh; 02 Phó phụ trách; 01 Phó Chi nhánh; 02 Kế toán Chi nhánh.

Trong nhiệm kỳ IV (2012 – 2016), Công ty bổ nhiệm được 01 TGD; 2 Phó TGD; 11 GD, Quyền QĐ các bộ phận, Trưởng ban; 09 Phó GD, phó ban; 27 Trưởng Chi nhánh, Phó phụ trách Chi nhánh; 20 Phó Chi nhánh; 05 Phụ tá GD, Trưởng ban, Trợ lý; 17 Kế toán Chi nhánh; 04 CNBX kiêm Kế toán; 02 Tổ trưởng.

Số cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy được năng lực chuyên môn vào công việc và thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao.

Công tác tổ chức bộ máy được cải tiến, thực hiện việc sắp xếp cán bộ quản lý tương đối phù hợp, phát huy đúng khả năng của từng cán bộ; công tác đào tạo và bồi dưỡng đã đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty.

5.2. Chính sách đối với NLD

5.2.1. Lương, thưởng

Việc làm và đời sống của toàn thể NLD đã được duy trì trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay. Thu nhập bình quân của NLD năm 2016 là: 12.676.777 đồng/người/tháng (tăng 108% so với 2015) Thu nhập bình quân của NLD nhiệm kỳ IV đạt 113% so với nhiệm kỳ IV (tăng 6%/năm so với nhiệm kỳ III: 2007 – 2011). Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLD.

Công ty trả lương hàng tháng cho NLD đúng thời gian như đã cam kết với NLD trong Thỏa ước lao động tập thể, chia làm 2 đợt như sau:

+ Đợt 1: tạm ứng lương từ ngày 20 – 25 (Dương lịch) của tháng;

+ Đợt 2: thanh toán tiền lương từ ngày 10-15 (Dương lịch) của tháng sau liền kề.

- Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLD.

5.2.2. Bảo hiểm

Các chế độ, chính sách, bảo hiểm của NLD được thực hiện thường xuyên, liên tục và đúng thời hạn. Việc giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ hưu được thực hiện đầy đủ cho NLD. Không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách.

5.2.3. Phúc lợi

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty còn tổ chức cho NLĐg và thân nhân đi nghỉ dưỡng; tham quan trong nước và nước ngoài.

- Hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các cửa hàng.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện về an toàn bảo hộ lao động.

- Tổng số tiền chi Quỹ Phúc lợi cho NLĐ năm 2016 là 2.609.213.030 đồng; Nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) là 10.813.810.647 đồng.

5.3. Phát huy dân chủ

Công ty thực hiện tốt Quy chế Thực hiện Đối thoại định kỳ tại Công ty; Quy chế Thực hiện Hội nghị NLĐ; Quy chế Thực hiện Dân chủ tại Công ty

5.3.1. Lãnh đạo Công ty tiếp NLĐ vào mỗi sáng thứ hai tuần cuối tháng.

Thứ hai tuần cuối tháng hàng kỳ lãnh đạo Công ty tiếp NLĐ tại Văn phòng Công ty. Qua đây, NLĐ có thể trực tiếp trao đổi với Lãnh đạo Công ty về các ý kiến của bản thân và được Lãnh đạo Công ty ghi nhận và xem xét giải quyết thỏa đáng.

5.3.2. Sáng kiến – Giải pháp mới

Phong trào Sáng kiến, Giải pháp mới được Công ty duy trì thực hiện thường xuyên từ năm 2007 đến nay. Tổng số Giải pháp mới năm 2016 là 37 Giải pháp mới, nâng số Sáng kiến, Giải pháp mới từ 2007 – 2016 là 579 Sáng kiến, Giải pháp mới và nhiều ý kiến đóng góp khác.

Các ý kiến của NLĐ được tổng hợp qua nhiều kênh thông tin như: cá nhân người lao động; trong các cuộc họp giao ban, Hội nghị người lao động,... Các ý kiến đều được ghi nhận và khen thưởng kịp thời; đồng thời các ý kiến đã góp phần tăng năng suất lao động, xây dựng phát triển văn hóa, thương hiệu COMECO; tiết kiệm chi phí,...

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2016 kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều biến động, chịu ảnh hưởng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt chỉ tiêu đề ra, chỉ đạt 6,21% so với cùng kỳ 2015.

- Thị trường bất động sản đang trong chu kỳ tăng trưởng tích cực và xu hướng chính vẫn là đang đi lên, mảng kinh doanh cho thuê bất động sản của Công ty tương đối thuận lợi; nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp xây dựng, đầu tư san lấp mặt bằng,....cũng tăng.

-Thị trường tài chính tương đối ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2016 tăng 2,47% so với cùng kỳ năm 2015 tuy nhiên đối tượng tăng chủ yếu là xăng dầu, điện, dịch vụ du lịch và nhóm mặt hàng thực phẩm (do tâm lý của người tiêu dùng lo ngại về hiện tượng cá chết hàng loạt tại một số tỉnh miền Trung và thời tiết nắng nóng, khô hạn ảnh hưởng đến diện tích rau trồng).

-Thị trường xăng dầu dần được điều hành theo cơ chế thị trường. Năm 2016, giá dầu thế giới biến động liên tục nên việc điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu trong nước cũng diễn ra thường xuyên. Năm 2016 có 23 lần điều chỉnh giá bán lẻ (13 lần tăng; 8 lần giảm; 2 lần tăng giá xăng, giảm giá dầu và tăng giá dầu giảm giá xăng). Bên cạnh đó, kể từ khi thực hiện theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, ngày càng nhiều thành phần tham gia thị trường xăng dầu nên thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn, do đó mảng kinh doanh bán sỉ gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình thời tiết phức tạp như giá rét ở miền Bắc, hạn hán ở miền Trung, Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu nhiên liệu giảm.

- Tình hình nợ công tăng nhanh, nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn.

- Lãi suất ngân hàng ổn định nhưng việc tiếp cận vốn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn khó khăn, hạn chế. Xu hướng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp vẫn có chiều hướng gia tăng, vì vậy Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm đối tượng bán hàng trả chậm để đảm bảo an toàn kinh doanh.

- Chi nhánh xăng dầu số 19 kết thúc hợp đồng hợp tác kinh doanh vào đầu tháng 3/2016 ảnh hưởng đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

- Công tác cải tạo cơ sở hạ tầng của Thành phố như việc thi công đường Kinh Dương Vương đã ảnh hưởng đến sản lượng bán hàng tại các CNXD gần khu vực thi công. Chi nhánh 14, 15 phải tạm ngưng hoạt động từ 2-3 tháng để cải tạo, sửa chữa nên sản lượng giảm.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, điện, xăng dầu; mặt khác Công ty phải đầu tư sửa chữa một số CNXD cho phù hợp với quy định và thuận tiện xe ra vào sau khi Thành phố sửa chữa, nâng nền đường; đầu tư trang bị mới xe bồn, đầu tư camera cho toàn hệ thống CNXD,...

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐỢT THAY ĐỔI GIÁ BÁN LẺ XĂNG DẦU
NĂM 2016**

ĐVT: đồng/lít

THỜI GIAN ĐIỀU CHỈNH GIÁ	XĂNG 95	XĂNG 92	XĂNG E5	DẦU DO	DẦU KO
15 giờ ngày 04/01/2016	↓ 370	↓ 370	↓ 580	↓ 870	↓ 790
15 giờ ngày 19/01/2016	↓ 590	↓ 590	↓ 580	↓ 910	↓ 890
15 giờ ngày 03/02/2016	↓ 730	↓ 730	↓ 490	↓ 620	↓ 480
15 giờ ngày 18/02/2016	↓ 960	↓ 960	↓ 940		
16 giờ 30 ngày 21/03/2016	↑ 670	↑ 670	↑ 570	↑ 290	
17 giờ ngày 05/04/2016	↑ 520	↑ 520	↑ 550		
16 giờ ngày 20/04/2016				↑ 500	
15 giờ ngày 05/05/2016	↑ 640	↑ 640	↑ 630	↑ 650	↑ 550
15 giờ ngày 20/05/2016	↑ 240	↑ 240	↑ 240	↑ 280	↑ 190
15 giờ ngày 04/06/2016	↑ 680	↑ 680	↑ 670	↑ 600	↑ 650
15 giờ ngày 20/06/2016	↓ 340	↓ 340	↓ 340	↑ 390	↑ 370
15 giờ ngày 05/07/2016	↓ 200	↓ 200	↓ 200		
15 giờ ngày 20/07/2016	↓ 660	↓ 660	↓ 600		
15 giờ ngày 04/08/2016	↓ 610	↓ 610	↓ 590	↓ 630	↓ 370
15 giờ 30 ngày 19/08/2016	↑ 680	↑ 680	↑ 970	↑ 250	↑ 200
15 giờ ngày 05/09/2016	↑ 700	↑ 700	↑ 610	↑ 470	↑ 490
15 giờ ngày 20/09/2016	↑ 160	↑ 160	↑ 150	↓ 130	↓ 100
16 giờ 30 ngày 05/10/2016	↑ 170	↑ 170	↑ 160	↑ 170	↑ 140
16 giờ 45 ngày 20/10/2016	↑ 440	↑ 440	↑ 390	↑ 600	↑ 520
15 giờ ngày 04/11/2016	↑ 50	↑ 50	↑ 40	-	-
15 giờ ngày 19/11/2016	↓ 520	↓ 520	↓ 350	↓ 520	↓ 580
19 giờ ngày 05/12/2016	↑ 300	↑ 300	↑ 300	↑ 170	↑ 240
15 giờ ngày 20/12/2016	↑ 920	↑ 920	↑ 800	↑ 760	↑ 740
TỔNG CỘNG	Tăng 1.190	Tăng 1.190	Tăng 1.410	Tăng 1.450	Tăng 880

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	256.165.799.112	176.999.543.157	144,73
2	Tài sản dài hạn	273.417.609.963	272.381.294.138	100,38
	TỔNG CỘNG	529.583.409.075	449.380.837.295	117,85

Bảng giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (tại thời điểm 31/12/2016)

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ (đồng)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	141.613.092.911	110.500.638.997	78,03
2	Máy móc thiết bị	14.570.550.149	2.546.963.082	17,48
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.520.843.991	2.764.706.559	14,93
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.821.310.591	1.101.573.678	28,93
	TỔNG CỘNG	178.525.797.642	116.913.882.316	65,49

Nhận xét:

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2016 tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ là 144,73% so với năm 2015 chủ yếu do khoản hàng tồn kho tăng (tăng 237,14%) so với năm 2015.
- Tài sản dài hạn: Trong năm 2016, giá trị tài sản dài hạn không biến động nhiều so với năm 2015.
- COMECO có thể khẳng định rằng: Trong năm 2016 nền tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ.
- Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ.

2. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: đồng

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2016)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2016)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	96.598.863.402	52.295.370.998	184,72
02	Nợ dài hạn	7.646.729.451	1.352.425.005	565,41
	TỔNG CỘNG	104.245.592.853	53.647.796.003	194,31

Nhận xét: Nợ phải trả trong năm 2016 của Công ty tăng 194,31% so với năm 2015 do phát sinh vay ngắn hạn 42,5 tỷ đồng.

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trước những khó khăn trên, Ban TGD cùng với tập thể NLĐ Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả. Kết quả đạt được như sau:

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều tăng trưởng cao so với kế hoạch 2016 và vượt mức so với thực hiện năm 2015, đặc biệt **LNST: 109,726 tỷ đồng**, đạt **261%** kế hoạch năm 2016.

- Công tác đầu tư được tiến hành theo chiến lược của của HĐQT và kế hoạch của TGD Công ty:

- + Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

- + Đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn Chi nhánh số 14,15; xây dựng Kho dầu nhờn Công ty tại Chi nhánh số 25.

- + Đầu tư thí điểm hệ thống đo bồn tự động tại Chi nhánh 14 và 15.
- + Đầu tư cải tạo, sơn mới mặt dựng văn phòng, nắp capo trụ bom, trang bị bồn chứa mới các CNXD 3, 4, 25, 30, 39.
- + Đầu tư trang bị 4 xe bồn mới thay thế xe bồn sắp hết hạn lưu hành vào năm 2017.

+ Trang bị camera cho toàn hệ thống Chi nhánh COMECO.

+ Tiếp tục đầu tư sửa chữa nâng cấp Hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho chi nhánh xăng dầu của COMECO và các đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: bảng tên chi nhánh, đầu tư bảng hiệu đèn LED, trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo, sơn mới nắp capo trụ bom,....

+ Tập trung đầu tư khai thác các mặt bằng còn trống; Tòa nhà COMECO và Kho Thủ Đức đã khai thác 100% công suất sử dụng.

- Công tác quản lý:

+ Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số quy chế và quy định về quản lý, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý như: Quy định quản lý hao hụt xăng dầu, Quy định về kinh doanh xăng E5, Quy định về kinh doanh Phiếu nhiên liệu;...

+ Công ty thực hiện việc quay phim hoạt động khối CNXD, sau đó chiếu cho cán bộ quản lý và NLĐ xem để rút kinh nghiệm và học hỏi những đơn vị thực hiện tốt. Qua đó, hầu hết NLĐ thực hiện đúng Quy trình bán hàng, phong cách phục vụ có sự thay đổi. Trưởng các đơn vị quan tâm nhiều hơn đến việc cải tiến phương pháp bán hàng và thái độ phục vụ của nhân viên bán hàng; phản ánh của khách hàng có giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ Tuyển mới 34 lao động đáp ứng đủ lao động cho các đơn vị để ổn định hoạt động kinh doanh.

+ Thực hiện công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm theo đúng quy định. Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ. Năm 2016, Công ty đã đào tạo được 1.277 lượt người, đạt 160% kế hoạch năm, trong đó cử đi đào tạo các trường Đại học, Cao đẳng, Cao cấp và Trung cấp Chính trị 38 người, đã tốt nghiệp Đại học, cao đẳng, Trung cấp chính trị 23 người. Tiếp tục duy trì quy hoạch 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 17 cán bộ cấp phòng trở xuống, quy hoạch thêm 3 cán bộ dự bị cho các Phòng và Chi nhánh. Bổ nhiệm được 01 GD bộ phận; 01 Phụ tá, 01 Tổ trưởng; 01 Trưởng Chi nhánh, 02 Phó phụ trách; 01 Phó Chi nhánh; 01 Kế toán CN.

+ Thực hiện rà soát và tích hợp các quy định quản lý cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn SXKD.

+ Tăng cường công tác quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong vận chuyển, lưu kho và lưu thông.

+ Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2016 Công ty đã chuyển đổi thành công Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2008 sang **ISO 9001 phiên bản 2015**.

+ Các Quy định về thực hiện dân chủ, về đối thoại được duy trì thường xuyên; có nhiều ý kiến góp ý cho hoạt động quản lý và SXKD của Công ty, trong đó có **37 Giải pháp mới** của NLĐ được công nhận, khen thưởng kịp thời.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.

- Qua tổng kết cuối năm 2016, Công ty có 25 tập thể lao động xuất sắc, 10 tập thể lao động tiên tiến, 01 cá nhân đề nghị chiến sĩ thi đua cấp Thành phố và bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 60 chiến sĩ thi đua cơ sở; có 7 tập thể và 8 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành đồng thời đáp ứng được thông tin cho điều hành kinh doanh hiệu quả. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố tại website Công ty theo địa chỉ www.comeco.vn và được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2017

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

- Doanh thu : 3.500 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 50 tỷ đồng

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2017 giảm so với năm 2016 vì dự báo giá xăng dầu diễn biến phức tạp.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo chất lượng hàng hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là dịch vụ bán lẻ tại các CNXD, chính sách bán hàng, hỗ trợ đầu tư, phát triển dịch vụ thanh toán qua thẻ để giữ và thu hút khách hàng. Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các chi nhánh cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới các CNXD bằng cách đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê, hợp tác kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện hữu; mua, thuê đất xây dựng cửa hàng xăng dầu mới; mua hoặc thuê cửa hàng xăng dầu có sẵn; tìm đối tác có mặt bằng phù hợp để hợp tác kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân giới thiệu được địa điểm phù hợp để Công ty phát triển cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Duy trì và phát triển hệ thống khách hàng đại lý và khách hàng nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Đẩy mạnh việc bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.

- Tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng, đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ sửa chữa, đầu tư xây dựng trạm xăng dầu.

- Duy trì khai thác 100% công suất cho thuê Tòa nhà COMECO; phát triển hợp tác kinh doanh, liên kết khai thác hiệu quả các mặt bằng còn trống của Công ty như xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê,..

- Thực hiện tốt công tác mua hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hạn chế rủi ro khi thị trường biến động.

- Duy trì chính sách thưởng cho các đơn vị, cá nhân tìm kiếm khách hàng mới có khả năng thanh toán tốt; giới thiệu cây xăng, địa điểm xây dựng cây xăng; thuyết phục khách hàng chuyển từ trả chậm sang trả ngay.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Tiếp tục đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn PCCC.
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng.
- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm tin học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
- Đầu tư nâng cấp, xây dựng một số mặt bằng để tiếp tục đưa vào kinh doanh và liên kết kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai áp dụng giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ và mở rộng kiểm tra kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ. Cải tiến công tác đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo thực hành tại chỗ.
- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.
- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. Khen thưởng động viên kịp thời NLD.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ.
- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để phát triển phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động và phát huy dân chủ cơ sở và phát triển Văn hóa, Thương hiệu.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

- Quán triệt các quy định, chính sách đến từng NLD để NLD hiểu và thực hiện tốt. Lãnh đạo ổn định tư tưởng người lao động. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt việc quản lý và động viên người lao động, đoàn kết nhất trí trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Phân công bố trí ca kíp hợp lý; duy trì bán hàng giờ cao điểm (cán bộ quản lý các CNXD phải có mặt tại khu vực trụ bơm trong các giờ cao điểm để giúp đỡ, động viên nhân viên bán hàng và kịp thời giải quyết các tình huống phát sinh) không để xảy ra tình trạng ùn tắc làm ảnh hưởng đến kinh doanh. Tăng cường dịch vụ hậu mãi. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt hơn việc nói lời “cảm ơn” khách hàng trong toàn Công ty.
- Duy trì Hệ thống QLCLTD; tăng cường công tác đánh giá nội bộ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc; hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể COMECO; đồng thời rà soát, chỉnh sửa các Quy định về quản lý cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.
- Quản lý chặt chẽ tính hình kinh doanh và công nợ. Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh.
- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh. Đảm bảo công tác đo lường, PCCC, chất lượng, số lượng hàng hóa bán ra theo đúng quy định.
- Duy trì và phát triển các phong trào thi đua trong sản xuất kinh doanh, thi đua thực hành tiết kiệm, thi đua phát ý tưởng mới (sáng kiến, giải pháp mới,...).

- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển thương hiệu COMECO.

Năm 2017, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn tiếp tục biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể NLĐ Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN : không có

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Bảo vệ môi trường

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí: Thái độ đối với cộng đồng xã hội. Nội dung của tiêu chí này là: “*Bảo vệ sức khỏe – Giữ gìn môi trường – Hòa hợp cộng đồng*”. Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và NLĐ Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đường ống xăng dầu của các CNXD COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xăng dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố đảm bảo môi trường đất, nước, không khí tại CNXD COMECO.

- Các CNXD của COMECO đều có cây xanh góp phần thực hiện phong trào “**Cửa hàng Xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn**” do Công ty phát động từ tháng 5/2011, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài Nguyên Môi Trường Tp.Hồ Chí Minh.

- Hàng năm các CNXD đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007**. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng **Giờ trái đất**, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo, sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó, NLĐ Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đối với NLĐ

- COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý nên NLĐ ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLD như: Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho NLD Công ty, Quy định chế độ đối với NLD đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể, Quy định chế độ cho NLD làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho NLD Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho NLD một cách ổn định.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của NLD, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGD cũng sắp xếp lịch để tiếp NLD.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLD đặc biệt đối với lao động nữ: ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ NLD Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm,... Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho lao động nữ tham gia công tác quản lý. Tính đến 31/12/2016 có 11 lao động nữ từ trường phó đơn vị trở lên và có 11 lao động nữ được quy hoạch.

Đồng thời khuyến khích, động viên NLD tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện:

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Cùng với việc phát triển kinh doanh, COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo các gia đình chính sách và chia sẻ khó khăn với người nghèo, chia sẻ nỗi đau với các nạn nhân là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Trong năm 2016, ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của người lao động Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: đóng góp cho các trung tâm từ thiện xã hội; ủng hộ Quỹ Hội nạn nhân chất độc da cam Quận 3; xây dựng Nhà tình thương ở Bến Tre, Long An; hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo tỉnh Kon Tum; đóng góp 01 ngày lương hỗ trợ đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung; giúp đỡ đồng bào các tỉnh miền Bắc bị thiên tai; đóng góp 01 ngày lương cho ‘Quỹ vì biển đảo quê hương vì tuyến đầu Tổ quốc’,..... với tổng số tiền **459.413.436 đồng**. Tổng số tiền nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) là **2.214.707.678 đồng**.

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO:

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

4. Đối với khách hàng và đối tác

Thái độ của COMECO đối với khách hàng và đối tác là:

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win Win”

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm, Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng thông qua phiếu tìm hiểu ý kiến khách hàng và luôn đạt mức thỏa mãn tương đối cao, cụ thể như sau :

+ **Chất lượng:** Trên 90% khách hàng nhận xét tốt về chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ **Thời gian giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét thời gian giao hàng kịp thời và tương đối kịp thời.

+ **Phương thức giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét phương thức giao hàng rất thuận lợi và thuận lợi.

+ **Giá cả:** 100% khách hàng nhận xét hợp lý về tiêu chí giá cả.

+ **Phương thức thanh toán:** 100% khách hàng nhận xét phương thức thanh toán phù hợp và tương đối phù hợp.

+ **Nhận xét về thương hiệu COMECO:** 100% khách hàng nhận xét thương hiệu COMECO từ mức khá trở lên.

Ngoài ra, Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp; đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, văn hóa “*COMECO nói lời cảm ơn khách hàng*” luôn được hầu hết NLĐ tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ:

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”

Công ty luôn tuân thủ quy định công bố thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và website của Công ty.

Chính sách trả cổ tức các năm luôn được thực hiện đầy đủ. Năm 2016 Công ty tiếp tục duy trì chi trả cổ tức ở mức rất cao 50%.

*

* *

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO –

Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Với tất cả các tiêu chí trên, COMECO luôn cam kết mang đến cho NLĐ, khách hàng, đối tác, cộng đồng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất. Bên cạnh mục tiêu kinh doanh COMECO cũng đồng thời quan tâm đến môi trường và cộng đồng nhằm góp phần cải tạo và xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2016

Trong năm 2016, HĐQT của Công ty đã tổ chức 14 phiên họp HĐQT để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp nhằm kịp thời chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ đảm bảo tính minh bạch.

HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho Cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban điều hành.

HĐQT và Ban TGD nắm vững tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn, đưa Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2016 mà ĐHĐCĐ thông qua, đặc biệt chỉ tiêu LNST năm 2016 là 109,726 tỷ đồng, đạt 261% so với kế hoạch.

2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

- HĐQT và Ban TGD Công ty đã quản lý, điều hành và khai thác được những lợi thế, tiềm năng của Công ty để thực hiện phát triển kinh doanh hiệu quả; thực hiện hoàn thành hầu hết các mục tiêu và định hướng mà ĐHĐCĐ đề ra nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) với mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế (LNST) bình quân **43,86%/ năm** (sau 16 năm CPH Doanh nghiệp tỷ lệ bình quân của chỉ tiêu LNST là 18,59%/ năm). Nhiệm kỳ IV bị giảm 01 CNXD (CNXD số 19 từ ngày 01/3/2016 trả lại cho chủ cửa hàng do hết thời hạn thuê) nhưng phát triển thêm được **7 CNXD mới**, nâng tổng số chi nhánh lên **37 CNXD**.

- Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về quản lý và kinh doanh; không có trường hợp sai phạm xảy ra.

- HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ SXKD. Từ đó quản lý và phát triển nguồn vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước, lợi ích của các Cổ đông và Người lao động.

- Trong nhiệm kỳ qua, Công ty đã xây dựng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm, có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGD

Các phiên họp HĐQT đều mời TGD tham gia, ngoài ra Chủ tịch HĐQT có các phiên làm việc với TGD và Ban TGD để trực tiếp trao đổi tình hình và góp ý, hỗ trợ Ban TGD thực thi Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban TGD thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với từng giai đoạn.

- Hàng tháng Chủ tịch HĐQT đều có các phiên họp làm việc với TGD, nghe TGD báo cáo tình hình và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Môi quan hệ quản trị - điều hành Doanh nghiệp giữa HĐQT và TGD Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty. Trước những khó khăn và rủi ro tiềm ẩn như đã phân tích trên, HĐQT đã tập trung quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty; trong đó, đặc biệt chú ý đến công tác quản lý kinh doanh xăng dầu, quản trị các dự án đầu tư nhằm phát triển công tác đầu tư hiệu quả, theo đúng định hướng của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty.

- Qua công tác giám sát, HĐQT Công ty thống nhất đánh giá:

+ Ban điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, có những cải tiến hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

+ Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, chủ động trong việc ban hành các quy định để quản lý vốn và quản trị rủi ro hiệu quả. Hàng năm, hàng 6 tháng đều có thực hiện kiểm tra quyết toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.

+ Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản.

+ Hoạt động luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty. Điều hành kinh doanh hiệu quả và bảo toàn vốn; lợi ích của Công ty, Nhà nước, cổ đông, đối tác, khách hàng và người lao động đều được đảm bảo..

2. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty

Cán bộ quản lý Công ty gồm có TGD, 2 Phó TGD và Kế toán trưởng.

(Điểm d, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn). Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT không phê duyệt “các chức danh quản lý khác”.

- TGD hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của HĐQT.

- HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các Phó TGD và Kế toán trưởng Công ty thông qua báo cáo của TGD.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Căn cứ định hướng phát triển đến năm 2021 như ở Phần 1 mục V nêu trên, HĐQT đưa ra kế hoạch và định hướng đến năm 2021 như sau:

1. Dự báo tình hình năm 2017 và các năm tiếp theo

- Nhìn chung nền kinh tế vĩ mô có sự ổn định nhưng vẫn còn khó khăn, tình trạng hồi phục và tăng trưởng GDP vẫn còn thấp (dự kiến năm 2017 là 6,3%) do chậm tái cơ cấu doanh nghiệp và ảnh hưởng của những bất ổn kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục kéo dài.

- Giá xăng dầu thế giới theo dự báo vẫn biến động khó lường và có xu hướng tăng; mức cầu về nhiên liệu trong nước thấp do sản xuất kinh doanh khó khăn, nguồn vốn cho đầu tư công của Chính phủ gặp nhiều khó khăn, tiêu dùng giảm. Mặt khác, nợ xấu và các rủi ro kinh doanh vẫn ở mức độ cao.

- Các công trình hạ tầng của Thành phố như xây các cầu vượt ở các giao lộ, phân luồng giao thông, đào đường để lắp đặt cống thoát nước mới phục vụ cho dự án chống ngập của Thành phố,...; tình trạng kẹt xe trong nội đô Thành phố ngày càng gia tăng ảnh hưởng đến sản lượng bán hàng tại các CNXD.

- Thực hiện theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, ngày càng nhiều thành phần tham gia thị trường xăng dầu nên thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn, do đó mảng kinh doanh bán sỉ sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê đất, tiền điện, nước; BHXH, BHYT, BHTN tăng theo lộ trình tăng lương tối thiểu của Nhà nước; chi phí đầu tư nâng cấp cải tạo mặt bằng CNXD cho phù hợp với quy định và thực tế hoạt động kinh doanh,...

- Một số CNXD Công ty hợp tác kinh doanh hết hạn, nếu không được tiếp tục gia hạn thì sẽ ảnh hưởng đến sản lượng kinh doanh của Công ty..

2. Kế hoạch SXKD – TC năm 2017 và nhiệm kỳ V (2017 – 2021)

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TLBQ (%) 2007-2011	TLBQ (%) 2012-2016	TH NĂM 2016	KH NĂM 2017	KH NĂM 2018	KH NĂM 2019	KH NĂM 2020	KH NĂM 2021	TLBQ (%) 2017-2021
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Doanh thu	Trđ	122,70	91,48	3.471.397	3.500.000	3.675.000	3.858.800	4.051.800	4.254.500	105,00
2	Lãi gộp	Trđ	116,29	117,90	284.884	200.355	216.593	223.389	230.403	237.641	104,36
3	ĐGLG BLXD*	Đồng/lit	106,93	123,25	1.250,11	1.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00	100,00
4	LN trước thuế	Trđ	124,84	143,86	136.819	62.169	66.60	69.125	73.000	76.000	105,15
5	LN sau thuế	Trđ	121,65	145,44	109.726	50.000	53.480	55.500	58.600	61.000	105,10
6	Nộp NSNN	Trđ	128,25	126,99	67.052	45.868	48.990	50.245	51.670	53.170	103,76
7	Cổ tức	%	104,66	135,12	50	15	15	15	15	15	100,00

Ghi chú:

- ĐGLG BLXD*: Đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu

- Cột 1, cột 2, cột 9 : Cách tính TLBQ % theo phương pháp tăng trưởng tỷ lệ kép hàng năm (CAGR)

- Tỷ lệ thuế TNDN: 20%/ năm

Phần 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

HĐQT gồm 5 thành viên, trong đó 4 thành viên kiêm nhiệm và 1 thành viên độc lập không điều hành

1.1. Lý lịch HĐQT

▪ **Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT – Thành viên HĐQT độc lập**

Năm sinh : 13/12/1957

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD,
Cử nhân chính trị

Thâm niên trong ngành : 36 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 36 năm (làm việc tại Cty từ 02/1981 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 33 năm

- Tháng 02/1981 : nhân viên phòng Kế hoạch.
- Tháng 02/1984 : Phó phòng Kế hoạch.
- Tháng 9/1986 : Trưởng phòng Kế hoạch.
- Tháng 12/1986 : Phó Giám đốc Công ty.
- Tháng 5/1999 : Giám đốc Công ty.
- Tháng 12/2000 : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD.
- Tháng 4/2012 : Chủ tịch HĐQT cho đến nay.

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Anh : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 16/6/1980

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư tự động hóa

Thâm niên trong ngành : 13 năm

- Tháng 6/2004 : Chuyên viên phòng điều độ tại nhà máy chế biến Condensate.
- Tháng 3/2005 : Chuyên viên phòng Kinh doanh tại Xí nghiệp XD Dầu khí Vũng Tàu.
- Tháng 6/2007 : Chuyên viên phòng Kinh doanh Văn phòng Công ty chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ.
- Tháng 12/2007 : Phó phòng kinh doanh văn phòng Công ty chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ.
- Tháng 7/2008 : Phó Ban kinh doanh sản phẩm Dầu thuộc Tổng công ty Dầu Việt Nam.
- Tháng 9/2009 : Phó Giám đốc xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh.
- Tháng 12/2009 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh.

- Tháng 7/2011 : Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang.
- Tháng 4/2015 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay (thay Ông Võ Tấn Phong nghỉ hưu theo chế độ).
- Tháng 7/2015 : Giám đốc Công ty Cp Dầu nhờn Pvoil Lube cho đến nay.

▪ **Ông Trần Minh Hà** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 30/3/1960
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Cử nhân chính trị
 Thâm niên trong ngành : 20 năm

- Năm 1983 : công tác tại Sở Tài chính tỉnh Cửu Long.
- Năm 1992 : chuyển công tác đến Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh.
- Năm 1994 : làm việc tại Ban Tài chính – Quản trị tỉnh ủy Vĩnh Long.
- Năm 1997 : công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 6/2014 : Phó TGD tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh cho đến nay.

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Liên** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 16/9/1967
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
 Cử nhân Anh văn
 Thâm niên trong ngành : 27 năm

- Năm 1990 : công tác tại Công ty Nhập khẩu thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí (Petechim nay là Petec).
- Năm 1997 : Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).
- Năm 2007 : Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (thuộc PDC).
- Năm 2008 : Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Miền Đông (thuộc PV Oil).
- Tháng 9/2011 : Trưởng Ban Sản phẩm Dầu – Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 11/2014 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Văn Thoại** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 03/6/1964
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dầu khí
 Thâm niên trong ngành : 27 năm

- Năm 1989 : công tác tại Bộ phận Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái trực thuộc Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Năm 1991 : chuyển công tác sang Tổ cơ khí Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.
- Năm 1992 : được bổ nhiệm làm Tổ phó Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái và sau đó là Tổ trưởng Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
- Tháng 11/1994 : Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái phụ trách Bộ phận Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
- Tháng 12/2004 : Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái cho đến nay.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

1.2. Cơ cấu HĐQT

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỐ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỐ HỮU	GHI CHÚ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	- UV HĐQT Cty Cp Vận tải Việt Tfn. - UV HĐQT Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam - UV HĐQT Cty Cp Đóng tàu An Phú	57.250	0	TV HĐQT độc lập
2	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	GD Công ty Cp Dầu nhờn PV Oil	0	3.500.816	
3	Trần Minh Hà	Thành viên	Phó TGĐ Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	1.350.200	
4	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	- UV HĐQT Tổng Công ty TM KT & ĐT – Công ty Cp (PETEC) - CT HĐQT Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	0	2.000.000	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	GD Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	1.200.000	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT : trong năm 2016, Công ty không có thay đổi thành viên HĐQT

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập

3. Hoạt động của HĐQT năm 2016 và nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

3.1. Hoạt động của HĐQT năm 2016

Trong năm 2016 có tổng cộng 14 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên HĐQT, TGĐ, Thư ký Công ty và các thành viên BKS (chỉ có 1 thành viên HĐQT vắng 1 phiên họp và đã ủy quyền cho thành viên HĐQT khác biểu quyết).

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên (theo văn bản số 12/HĐQT-VX ngày 22/6/2015 thay thế cho văn bản số 11/HĐQT-VX ngày 22/7/2013) và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Đa số các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích

Công ty trong mọi hoạt động của mình. Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bảng phân công nhiệm vụ trong HĐQT.

3.1.1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2016

SỐ TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	14/14	100	
2	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	13/14	92,9	Đi công tác, đã ủy quyền cho Ông Liên
3	Trần Minh Hà	Thành viên	14/14	100	
4	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	14/14	100	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	14/14	100	

3.1.2. Các nội dung chính và kết quả của các cuộc họp HĐQT năm 2016

Năm 2016, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 14 phiên họp để thông qua các nội dung chính như sau:

SỐ NQ	NGÀY	NỘI DUNG
01	26/1/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty. - Thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh - Tài chính - Đầu tư năm 2015. - Thông qua Kế hoạch SXKD – Đầu tư năm 2016. - Thông qua Kế hoạch năm 2016 của Công ty. - Thông qua tờ trình về phương án xử lý tài sản đầu tư và giải thể Chi nhánh xăng dầu số 19 (do kết thúc hợp đồng thuê). - Giao TGD chủ động tổ chức cho cán bộ chủ chốt đi tham quan Hà Nội - Cát Bà - Sapa - Ninh Bình sau Tết Nguyên đán năm 2016 nhưng vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thông suốt. - Thông qua tờ trình về việc chuyển tiền hỗ trợ chi trả cho các hộ dân tại dự án Tổng kho xăng dầu COMECO. - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông (ngày giao dịch không hưởng quyền) để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2015. - Thông qua báo cáo đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2015 và chương trình, kế hoạch năm 2016.
02	09/3/2016	Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty (đã được kiểm toán).
03	17/3/2016	Thông qua kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2015.
04	07/4/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình về điều chỉnh kế hoạch doanh thu năm 2016. - Thông qua báo cáo thường niên năm 2015. - Thông qua kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2015 (bổ sung). - Thông qua các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2015. - Giao TGD chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan xây dựng quy định về chính sách đi tham quan du lịch nước ngoài đối với cán bộ, NLĐ nghỉ hưu làm việc tại COMECO, trình HĐQT phê duyệt. - Thống nhất phân công thực hiện các công việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2015. - Giao các thành viên chuẩn bị kỹ các nội dung trả lời chất vấn tại ĐHĐCĐ gửi về Thư ký Công ty tổng hợp càng sớm càng tốt. - Thông qua tờ trình về cải tạo nâng cấp Chi nhánh số 14 (450 Kinh Dương

		<p>Vương, An Lạc A, Quận Bình Tân, Tp.HCM).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình về cải tạo nâng cấp Chi nhánh số 15 (526 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, Tp.HCM).
05	26/4/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình v/v thay thế đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần của COMECO tại Công ty Cp Vận tải biển Việt Tín.
06	07/6/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thay đổi con dấu Công ty và con dấu các Chi nhánh xăng dầu của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO). - Thống nhất mức giá tối thiểu để COMECO làm cơ sở đàm phán với đối tác về việc hợp tác liên doanh, cho thuê, sang nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền đầu tư dự án tại Tổng kho xăng dầu COMECO.
07	08/7/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 cho Công ty.
08	26/7/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty <i>(đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN))</i>. - Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2016. - Thống nhất tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2016 là: 10%/VĐL. - Thống nhất gia hạn Hợp đồng được ký kết ngày 31/7/1996 và các Phụ lục sau đó với Công ty TNHH Total Việt Nam (TVL), thời hạn tối đa là ngày 31/12/2016. - Thông qua Dự thảo Quy định về chính sách đối với người lao động nghỉ hưu đi du lịch nước ngoài. - Giao TGD khẩn trương gửi văn bản cho UBND Tp.HCM và Ban chỉ đạo 09 về việc đề nghị tiếp tục thực hiện Công văn số 6907/UBND-TM ngày 24/12/2014 của UBND Thành phố. - Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết HĐQT 6 tháng đầu năm 2016. - Giao TGD thực hiện các công việc sau: <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị các công việc cho ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2016. + Khẩn trương trình HĐQT kế hoạch và tiến độ đầu tư khoa học công nghệ tiên tiến, tự động hóa đối với toàn bộ Chi nhánh xăng dầu COMECO. - Thống nhất cử ông Trần Công Huỳnh tạm thời làm Thư ký Công ty thay thế cho bà Nguyễn Cát Phương Yên trong thời gian bà Yên nghỉ thai sản.
09	30/9/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua các nội dung chính trong văn bản về ký kết hợp đồng, ngày 15/9/2016 của Công ty TNHH Total Việt Nam (TVL). - Thống nhất thông qua Tờ trình về việc cử cán bộ tham dự “Hội nghị nhà phân phối” tại Dubai, Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất do Công ty TNHH Total Việt Nam (TVL) tổ chức. - Thống nhất thông qua Quy định về chính sách đối với NLĐ nghỉ hưu đi du lịch nước ngoài. - Thống nhất thông qua Báo cáo về tiến độ thực hiện hoán đổi mặt bằng Chi nhánh xăng dầu số 32 theo nội dung trong Biên bản họp ngày 23/9/2016 của Sở Tài chính, các Sở ban ngành và các bên liên quan.
10	26/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính quý III/2016 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2016 của Công ty. - Thống nhất đầu tư mua mới 2 xe bồn vận chuyển nhiên liệu như kế hoạch đầu tư, sửa chữa năm 2016 được HĐQT thông qua. - Thống nhất gia hạn thời gian để HĐQT xem xét lại nội dung tờ trình của TGD ký ngày 19/10/2016 về việc ký kết hợp đồng mới với Total tối đa là 14 ngày kể từ ngày họp hôm nay.
11	17/11/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất không thông qua việc COMECO tái ký hợp đồng cung cấp dịch vụ, quảng cáo và mua bán sản phẩm giữa COMECO và Công ty TNHH

		<p>Total Việt Nam (TVL).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tiếp tục đầu tư mua mới thêm 2 xe bồn vận chuyển nhiên liệu với các nội dung chính của Tờ trình của TGD ký ngày 21/10/2016. - Thống nhất thông qua Tờ trình về việc cử cán bộ tham dự Chương trình gặp mặt khách hàng năm 2016 của PV Oil tại Đài Loan do Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn tổ chức. - Thống nhất thông qua chi hoa hồng môi giới cho việc giới thiệu khu đất 20 ha của COMECO tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
12	30/11/2016	Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2016 là 40%/VĐL.
13	07/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tiếp tục thực hiện các công việc có liên quan đến việc chuyển nhượng Tổng kho Xăng dầu COMECO. - Thống nhất việc xúc tiến nhanh Hợp đồng dịch vụ, quảng cáo tại các CNXD COMECO.
14	30/12/2016	Thống nhất thông qua Tờ trình về tăng mức giá đền bù hoán đổi mặt bằng số 209 đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11 (CNXD số 32) với số 79 đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình (CNXD số 9) cho Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP. Hồ Chí Minh.

3.2. Hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016)

Trong nhiệm kỳ IV (2012 – 2016), Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 68 phiên họp để thông qua các nội dung có liên quan đến định hướng hoạt động, kế hoạch đầu tư, SXKD và tài chính của Công ty; triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các công việc thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ của HĐQT.

(Đính kèm Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chính Nghị quyết HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 - 2016))

- Để triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ Nhiệm kỳ IV (2012 - 2016), hàng năm HĐQT đã lập kế hoạch và tổ chức triển khai theo định hướng chiến lược của HĐQT và đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo TGD Công ty có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả từng giai đoạn. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để nghe TGD Công ty báo cáo tình hình SXKD trong kỳ và kế hoạch SXKD của kỳ tiếp theo.

- Hàng năm đều có triệu tập ĐHĐCĐ để thông qua các báo cáo và phương hướng, chủ trương theo quy định. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính hàng năm là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

- Thực hiện hoạt động quản trị theo đúng Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành.

- Các Nghị quyết ban hành đều được HĐQT giao cho Ban TGD triển khai thực hiện và báo cáo kết quả cho HĐQT. Trong các trường hợp khác, các quyết định của HĐQT được lập thành Nghị quyết và giao cho các thành viên có trách nhiệm liên quan thực hiện.

- Việc công bố thông tin theo quy định đã được Chủ tịch HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

- Nét nổi bật về hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ qua là thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHCĐ. Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời mang lại hiệu quả cho hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Từ ngày 28/4/2012 – 20/4/2015					
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	39/39	100	
2	Trần Minh Hà	Thành viên	39/39	100	
3	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	37/39	95	Nghỉ phép, đã ủy quyền cho Ô.Phong
4	Võ Tấn Phong	Thành viên	39/39	100	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	39/39	100	
Từ ngày 20/4/2015 – 26/4/2017					
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	28/28	100	
2	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	27/28	96	Đi công tác, đã ủy quyền cho Ô. Liên
3	Trần Minh Hà	Thành viên	28/28	100	
4	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	27/28	96	Đi công tác, đã ủy quyền cho Ô.Ngọc Anh
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	28/28	100	

Ghi chú: Ngày 20/4/2015, ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014 của Công ty đã thông qua tờ trình về phê chuẩn đơn từ nhiệm làm ủy viên HĐQT COMECO của ông Võ Tấn Phong và Nghị quyết bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế. Theo đó, ông Nguyễn Ngọc Anh làm ủy viên HĐQT của Công ty với nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2012 – 2016 để thay thế cho ông Võ Tấn Phong (nghỉ hưu theo chế độ).

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong nhiệm kỳ qua (2012 – 2016), HĐQT Công ty gồm có 5 người, trong đó có 1 người là thành viên HĐQT độc lập. Đó là bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT.

Chủ tịch HĐQT – thành viên HĐQT độc lập hoạt động theo quy định của pháp luật, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo các quy định khác của Công ty.

HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) đã phân công nhiệm vụ chính cho Bà Trương Đức Hạnh, Chủ tịch - thành viên HĐQT độc lập (Nghị quyết 13-12/NQ-HĐQT ngày 29/6/2012 và Nghị quyết 08-15/NQ-HĐQT ngày 22/6/2015) như sau:

- Lãnh đạo, quản lý điều hành chung mọi hoạt động của HĐQT.
- Chịu trách nhiệm chung mọi công việc của HĐQT.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT.

- Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và các nhiệm vụ của HĐQT.
- Phụ trách chung các lĩnh vực: chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; phụ trách chung công tác nhân sự và công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực; phụ trách chung lĩnh vực lương thưởng của Công ty.
- Phụ trách công tác xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý.

Nhiệm kỳ IV (2012 – 2016), với vai trò là thành viên HĐQT độc lập, Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT đã tổ chức tốt các phiên họp định kỳ và đột xuất để triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHCĐ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT : đưa ra các định hướng, chủ trương đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công khai.

Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện một cách khách quan giúp hoạt động của HĐQT ngày càng hiệu quả hơn dựa trên lợi ích chung của toàn Công ty, đảm bảo được quyền lợi của Nhà nước, cổ đông và NLĐ cũng như bảo vệ sự công bằng cho cổ đông nhỏ.

Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT làm việc với TGD để trực tiếp đưa ra những chỉ đạo trong công tác SXKD và quản lý. Chủ tịch cùng với các thành viên HĐQT khác đã tạo điều kiện, đồng thời giám sát hoạt động của TGD để TGD thực hiện tốt các Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.

Chủ tịch HĐQT cũng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho TGD thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành Công ty để Công ty hoàn thành kế hoạch hàng năm mà ĐHCĐ đã giao.

5. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: chưa có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành

1.1. Lý lịch BKS

▪ Ông Lê Văn Nghĩa : Trưởng BKS

Năm sinh : 05/7/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Thâm niên trong ngành : 7 năm

- Tháng 5/1990 : công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86).

- Tháng 10/2000 : chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.Hồ Chí Minh.

- Tháng 5/2007 : làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro.

- Tháng 9/2010 : làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh Hồ Chí Minh) với chức danh Phó GD.
- Tháng 02/2011 : công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ.
- Tháng 8/2012 : Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PV Oil cho đến nay.
- Tháng 4/2012 : Trưởng BKS COMECO cho đến nay.

▪ **Bà Trần Thị Phương Khanh : Ủy viên BKS.**

Năm sinh : 21/9/1973
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán,
 Cử nhân Luật.

Thâm niên trong ngành : 18 năm

- Năm 1995 : Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán A&C.
- Năm 1999 : nhân viên Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh.
- Năm 2001 : Phó phòng Tài chính Kế toán.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.
- Tháng 11/2015 : Quyền Kế toán trưởng.
- Tháng 11/2016 : Kế toán trưởng cho đến nay.

▪ **Bà Nguyễn Cát Phương Yên : Ủy viên BKS.**

Năm sinh : 25/10/1983
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Anh Văn,
 Cử nhân QTKD.

Thâm niên trong ngành : 8 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 8 năm (làm việc tại Công ty từ 6/2009 đến nay)

- Năm 2007 : nhân viên điều phối Marketing, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam).
- Năm 2008 : Trợ lý kinh doanh Công ty TNHH Tài Ngân.
- Năm 2009 : nhân viên QTCLTD Cty Cp Vật tư – Xăng dầu (COMECO).
- Tháng 4/2011 : Trợ lý HĐQT COMECO.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên BKS COMECO và Thư ký Công ty cho đến nay.
- Tháng 12/2013 : Phó Ban QTCLTD COMECO cho đến nay.

1.2. Cơ cấu BKS

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban	Trưởng Ban KS nội bộ Tổng Cty Dầu Việt Nam	10	0
2	Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	Quyền Trưởng phòng TCKT Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.200.000
3	Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên		0	0
TỔNG CỘNG				10	1.200.000

2. Hoạt động của BKS

Năm 2016, BKS đã tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Xem xét việc thực hiện các kiến nghị của BKS trong năm tài chính trước (2015).
- Thống kê các quy chế, quy định được ban hành bởi HĐQT và Ban điều hành có thay đổi, mới ban hành hay hết hiệu lực trong năm 2016 và việc áp dụng thực hiện các quy định hiện hành tại Công ty.
- Thẩm tra lại báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty: Định kỳ soát xét báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD, cũng như xem xét việc thực hiện các chủ trương ĐHCĐ và HĐQT, xem xét tình hình thực hiện kế hoạch của công ty đã được ĐHCĐ giao.
- Xem xét tình hình hoạt động kinh doanh, chi phí kinh doanh.
- Kiểm tra việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng.
- Theo dõi hiệu quả đầu tư tài chính tại các Công ty cổ phần. Kiến nghị Ban điều hành thường xuyên theo dõi đánh giá phân tích, nhận định tình hình thị trường chứng khoán, xây dựng phương án thoái vốn đối với các khoản đầu tư tài chính không hiệu quả, thu hồi vốn đầu tư.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT cùng với Ban Điều hành, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động SXKD của Công ty. BKS kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành luật pháp, chấp hành Nghị quyết của ĐHCĐ cũng như Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát

3.1. Về công tác kế toán – tài chính

- Sau khi xem xét, thẩm tra, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 73/BCKT/TC ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (*đính kèm*).

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD

3.2.1 HĐQT

- HĐQT đã tổ chức triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHCĐ và ban hành các Nghị quyết chỉ đạo thực hiện đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT; có nội dung phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHCĐ, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- BKS nhận định HĐQT trong năm 2016 đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình theo Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

3.2.2 Ban điều hành

- Công tác quản lý và điều hành của Ban điều hành Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong năm 2016, Ban điều hành phối hợp với HĐQT Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao cho. Thể hiện qua các chỉ tiêu đạt được của Công ty như sau:

+ LNST 109,001 tỷ đạt 261% so với kế hoạch được giao và vượt 109,72% so với thực hiện của năm 2015.

+ Sản lượng xăng dầu tiêu thụ tăng 5,38% so với năm 2014.

+ Nộp ngân sách nhà nước là 67,052 tỷ bằng 82,25% so với thực hiện năm 2015.

3.3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGD, Phó TGD – Trợ lý Chủ tịch HĐQT và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Ban TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS NĂM 2016

1. Thù lao và các khoản thu nhập của HĐQT, BKS và Ban TGD

1.1 Thù lao của HĐQT và BKS

Năm 2016, đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 26/4/2016 như sau:

- Thù lao cho HĐQT : 300.000.000 đ (BQ: 5 triệu đồng/người/tháng)

- Thù lao cho BKS : 108.000.000 đ (BQ: 3 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2016 : 408.000.000 đ.

(Mức thù lao trên bằng các năm từ 2012 đến 2015)

1.2. Thu nhập của HĐQT và Ban TGD

Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác của HĐQT, Ban TGD trong năm 2016 là : 5.097.704.485 đồng.

3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2016	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2016	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
I	Hội đồng quản trị								
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT		57.250	0	0	57.250	0,41	
	<i>Cá nhân</i>								
	Trương Kỳ Đức		Cha ruột						Đã mất
	Lê Thị Thanh Quý		Mẹ ruột						Đã mất
	Trương Đức Thọ		Em ruột						Đã mất
	Trương Đức Phương		Em ruột	10	0	0	10	0,000	
	Nguyễn Quốc Hải		Con ruột						
	Nguyễn Quốc Việt		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	UV HĐQT							
	Cty Cp Đóng tàu An Phú	UV HĐQT							
2	Nguyễn Ngọc Anh	UV HĐQT		0	3.500.816	0	3.500.816	24,79	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Bùi Thị Tiên		Vợ						
	Nguyễn Văn Bá		Cha ruột						
	Lê Thị Phước		Mẹ ruột						
	Nguyễn Đăng Khoa		Anh ruột						
	Nguyễn Ngọc Lan		Em ruột						
	Nguyễn Ngọc Huy Anh		Con ruột						
	Nguyễn Tuấn Anh		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Tổng công ty Dầu VN (**)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Công ty Cp Dầu nhờn PVOillube	Giám đốc							
3	Trần Minh Hà	UV HĐQT		1.350.200	0	0	1.350.200	9,56	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Trần Văn Hoàng		Cha ruột						
	Lê Thị Ngọc Huệ		Mẹ ruột						Đã mất
	Trần Minh Hải		Anh ruột						
	Trần Thị Ngọc Bích		Em ruột						
	Nguyễn Thị Minh Đức		Vợ						
	Trần Minh Duy		Con ruột						
	Trần Minh Đức Duy		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (*)	Phó TGĐ		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
4	Nguyễn Ngọc Liên	UV HĐQT		2.000.000	0	0	2.000.000	14,16	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Nguyễn Ngọc Cu		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Mẹ ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2016	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2016	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Nguyễn Thị Việt Nga		Em ruột						
	Nguyễn Thị Thu Thanh		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Liên Anh		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Anh		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Tổng công ty Dầu VN (**)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Tổng Cty TM KT & ĐT – Cty Cp Petec	UV HĐQT							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	CT HĐQT							
5	Phạm Văn Thoại	UV HĐQT		1.200.000	0	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Phạm Văn Hoa		Cha ruột						Đã mất
	Đoàn Thị Bon		Mẹ ruột						
	Phạm Văn Thông		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thái		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thúy		Chị ruột						
	Phạm Văn Thành		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thoa		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thắng		Em ruột						
	Phạm Thị Phương Thảo		Em ruột						
	Ng Thị Hồng Hạnh		Vợ						
	Phạm Gia Bảo		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (*)	GĐ NM Lọc dầu Cát Lái		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
II	Ban TGD, Người công bố thông tin								
1	Lê Tấn Thương	TGD		125.840	15.530	0	141.370	1,00	
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,27	
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD, người CBTT		1.950	3.650	0	5.600	0,04	
	<i>Cá nhân</i>								
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2016	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2016	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Lê Thị Hồng Anh		Vợ	280	0	0	280	0,002	
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sờ		Anh ruột						
	Phạm Công Huân		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thủy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị ruột						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD		0	4.740	0	4.740	0,034	
	Nguyễn Chơn Trung		Cha ruột						
	Đỗ Ngọc Trinh		Mẹ ruột						
	Nguyễn Ngọc Thùy Chi		Vợ						
	Nguyễn Chơn Quý Tùng		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Như Tâm		Con ruột						
	Nguyễn Kiên Trung		Em ruột						
III	Kế toán trưởng								
1	Phạm Công Quyền	GBTC - KTT		100.255	0	0	100.255	0,710	
	<i>Cá nhân</i>								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phượng		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín	Chủ tịch HĐQT							
	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	UV BKS							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	UV BKS							
IV	Ban Kiểm Soát, Thư ký Công ty								
1	Lê Văn Nghĩa	Trưởng BKS		10	0	0	10	0,00007	
	<i>Cá nhân</i>								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						Đã mất
	Lê Thị Liên		Chị ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2016	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2016	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN (**)	Trưởng Ban KS nội bộ		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
2	Trần Thị Phương Khanh	UV.BKS		1.200.000	0	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Trần Văn Trọng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Lài		Mẹ ruột						
	Trần Thị Phương Thảo		Chị ruột						
	Trần Thị Phương Dung		Em ruột						
	Đoàn Thanh Việt		Chồng						
	Đoàn Khánh Quỳnh		Con ruột						
	Đoàn Hải Đăng		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (*)	KTT		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
	Công ty CP Dầu khí Saigon Phú Yên	Trưởng Ban Kiểm soát							
3	Ng Cát Phương Yên	UV.BKS, Thư ký Cty	0	0	0	0	0		
	Nguyễn Minh Thuận		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Đẹp		Mẹ ruột						
	Nguyễn Vĩnh Duy		Anh ruột						
	Nguyễn Trọng Tuyên		Em ruột						
	Nguyễn Đắc Luân		Em ruột						

Ghi chú:

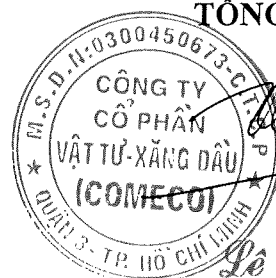
- (*): Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng 5.598.757 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Trần Minh Hà (UV HĐQT COMECO) 1.350.200 cp, ông Phạm Văn Thoại (UV HĐQT COMECO) 1.200.000 cp, bà Trần Thị Phương Khanh (UV BKS COMECO) 1.200.000 cp; số còn lại (1.848.557 cp) Saigon Petro không ủy quyền.
- (**): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu tổng số 6.325.016 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Nguyễn Ngọc Liên (UV HĐQT COMECO) 2.000.000 cp, ông Nguyễn Ngọc Anh (UV HĐQT COMECO) 3.500.816; số còn lại (824.200 cp) PV Oil không ủy quyền.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

Tp.HCM, ngày 09 tháng 4 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Tấn Chương

Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)**

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 18 ngày 25/03/2015.

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Trương Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tấn Thương
Ông Nguyễn Chơn Quang
Ông Phạm Văn Khoa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Lê Văn Nghĩa
Bà Trần Thị Phương Khanh
Bà Nguyễn Cát Phương Yên

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

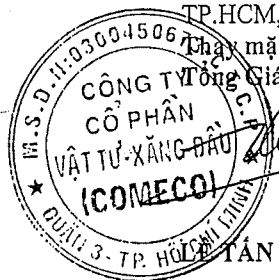
Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2017
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch

TRƯƠNG ĐỨC HẠNH

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2017
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ TẤN THƯƠNG



Số : 73/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO), được lập ngày 20/02/2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0167-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Giang

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
2784-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256.165.799.112	176.999.543.157
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.488.726.624	77.339.052.158
1. Tiền	111		26.488.726.624	77.339.052.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	14.827.071.091	11.637.349.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		15.793.410.000	15.793.410.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(966.338.909)	(4.156.060.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.667.887.873	12.309.661.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52.123.635.503	50.583.115.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.885.100.000	3.300.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.538.098.370	602.192.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(38.878.946.000)	(38.878.946.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	168.098.734.381	70.885.725.114
1. Hàng tồn kho	141		168.098.734.381	70.885.725.114
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.083.379.143	4.827.754.807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	55.677.794	651.116.152
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.655.489.938	4.176.638.655
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	372.211.411	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.417.609.963	272.381.294.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		590.000.000	590.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	590.000.000	590.000.000
II. Tài sản cố định	220		196.167.070.741	194.888.242.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	116.913.882.316	113.932.082.045
- Nguyên giá	222		178.525.797.642	171.181.175.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.611.915.326)	(57.249.093.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	79.253.188.425	80.956.160.341
- Nguyên giá	228		88.204.845.334	88.204.845.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.951.656.909)	(7.248.684.993)

12/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.624.634.190	62.182.835.734
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	63.624.634.190	62.182.835.734
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	12.167.435.358	13.747.203.845
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.365.774.000	14.365.774.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.198.338.642)	(10.618.570.155)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		868.469.674	973.012.173
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	868.469.674	973.012.173
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		529.583.409.075	449.380.837.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

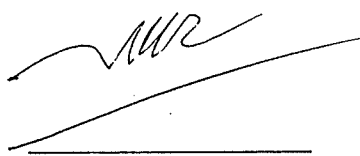
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.245.592.853	53.647.796.003
I. Nợ ngắn hạn	310		96.598.863.402	52.295.370.998
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.265.547.633	3.082.192.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.140.518.616	4.832.206.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	10.486.420.773	17.991.411.095
4. Phải trả người lao động	314		18.596.052.765	16.678.655.278
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	210.165.900	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	16.234.135.828	8.314.365.591
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	42.500.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.166.021.887	1.396.539.808
II. Nợ dài hạn	330		7.646.729.451	1.352.425.005
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.352.425.005	1.352.425.005
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	6.294.304.446	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		425.337.816.222	395.733.041.292
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	425.337.816.222	395.733.041.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.371.933.540	60.371.814.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.033.119.099	37.428.463.594
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.325.645.107	8.438.409.347
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.707.473.992	28.990.054.247
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		529.583.409.075	449.380.837.295

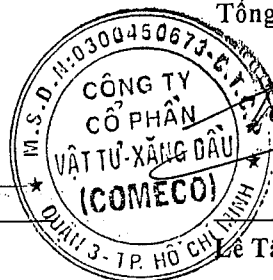
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trần Tấn Thương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

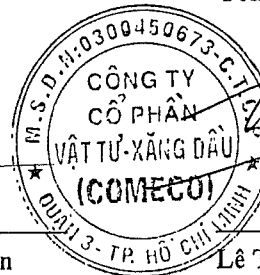
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.471.396.919.264	4.208.484.685.099
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.471.396.919.264	4.208.484.685.099
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.186.512.660.834	3.913.345.850.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		284.884.258.430	295.138.834.516
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.196.280.116	7.038.058.162
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.607.334.459)	446.347.626
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	573.477.778
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	135.617.510.863	147.908.844.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.441.200.846	26.448.135.714
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.629.161.296	127.373.565.002
11. Thu nhập khác	31	VI.6	205.666.068	465.443.254
12. Chi phí khác	32	VI.7	16.289.321	24.262.606
13. Lợi nhuận khác	40		189.376.747	441.180.648
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		136.818.538.043	127.814.745.650
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	27.092.327.573	27.813.551.403
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		109.726.210.470	100.001.194.247
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	7.119	6.409

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Lê Tấn Thương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		136.818.538.043	127.814.745.650
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.382.037.298	7.219.189.987
- Các khoản dự phòng	03		4.684.351.442	8.469.166.248
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.395.959.135)	(2.305.805.499)
- Chi phí lãi vay	06		-	573.477.778
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		146.488.967.648	141.770.774.164
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(30.209.289.089)	9.467.512.210
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(97.213.009.267)	(633.234.699)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.342.489.112)	12.020.522.106
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		699.980.857	502.770.551
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	687.750.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(573.477.778)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.105.944.136)	(25.463.820.230)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.748.813.461)	(5.852.880.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.430.596.560)	131.925.915.634
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.778.570.366)	(7.978.204.606)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		875.585.276	782.434.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.196.280.116	2.268.408.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.706.704.974)	(4.927.362.444)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

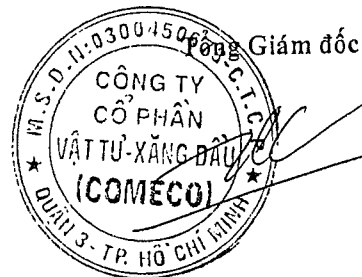
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		42.500.000.000	428.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(428.900.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70.213.024.000)	(87.547.805.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(27.713.024.000)</i>	<i>(87.547.805.600)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(50.850.325.534)	39.450.747.590
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		77.339.052.158	37.888.304.568
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.488.726.624	77.339.052.158

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Lê Tấn Thương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 18 ngày 25/03/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh

PHỤ LỤC
TH
VI
N
E
M
I
P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

THÀNH
HÀNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận và theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	15.394.145	51.918.076
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.875.559.738	73.612.158.218
Tiền đang chuyển	11.597.772.741	3.674.975.864
Cộng	<u>26.488.726.624</u>	<u>77.339.052.158</u>

CH
VÀ
TC
MÁ
T
X

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	15.793.410.000	16.824.852.691	(966.338.909)	15.793.410.000	12.822.406.200	(4.156.060.400)
- Tổng giá trị cổ phiếu	15.793.410.000	16.824.852.691	(966.338.909)	15.793.410.000	12.822.406.200	(4.156.060.400)
+ Công ty CP cà phê Petec	444.000.000	355.434.091	(88.565.909)	444.000.000	444.000.000	-
+ Công ty CP Bến xe Miền tây (WCS)	87.500.000	922.500.000	-	87.500.000	760.000.000	-
+ Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC)	5.775.685.000	4.897.912.000	(877.773.000)	5.775.685.000	3.468.251.200	(2.307.433.600)
+ Công ty CP Cơ Khí Xăng dầu (PMS)	3.989.625.000	4.246.608.000	-	3.989.625.000	2.140.998.200	(1.848.626.800)
+ Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	3.450.000.000	4.191.945.600	-	3.450.000.000	3.918.816.000	-
+ Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	46.600.000	210.453.000	-	46.600.000	90.340.800	-
+ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	31/12/2016			01/01/2016		
	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá trị vốn góp	Dự phòng	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá trị vốn góp	Dự phòng
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.365.774.000	(12.198.338.642)		24.365.774.000	(10.618.570.155)
- Đầu tư vào công ty con		-	-		-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		10.000.000.000	-		10.000.000.000	-
+ Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	20,00%	10.000.000.000	-	20,00%	10.000.000.000	-
- Đầu tư vào công ty khác		14.365.774.000	(12.198.338.642)		14.365.774.000	(10.618.570.155)
+ Công ty CP CK ô tô Cần Thơ	9,01%	2.000.000.000	(1.548.198.067)	9,01%	2.000.000.000	(1.356.215.005)
+ Công ty CP Vận Tải Việt Tín	14,93%	10.000.000.000	(10.000.000.000)	14,93%	10.000.000.000	(8.369.456.889)
+ Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec		272.599.000	-		272.599.000	(269.900.000)
+ Tổng Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC		2.093.175.000	(650.140.575)		2.093.175.000	(622.998.261)

Ghi chú: Công ty đã lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác trên dựa trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2015 của các công ty được đầu tư. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của các công ty đầu tư trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2016	01/01/2016		
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	52.123.635.503	50.583.115.378		
Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam	38.878.946.000	38.878.946.000		
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	2.636.750.151	1.870.348.751		
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.607.939.352	9.833.820.627		
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-		
Cộng	52.123.635.503	50.583.115.378		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016		
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	2.300.000	3.300.000		
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	17.735.840.000	-		
Trả trước người bán ngắn hạn khác	146.960.000	-		
Cộng	17.885.100.000	3.300.000		
5. Phải thu khác	31/12/2016	01/01/2016		
a) Ngắn hạn	1.538.098.370	602.192.100		
Phải thu người lao động	1.462.378.370	435.196.000		
Phải thu ngắn hạn khác	75.720.000	166.996.100		
b) Dài hạn	590.000.000	590.000.000		
Tiền đặt cọc thuê mặt bằng	590.000.000	590.000.000		
Cộng	2.128.098.370	1.192.192.100		
6. Dự phòng phải thu khó đòi	31/12/2016	01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (*)	38.878.946.000	(38.878.946.000)	38.878.946.000	(38.878.946.000)
Cộng	38.878.946.000	(38.878.946.000)	38.878.946.000	(38.878.946.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL-HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Sau khi thu được một phần tiền nợ là: 6.712.080.000 VNF và cần trừ nợ bằng hàng hóa với giá trị là: 4.381.982.000 VND, Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam còn nợ 38.878.946.000 VND nhưng Công ty chưa được Ngân hàng HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh. Hiện tại Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi số nợ trên. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi số nợ trên.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	136.502.836.363	-	41.728.863.638	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	434.996.400	-
Hàng hoá	31.595.898.018	-	28.721.865.076	-
Cộng	168.098.734.381	-	70.885.725.114	-

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	168.098.734.381	70.885.725.114

8. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	55.677.794	651.116.152
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	55.677.794	621.116.152
Chi phí thuê mặt bằng	-	30.000.000
b) Dài hạn	868.469.674	973.012.173
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	523.333.022	595.012.173
Chi phí thuê mặt bằng	345.136.652	378.000.000
Cộng	924.147.468	1.624.128.325

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU (COMECO)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	134.263.272.012	14.986.573.622	18.034.703.558	3.896.626.591	171.181.175.783
Số tăng trong năm	7.975.416.156	535.980.845	825.374.909	-	9.336.771.910
- Mua sắm mới	-	535.980.845	825.374.909	-	1.361.355.754
- Xây dựng mới	7.975.416.156	-	-	-	7.975.416.156
Số giảm trong năm	625.595.257	952.004.318	339.234.476	75.316.000	1.992.150.051
- Thanh lý, nhượng bán	625.595.257	952.004.318	339.234.476	75.316.000	1.992.150.051
Số dư cuối năm	141.613.092.911	14.570.550.149	18.520.843.991	3.821.310.591	178.525.797.642
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	27.929.285.406	11.853.781.987	15.098.079.356	2.367.946.989	57.249.093.738
Khấu hao trong năm	3.466.771.750	787.895.156	997.292.552	427.105.924	5.679.065.382
Giảm trong năm	283.603.242	618.090.076	339.234.476	75.316.000	1.316.243.794
- Thanh lý, nhượng bán	283.603.242	618.090.076	339.234.476	75.316.000	1.316.243.794
Số dư cuối năm	31.112.453.914	12.023.587.067	15.756.137.432	2.719.736.913	61.611.915.326
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	106.333.986.606	3.132.791.635	2.936.624.202	1.528.679.602	113.932.082.045
Tại ngày cuối năm	110.500.638.997	2.546.963.082	2.764.706.559	1.101.573.678	116.913.882.316
				31/12/2016	01/01/2016
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay				-	-
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				21.971.510.456	21.800.290.212

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	87.280.316.751	924.528.583	88.204.845.334
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	87.280.316.751	924.528.583	88.204.845.334
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	7.037.179.034	211.505.959	7.248.684.993
Khấu hao trong năm	1.587.405.844	115.566.072	1.702.971.916
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	8.624.584.878	327.072.031	8.951.656.909
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	80.243.137.717	713.022.624	80.956.160.341
Tại ngày cuối năm	78.655.731.873	597.456.552	79.253.188.425

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch – Đồng Nai	63.494.670.930	61.388.346.930
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	129.963.260	794.488.804
Cộng	63.624.634.190	62.182.835.734

12. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.265.547.633	3.265.547.633	3.082.192.445	3.082.192.445
- Công ty CP Hóa dầu Mê Kông	1.393.168.000	1.393.168.000	1.948.858.000	1.948.858.000
- Công ty TNHH Total Việt Nam	-	-	881.968.615	881.968.615
- Công ty CP Thiết bị và Dầu nhớt Minh Giang	1.684.179.633	1.684.179.633	-	-
- Phải trả người bán khác	188.200.000	188.200.000	251.365.830	251.365.830
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.265.547.633	3.265.547.633	3.082.192.445	3.082.192.445

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp	17.991.411.095	60.236.101.151	67.741.091.473	10.486.420.773
Thuế giá trị gia tăng	11.104.046	25.152.102.164	25.163.206.210	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.599.384.722	27.092.327.573	24.105.944.136	8.585.768.159
Thuế thu nhập cá nhân	1.062.722.813	4.494.004.901	3.969.765.687	1.586.962.027
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	11.318.199.514	3.448.666.513	14.453.175.440	313.690.587
Thuế, phí khác	-	49.000.000	49.000.000	-
b) Phải thu	-	-	372.211.411	372.211.411
Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm nộp 2%	-	-	372.211.411	372.211.411

14. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	210.165.900	-
Doanh thu chưa thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng	210.165.900	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	210.165.900	-

15. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	16.234.135.828	8.314.365.591
Kinh phí công đoàn	43.598.348	47.107.448
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	839.709.501	642.117.328
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.917.094.868	6.527.751.647
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	395.017.000	4.901.000
Tiền thuế mặt bằng của các cửa hàng	1.713.959.410	349.571.133
Phải trả khác	324.756.701	742.917.035
b) Dài hạn	1.352.425.005	1.352.425.005
Nhận đặt cọc thuê văn phòng của Ngân hàng TMCP Sacombank	1.352.425.005	1.352.425.005
Cộng	17.586.560.833	9.666.790.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016	Trong năm		31/12/2016
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	-	42.500.000.000	-	42.500.000.000
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. HCM (*)	-	42.500.000.000	-	42.500.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	42.500.000.000	-	42.500.000.000

(*) Vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam CN TP. Hồ Chí Minh theo Đơn yêu cầu tài trợ thương mại ngày 30/12/2016 với thời hạn vay là 14 ngày kể từ ngày nhận nợ vay, lãi suất vay là 5,44%/năm.

17. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường (*)	6.294.304.446	-
Cộng	6.294.304.446	-

(*) Trong năm 2016, Công ty trích dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường là 5% lợi nhuận trước thuế kinh doanh xăng dầu theo hướng dẫn tại thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016.

// 27 / 03 //

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	54.069.113.092	36.675.864.652	388.677.741.327
Lãi trong năm trước			-		100.001.194.247	100.001.194.247
Phân phối lợi nhuận năm 2014				6.302.701.023	(10.504.501.705)	(4.201.800.682)
Chia cổ tức đợt 2,3 năm 2014 và năm 2015					(87.547.893.600)	(87.547.893.600)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát					(408.000.000)	(408.000.000)
Trích thưởng HĐQT Ban điều hành					(400.000.000)	(400.000.000)
Giảm khác					(388.200.000)	(388.200.000)
Số dư cuối năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	60.371.814.115	37.428.463.594	395.733.041.292
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	60.371.814.115	37.428.463.594	395.733.041.292
Lãi trong năm					109.726.210.470	109.726.210.470
Phân phối lợi nhuận năm 2015				10.000.119.425	(18.000.214.965)	(8.000.095.540)
Chia cổ tức năm 2016					(70.603.140.000)	(70.603.140.000)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát					(418.200.000)	(418.200.000)
Trích thưởng HĐQT Ban điều hành					(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	70.371.933.540	57.033.119.099	425.337.816.222

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	%	01/01/2016	%
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	55.987.570.000	39,65%	55.987.570.000	39,65%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	63.250.160.000	44,79%	63.250.160.000	44,79%
Vốn góp của các cổ đông khác	21.968.550.000	15,56%	21.968.550.000	15,56%
Cộng	141.206.280.000	100%	141.206.280.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	70.603.140.000	87.547.893.600

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	14.120.628
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	3.448.121.119.364	4.183.757.032.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.793.152.371	22.273.377.465
Doanh thu hợp đồng xây dựng	482.647.529	2.454.274.670
Cộng	3.471.396.919.264	4.208.484.685.099

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	3.176.231.360.008	3.902.351.065.740
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.846.304.426	8.640.719.707
Giá vốn hợp đồng xây dựng	434.996.400	2.354.065.136
Cộng	3.186.512.660.834	3.913.345.850.583

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	836.776.416	878.896.162
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.769.650.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.359.503.700	1.389.512.000
Cộng	2.196.280.116	7.038.058.162

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	573.477.778
Hoàn nhập giảm giá đầu tư tài chính	(1.609.953.004)	(127.130.152)
Chi phí tài chính khác	2.618.545	-
Cộng	(1.607.334.459)	446.347.626

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí bán hàng	135.617.510.863	147.908.844.336
Chi phí nhân công	66.497.835.218	67.248.654.417
Chi phí khấu hao	5.269.206.315	5.086.441.764
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	6.294.304.446	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	57.556.164.884	75.573.748.155
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	16.441.200.846	26.448.135.714
Chi phí nhân viên quản lý	13.098.558.100	12.879.802.573
Chi phí khấu hao	171.874.848	171.874.848
Dự phòng phải thu khó đòi	-	8.596.296.400
Các khoản chi phí quản lý khác	3.170.767.898	4.800.161.893

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản	199.679.019	37.397.337
Thu nhập khác	5.987.049	428.045.917
Cộng	205.666.068	465.443.254

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	16.289.321	24.262.606
Cộng	16.289.321	24.262.606

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế, năm trước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	136.818.538.043	127.814.745.650
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.356.900.178)	(1.389.512.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.603.522	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.359.503.700	1.389.512.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	135.461.637.865	126.425.233.650
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.092.327.573	27.813.551.403

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	109.726.210.470	100.001.194.247
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.196.296.838)	(9.508.095.540)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	9.196.296.838	9.508.095.540
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	100.529.913.632	90.493.098.707
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.120.628	14.120.628
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.119	6.409

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được trình bày lại do trong năm nay Công ty phân phối Quỹ Khen thưởng Phúc lợi của năm trước theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông là 8% và thưởng HĐQT, ban điều hành. Năm nay, Công ty tạm trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 8% lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.119.024.714	10.840.558.976
Chi phí nhân công	87.423.339.380	85.946.445.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.382.037.298	7.219.189.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.841.729.553	52.635.506.065
Chi phí khác bằng tiền	26.138.885.190	28.125.014.733
Cộng	161.905.016.135	184.766.715.174

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.397.704.485	4.434.118.465

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Mua xăng dầu	2.067.360.909.096
		Chia cổ tức	27.993.785.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	Bên liên quan	Mua xăng dầu	1.180.781.272.723
		Chia cổ tức	31.625.080.000

Cho đến ngày 31/12/2016, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị khoản phải thu, (phải trả) (VND)</u>
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Ứng trước người bán	2.300.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu nên không trình bày báo cáo bộ phận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.488.726.624	77.339.052.158	26.488.726.624	77.339.052.158
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.320.409.503	12.896.361.478	13.320.409.503	12.896.361.478
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	16.994.506.449	15.384.553.445	16.994.506.449	15.384.553.445
Cộng	56.803.642.576	105.619.967.081	56.803.642.576	105.619.967.081
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	42.500.000.000	-	42.500.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	19.968.800.617	12.059.758.265	19.968.800.617	12.059.758.265
Cộng	62.468.800.617	12.059.758.265	62.468.800.617	12.059.758.265

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2016 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có thế chấp tài sản cố định hữu hình và tại thời điểm 31/12/2016 Công ty cũng không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	61.116.375.612	1.352.425.005	62.468.800.617
Vay và nợ thuê tài chính	42.500.000.000	-	42.500.000.000
Phải trả cho người bán	3.265.547.633	-	3.265.547.633
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	15.350.827.979	1.352.425.005	16.703.252.984
Số đầu năm	10.707.333.260	1.352.425.005	12.059.758.265
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả cho người bán	3.082.192.445	-	3.082.192.445
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.625.140.815	1.352.425.005	8.977.565.820

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng

Phạm Công Quyền



Tổng Giám đốc

Lê Tấn Thương

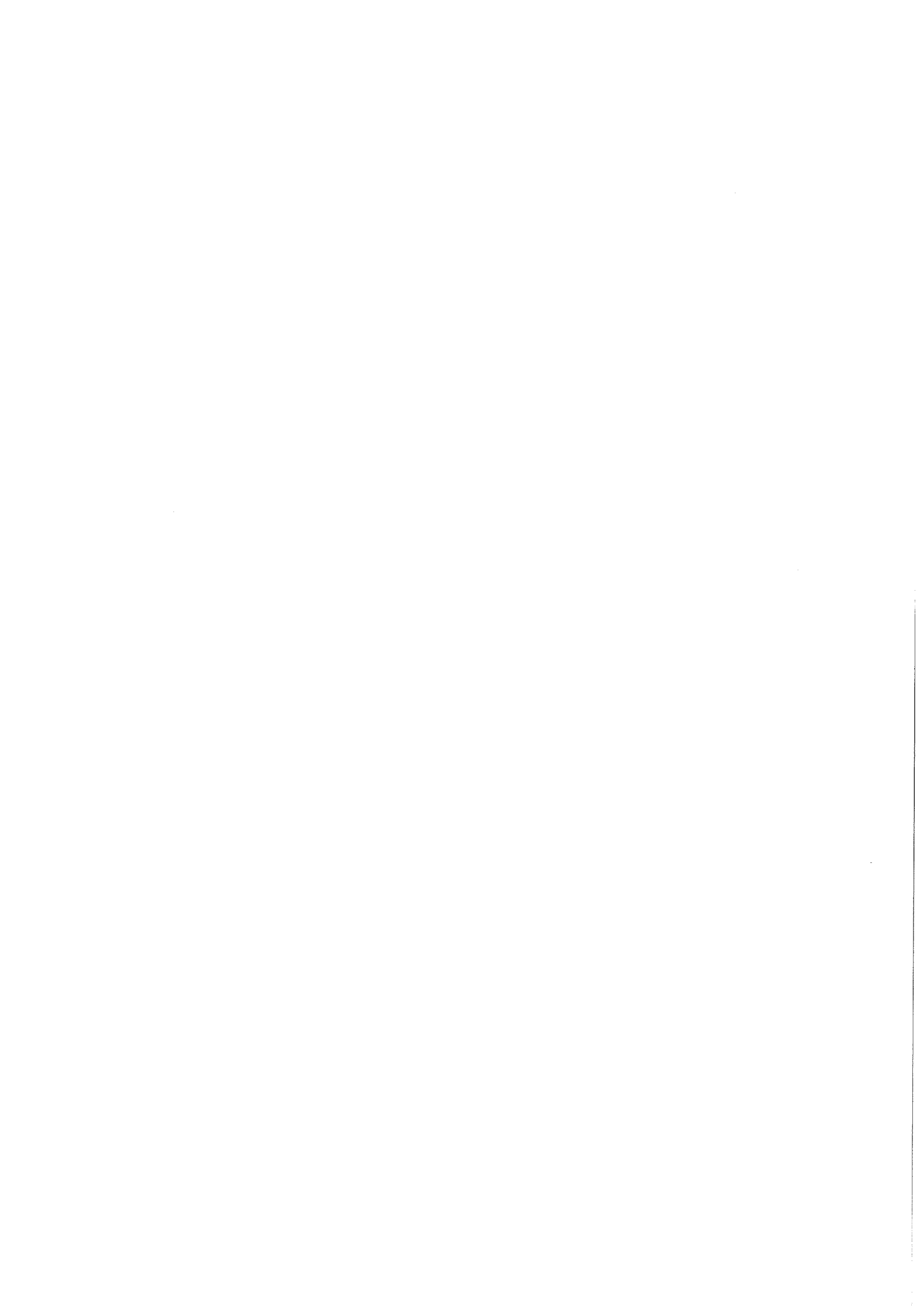
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

**HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)**

CN XD	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 01	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	38 359 704	*
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 994 332	*
Số 04	46 Lê Quang Sung, P.2, Q.6, TP.HCM	39 693 884	*
Số 06	710 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM	39 691 767	*
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM	38 490 097	*
Số 08	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, TP.HCM	38 550 466	*
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q. Tân Bình, TP.HCM	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907	18/04/2003
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP.HCM	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP.HCM	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, Q.3, TP.HCM	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, P.24, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 990 983	*
Số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM	38 291 339	15/01/2000
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479	21/08/1993
Số 21	12A Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014	01/09/1999
Số 22	315 Phan Huy Ích, P.14, Q. Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006	16/08/2001
Số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP.HCM	38 474 522	15/10/2002
Số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An	0723 779 913	18/02/2003
Số 25	26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, TP.HCM	37 523 952	10/09/2004
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H. Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493	16/03/2004
Số 27	3/40G Dương Công Khi, Ấp Nhị Tân 1, Xã Tân Thới Nhì, H. Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961	06/11/2004
Số 29	318 Hương lộ 80, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 655 868	27/04/2011
Số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, H. Củ Chi, TP.HCM	37 905 836	08/06/2004
Số 31	439 Phan Văn Trị, P.5, Q. Gò Vấp, TP.HCM	39 854 761	10/08/2008
Số 32	209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11, TP.HCM	39 557 925	10/06/2005
Số 33	836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H. Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0612 660 919	25/06/2010
Số 34	1135 Quốc lộ 1A, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 505 046	01/02/2010
Số 35	Km 152, QL 20, KP 1, TT Madagui, H. Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	0633 946 239	12/11/2011
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0753 545 494	07/12/2011
Số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, H. Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0753 670 909	07/01/2012
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, Xã Phước Lý, H. Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0723 892 959	16/09/2011
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, H. Bến Lức, Tỉnh Long An	0723 644 674	25/04/2012
Số 40	348A Thạch Lam, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM	39 761 217	04/12/2012
Số 41	456A Đại lộ Bình Dương, Khu phố Nguyễn Trãi, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	0650 363 6691	02/02/2013
Số 42	QL 50, Ấp Kế Mỹ, Xã Trường Bình, H. Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0723 875 377	25/4/2013
Số 43	70 Quốc lộ 22, Ấp Chợ, Xã Tân Phú Trung H. Củ Chi, Tp.HCM	37 962 214	26/7/2014

TỔNG CỘNG : 37 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO.

Ghi chú : (*) : 12 CNXD được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHÍNH
NGHỊ QUYẾT HĐQT NHIỆM KỶ IV (2012 – 2016)
(Từ 30/4/2012 đến 11/4/2017)**

SỐ TT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ NGÀY	NỘI DUNG CHỦ YẾU
		NĂM 2012 (từ 30/4/2012 đến 31/12/2012)
1	10-12/NQ-HĐQT 04/5/2012	1. Thống nhất kết quả bầu bà Trương Đức Hạnh làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 - 2016) 2. Thống nhất thông qua bà Trần Thị Hồng Lĩnh - Phó TGĐ Công ty kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT.
2	11-12/NQ-HĐQT 30/5/2012	Thống nhất tiếp tục chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 3/2011 là: 9%/VĐL
3	12-12/NQ-HĐQT 07/6/2012	Thống nhất cách thức thực hiện để thu hồi công nợ của Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (có Chứng thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Tp.HCM (HD Bank) – Chi nhánh Thăng Long)
4	13-12/NQ-HĐQT 29/6/2012	1. Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2012 - 2016) 2. Thống nhất cử bà Nguyễn Cát Phương Yên làm Thư ký Công ty. 3. Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty. 4. Thống nhất cử bà Trần Thị Hồng Lĩnh, Phó TGĐ Công ty là người công bố thông tin của Công ty. 5. Thống nhất tiếp tục ký Hợp đồng lao động với ông Lê Tấn Thương. 6. Thống nhất tiếp tục xem xét các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký công ty con theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư và sẽ có Nghị Quyết sau. <i>Kết quả: Không thành lập công ty con</i> 7. Thống nhất tiếp tục xem xét Dự án đầu tư Nhà máy pha chế Dầu nhờn COMECO tại Tổng kho xăng dầu COMECO (Nhơn Trạch, Đồng Nai) để đưa ra phương án đầu tư hiệu quả nhất, đồng thời giữ được đất. <i>Kết quả: Ngày 10/9/2015, HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 10-15/NQ-HĐQT về chủ trương sử dụng khu đất tại dự án Tổng kho xăng dầu COMECO: Tìm đối tác để hợp tác liên doanh, cho thuê các dự án đầu tư; tìm đối tác để sang nhượng 1 phần hoặc toàn bộ quyền đầu tư dự án Tổng kho xăng dầu COMECO.</i>
5	14-12/NQ-HĐQT 07/7/2012	Thống nhất giải tỏa điều kiện chuyển nhượng 416.875 cổ phiếu ESOP của COMECO đã phát hành.

6	15-12/NQ- HDQT	1. Thống nhất thông qua Tờ trình về việc ký hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng
	20/7/2012	2. Thống nhất thông qua Tờ trình của Ban điều hành về khởi kiện để thu hồi nợ
7	16-12/NQ- HDQT	1. Thống nhất khởi kiện Ngân hàng TM CP Phát triển Nhà Thành phố (HD Bank) – CN Thăng Long về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Chứng thư bảo lãnh đã phát hành cho Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam và thanh toán cho COMECO theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ký ngày 09/2/2012.
	30/8/2012	2. Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2012 là: 7%/VĐL
8	17-12/NQ- HDQT	1. Thống nhất thông qua kết quả thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Sài Gòn (SAFCO) thực hiện cho 2 mặt bằng tại Phường Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM (số 11 Cao Bá Nha, F.NCT, Q1 và số 85 Nguyễn Cư Trinh, F.NCT, Q1).
	22/10/2012	2. Thống nhất tiếp tục xem xét các yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong hồ sơ đăng ký thành lập công ty con. <i>Kết quả: Không thành lập công ty con</i>
9	18-12/NQ- HDQT	1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2012.
	12/11/2012	2. Thống nhất việc tiếp nhận đất nạo vét luồng Soài Rạp để san lấp mặt bằng Tổng kho Xăng dầu COMECO.
		3. Thống nhất thông qua việc mở Chi nhánh số 40 và cử người đứng đầu Chi nhánh (Địa chỉ CN số 40: 348A Thạch Lam, P.Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM)
10	19-12/NQ- HDQT	1. Thống nhất kết quả thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Sài Gòn (SAFCO) thực hiện cho mặt bằng 25/20 Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM.
11	20-12/NQ- HDQT	1. Thống nhất thông qua việc mở Chi nhánh số 41 và cử người đứng đầu Chi nhánh (Địa chỉ CN số 41: 456A Đại Lộ Bình Dương, Khu phố Nguyễn Trãi, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương).
	18/12/2012	2. Thống nhất phương thức xác định thu nhập tính lương để trích quỹ lương năm 2012.
		3. Thống nhất không mua bảo hiểm đối với hàng hóa vận chuyển trên xe bồn.
NĂM 2013 (từ 01/01/2013 đến 31/12/2013)		
12	01-13/NQ- HDQT	1. Thống nhất Kế hoạch Tài chính năm 2013 của Công ty.
	29/01/2013	2. Thống nhất mức đơn giá tiền lương áp dụng trong Công ty năm 2013.
		3. Thống nhất mức đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2013 cho Người lao động trong Công ty.
		4. Thống nhất ký hợp đồng Tổng đại lý năm 2013 với 2 Doanh nghiệp đầu mối.
		5.* Thống nhất chủ trương hoán đổi một mặt bằng khác để lấy mặt bằng số 209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11, TP.HCM (Chi nhánh Xăng dầu số 32) của Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây Xanh TP.HCM để COMECO tiếp tục duy trì hoạt động Chi nhánh xăng dầu số 32 lâu dài.
		6. Thống nhất nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại mặt bằng số 11 đường Cao Bá Nha, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM (chuyển đổi hình thức sử dụng đất từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất)

		7. Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2012 là: 5%/VĐL
		8. Thống nhất giao TGD thực hiện bổ sung Tờ trình về mức đóng bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) cho NLĐ năm 2013 cho cụ thể, dễ hiểu hơn về mức lương tối thiểu, về mức đóng bảo hiểm thấp nhất cho NLĐ,...
13	02-13/NQ-HĐQT 20/3/2013	1. Thống nhất bổ nhiệm ông Phạm Văn Khoa, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. 2. Thống nhất thông qua việc mở Chi nhánh số 42 và cử người đứng đầu Chi nhánh (Địa chỉ CN số 42: ấp Kế Mỹ, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). 3. Thống nhất các nội dung công việc chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2012.
14	03-13/NQ-HĐQT 03/6/2013	Thống nhất thông qua về việc thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ số lượng 99.675 cổ phần của COMECO tại Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP Petec cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).
15	04-13/NQ-HĐQT 27/6/2013	Thống nhất thông qua việc ký hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng
16	05-13/NQ-HĐQT 22/7/2013	1. Thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 6TĐN 2013 của Công ty. 2. Thống nhất tỷ lệ chi cổ tức bằng tiền đợt 3/2012 là: 3%/VĐL; chi cổ tức bằng tiền đợt 1/2013 là: 7%/VĐL (Tổng cộng: 10%/VĐL) 3. Thống nhất giải tòa điều kiện chuyển nhượng 58.000 cổ phiếu ESOP của COMECO dùng để thưởng cho CBCNV chủ chốt năm 2009. 4. Thống nhất thông qua nội dung phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). 5. Thống nhất thông qua Tờ trình về khó khăn tồn tại hiện nay để tiếp tục tiếp nhận đất nạo vét luồng Soài Rạp dự án Tổng kho COMECO. 6. Thống nhất số tiền phải nộp vào Kho bạc Nhà nước giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại 2 mặt bằng ở Quận 1, Tp.HCM (số 25/20 Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 và số 85 Nguyễn Cư Trinh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1) 7.* Thống nhất thông qua chủ trương thực hiện Dự án đầu tư chuyển hình thức từ thuê sang giao đất đối với 3 mặt bằng Chi nhánh xăng dầu số 3, Chi nhánh xăng dầu số 12, Kho Thủ Đức <i>Kết quả: CN 12 đã có hợp đồng thuê đất 50 năm, đang làm thủ tục Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; CN 3 và Kho Thủ Đức đang làm thủ tục.</i> 8.* Thống nhất hoán đổi một phần mặt bằng số 79 Lý Thường Kiệt, P.7, Q. 11 của COMECO để lấy mặt bằng số 209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11, TP.HCM (Chi nhánh Xăng dầu số 32) của Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây Xanh TP.HCM. <i>Kết quả: Các thủ tục hoán đổi mặt bằng và nghĩa vụ tài chính giữa các bên đã hoàn tất; hồ sơ bàn giao mặt bằng đã thực hiện xong. Hiện nay, Công ty đang hiện làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mặt bằng Chi nhánh xăng dầu số 32.</i>

17	06-13/NQ- HĐQT 16/9/2013	1. Thống nhất thông qua Tờ trình về hợp đồng HTKD Chi nhánh xăng dầu số 31 tại địa chỉ 439 Phan Văn Trị, P.5, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
18	07-13/NQ- HĐQT 28/10/2013	Thống nhất điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2013
19	08-13/NQ- HĐQT 11/11/2013	1. Thống nhất thông qua Tờ trình về sửa chữa lớn Chi nhánh Xăng dầu (CNXD) số 18 2. Thống nhất thông qua Quy định quản lý vốn của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) đầu tư vào doanh nghiệp khác.
20	09-13/NQ- HĐQT 12/12/2013	Thống nhất thông qua Tờ trình về bán cổ phiếu thuộc sở hữu của COMECO tại các Công ty LGC, PNJ và SSI
NĂM 2014 (từ 01/01/2014 đến 31/12/2014)		
21	01-14/NQ- HĐQT 27/1/2014	1. Thống nhất Kế hoạch Tài chính năm 2014 của Công ty 2. Thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD – Đầu tư năm 2014. 3. Thống nhất thông qua việc ký hợp đồng vay vốn tại các Ngân hàng 4.* Thống nhất thông qua phương án lập hồ sơ xin thuê đất dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm đối với mặt bằng Kho Thủ Đức 5. Thống nhất thông qua Tờ trình về hoán đổi cổ phiếu PETROMAT sang cổ phiếu PV OIL Nam Định do sáp nhập Công ty Cp Vật tư Xăng dầu PETEC (PETROMAT) và Cty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PV Oil Nam Định) 6. Thống nhất thông qua Tờ trình về thuê dịch vụ tư vấn và thực hiện hồ sơ hoán đổi một phần mặt bằng số 79 Lý Thường Kiệt, P.8, Q. Tân Bình để lấy mặt bằng số 209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q. 11 (CNXD số 32) của Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây xanh. 7. Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2013. 8. Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2013.
22	02-14/NQ- HĐQT 24/2/2014	1. Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2013 là: <i>6%/VDL</i>
23	03-14/NQ- HĐQT 04/3/2014	Thống nhất việc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (PV Oil) đăng ký chào mua công khai cổ phiếu COM.
24	04-14/NQ- HĐQT 20/3/2014	Thống nhất thông qua Báo cáo Thường niên năm 2013.
25	05-14/NQ- HĐQT 03/4/2014	1. Thống nhất thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2013 và các nội dung chuẩn bị Đại hội. 2. Thống nhất điều chỉnh Tờ trình về bán cổ phiếu quỹ COM để trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2013 3. Thống nhất thông qua chủ trương chuyển nhượng khu đất Chi nhánh 23 (Địa chỉ số: 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú) <i>Kết quả: chưa chuyển nhượng được do Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su (RUSCO) – chủ đất không đồng ý chuyển nhượng.</i>

		<p>4.* Thống nhất thông qua chủ trương chuyển mục đích khu đất Kho Thủ Đức cho phù hợp với quy hoạch chung của Nhà nước để ký được Hợp đồng thuê đất của Nhà nước 50 năm.</p> <p>5.* Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng Tư vấn hoán đổi mặt bằng Chi nhánh 32. <i>Kết quả: xem trang 3</i></p>
26	06-14/NQ-HĐQT 23/4/2014	<p>1.* Thống nhất thông qua báo cáo tiến độ thực hiện chủ trương chuyển nhượng khu đất Chi nhánh số 23 (Địa chỉ số: 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú) <i>Kết quả: xem trang 4</i></p> <p>2.* Thống nhất thông qua báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng Tư vấn hoán đổi mặt bằng Chi nhánh số 32. <i>Kết quả: xem trang 3</i></p>
27	07-14/NQ-HĐQT 29/4/2014	Thống nhất số lượng cổ phiếu quỹ COM bán cho 2 cổ đông Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PV Oil) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro)
28	08-14/NQ-HĐQT 12/6/2014	<p>1. Thống nhất thông qua Tờ trình về triển khai dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO – Nhơn Trạch theo quy hoạch với các nội dung chính để thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Bộ Công Thương tại công văn số 4706/BCT-KH ngày 30/5/2014 như sau: - Nguyên nhân chậm triển khai dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO: - Đề nghị Bộ Công Thương gia hạn thêm thời gian đầu tư và cam kết tiến độ thực hiện Dự án tổng kho xăng dầu COMECO</p> <p>2. Thống nhất thông qua Báo cáo của TGD ngày 19/5/2014 về việc tiếp nhận đất nạo vét để san lấp mặt bằng dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO – Nhơn Trạch – Đồng Nai</p> <p>3. Thống nhất thông qua việc mở Chi nhánh số 43 và cử người đứng đầu Chi nhánh (Địa chỉ CN số 43: 70 Quốc lộ 22, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM)</p>
29	09-14/NQ-HĐQT 05/8/2014	<p>1. Thống nhất tỷ lệ chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 3/2013 là: 2%/VĐL; chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2014 là: 8%/VĐL (Tổng số: 10%/VĐL).</p> <p>2. Giao TGD làm việc lại với địa phương về mặt bằng CN số 6 (710 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11) sao cho hài hòa lợi ích giữa các bên.</p> <p>3. Giao TGD rà soát lại tất cả các quy chế, quy định của Công ty và điều chỉnh cho phù hợp quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty trình HĐQT.</p> <p>4. Giao TGD báo cáo HĐQT về tình hình nhân sự Công ty, về kết quả quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ trong thời gian qua và công tác nhân sự sắp tới của Công ty.</p>
30	10-14/NQ-HĐQT 25/8/2014	<p>1. Thông qua tờ trình ngày 19/8/2014 của TGD Công ty về việc di dời để mở rộng hẻm 708 Hồng Bàng tại Chi nhánh xăng dầu số 6 của Công ty <i>Kết quả:</i> - Đã di dời, bàn giao một phần diện tích mặt bằng (khoảng 60,8m²) tại Chi nhánh xăng dầu số 6 của Công ty để UBND Phường 1, Quận 11 thực hiện cải tạo hẻm 708 Hồng Bàng. - Lập biên bản tạm giao cho UBND P.1, Q.11 mượn phần diện tích mặt bằng trên (khoảng 60,8m²) để thực hiện cải tạo hẻm 708 Hồng Bàng. - Lập bản vẽ và xác nhận hiện trạng phần đất tạm thời giao cho UBND</p>

		<p><i>Phường 1, Quận 11 mượn mở rộng hẻm để làm cơ sở cho việc tính toán đền bù (khi cơ quan Nhà nước có yêu cầu).</i></p> <p><i>- Xây dựng mới tường rào của CNXD 6 theo quy định về an toàn PCCC).</i></p>
		2. Thông qua tờ trình về hoán đổi mặt bằng nhà đất tại Chi nhánh số 32.
31	11-14/NQ-HĐQT 28/10/2014	<p>1. Thông qua tờ trình về việc triển khai thực hiện Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu</p> <p>2.* Giao TGD chỉ đạo các bộ phận rà soát, sắp xếp, phân loại các văn bản như: quy chế, quy định,... cho tinh gọn hơn.</p> <p>3. Thông qua trình bày tờ trình về thanh lý hợp đồng thuê mặt bằng và ký hợp đồng hợp tác kinh doanh Chi nhánh xăng dầu số 23</p>
32	12-14/NQ-HĐQT 24/11/2014	Thông qua nội dung, tiến độ thực hiện công việc của Tổ xử lý nợ Hyundai VN
33	13-14/NQ-HĐQT 09/12/2014	<p>1. Thống nhất giảm giá lô hàng điện tử của Hyundai VN</p> <p>2. Thống nhất không thuê bên thứ 3 giám định lại tem hàng nhập khẩu trên các sản phẩm hàng hóa.</p>
NĂM 2015 (từ 01/01/2015 đến 31/12/2015)		
34	01-15/NQ-HĐQT 07/1/2015	<p>1. Thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh - Tài chính - Đầu tư năm 2014 và Kế hoạch năm 2015 của Công ty</p> <p>2. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2014 và chương trình, kế hoạch năm 2015.</p> <p>3. Thông qua tờ trình về tiếp tục thuê dịch vụ tư vấn và thực hiện hồ sơ hoán đổi mặt bằng CNXD số 32</p> <p>4. Thông qua tờ trình về bán cổ phiếu thuộc sở hữu của COMECO tại Công ty CP Bến Xe Miền Tây</p> <p>5. Thống nhất miễn nhiệm chức danh Trợ lý Chủ tịch HĐQT đối với bà Trần Thị Hồng Lĩnh (<i>lý do: Bà Lĩnh nghỉ hưu theo chế độ</i>)</p>
35	02-15/NQ-HĐQT 26/1/2015	<p>1. Thông qua tờ trình về việc bổ sung chức năng kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO).</p> <p>2. Thông qua ĐHĐCĐ bằng thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.</p> <p>4. Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2014 là: 7%/VĐL</p>
36	03-15/NQ-HĐQT 02/3/2015	<p>1. Thống nhất việc giới thiệu ông Nguyễn Ngọc Anh, Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) tại COMECO làm UV.HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) thay thế ông Nguyễn Ngọc Liên sẽ được thực hiện tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2014 của COMECO vào tháng 4/2015.</p> <p>2. Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Chơn Quang, giữ chức vụ Phó TGD Công ty</p> <p>3. Thống nhất cử ông Phạm Văn Khoa – Phó TGD Công ty làm người công bố thông tin của Công ty</p> <p>4. Thông qua kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2014.</p>

37	04-15/NQ-HĐQT	1.	Thông qua thời gian, địa điểm và chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2014
	31/3/2015	2.	Thông qua Báo cáo thường niên năm 2014.
38	05-15/NQ-HĐQT 06/4/2015	1.	Thông qua các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2014 và phân công thực hiện các công việc tại ĐH
39	06-15/NQ-HĐQT	1.	Thông qua chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 đã sửa đổi để trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2014 và một số nội dung chuẩn bị Đại hội.
	17/4/2015	2.	Thông nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày: 16/6/1980, hộ chiếu số: B1717731 do Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh cấp ngày 27/11/2007, người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) tại COMECO làm ủy viên HĐQT của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) thay thế cho ông Võ Tấn Phong kể từ ngày 17/4/2015.
40	07-15/NQ-HĐQT 19/5/2015		Thông qua tờ trình v/v xử lý bồi thường, hỗ trợ di dời dự án Tổng kho xăng dầu COMECO
41	08-15/NQ-HĐQT 22/6/2015	1.	Thông nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty.
		2.	Thông nhất chi cô tức bằng tiền mặt đợt 3/2014 là: 5%/VĐL và tạm ứng cô tức bằng tiền mặt đợt 1/2015 là: 10%/VĐL (Tổng số: 15%/VĐL).
		3.	Thông qua tờ trình v/v giải quyết lô hàng điện tử Hyundai Việt Nam
		4.	Thông qua chủ trương về việc Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) tái ký hợp đồng với Công ty TNHH Total Việt Nam Kết quả: HĐQT không thông qua việc tái ký hợp đồng (Nghị quyết số 11-16/NQ-HĐQT ngày 17/11/2016)
		5.	Thông qua báo cáo của TGD về các mặt bằng của Công ty. Giao TGD tiếp tục triển khai các công việc và báo cáo HĐQT kịp thời.
42	09-15/NQ-HĐQT 07/8/2015	1.	Thông qua tờ trình v/v giảm giá lô hàng điện tử Hyundai VN
		2.	Thông qua Tờ trình v/v cử cán bộ tham dự Chương trình KSTT, Hội nghị Xúc tiến Thương mại – Du lịch đưa hàng hóa vào thị trường Nga năm 2015 (Ông Lê Tấn Thương, TGD Công ty tham dự)
43	10-15/NQ-HĐQT 10/9/2015	1.*	Thông qua chủ trương sử dụng khu đất tại dự án Tổng kho xăng dầu COMECO và chủ trương tìm đối tác để cho thuê, hợp tác liên doanh đầu tư tại khu đất của Kho Thủ Đức.
		2.	Thông qua tờ trình về việc đầu tư nâng cấp Chi nhánh 34
	3.*	Giao TGD tiếp tục khẩn trương thực hiện hồ sơ pháp lý cho một số mặt bằng của Công ty.	
	4.	Giao TGD tiếp tục tập trung thực hiện tốt công tác tổ chức Lễ kỷ niệm 40 Năm ngày thành lập Công ty và 15 năm Cổ phần hóa COMECO.	
	5.*	Giao TGD chỉ đạo các phòng, ban nghiên cứu về các nội dung quản trị công ty theo thông lệ quốc tế	

44	11-15/NQ- HĐQT	1. Thông qua chủ trương trích lợi nhuận sau thuế để hỗ trợ cho các hộ dân còn lại tại khu đất của dự án Tổng kho xăng dầu COMECO (huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).
	06/10/2015	2. Thông qua tờ trình v/v cử cán bộ tham dự Hội nghị nhà phân phối tại Nhật Bản (<i>ông Nguyễn Chơn Quang, Phó TGD Công ty tham dự</i>)
		3. Thông qua tờ trình v/v PV Oil Sài Gòn xin ý kiến chuyển nhượng 3 lô đất của PV Oil Sài Gòn cho PV Oil
45	12-15/NQ- HĐQT	1. Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2015 là: 40%/VĐL.
	09/11/2015	2.* Giao TGD cùng với các thành viên HĐQT tiếp tục tìm đối tác để triển khai các công việc theo chủ trương sử dụng khu đất tại dự án Tổng kho xăng dầu COMECO theo Nghị quyết số 10-15/NQ-HĐQT.
		3.* Giao TGD tiếp tục khẩn trương thực hiện hồ sơ pháp lý cho một số mặt bằng của Công ty
46	13-15/NQ- HĐQT	1. Thống nhất chờ ý kiến của Saigon Petro về việc mua đấu giá cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su (RUSCO) chậm nhất vào ngày 07/12/2015 và nếu cần thiết HĐQT sẽ họp hội ý vào thứ hai ngày 07/12/2015 vì thứ hai ngày 07/12/2015 là thời hạn cuối cùng đăng ký và nộp tiền đặt cọc tham gia mua đấu giá cổ phiếu RUSCO. <i>Trường hợp Saigon Petro tán thành nội dung trên thì HĐQT sẽ ban hành nghị quyết thông qua tờ trình về mua đấu giá cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su (RUSCO)</i>
	04/12/2015	2. Thống nhất với các nội dung TGD báo cáo về hồ sơ pháp lý một số mặt bằng của Công ty.
47	14-15/NQ- HĐQT 07/12/2015 (BB họp 04/12/2015)	Thông qua tờ trình về mua đấu giá cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su (RUSCO) Kết quả: Không mua được vì bỏ giá thấp
48	15-15/NQ- HĐQT	1. Thông qua việc Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) tái ký hợp đồng với Công ty TNHH Total Việt Nam Kết quả: xem trang 7
	10/12/2015	2. Thống nhất mức đơn giá tiền lương áp dụng trong Công ty năm 2016
		3. Thông qua mức đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2016 cho Người lao động trong Công ty
		4. Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng
NĂM 2016 (từ 01/01/2016 đến 31/12/2016)		
49	01-16/NQ- HĐQT	1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty
	26/1/2016	2. Thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh - Tài chính - Đầu tư năm 2015
		3. Thông qua Kế hoạch SXKD – Đầu tư năm 2016
		4. Thông qua Kế hoạch năm 2016 của Công ty
		5. Thông qua tờ trình về phương án xử lý tài sản đầu tư và giải thể Chi nhánh xăng dầu số 19 (<i>Địa chỉ: 16/6 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM</i>)

		<p>6. Giao TGD chủ động tổ chức cho cán bộ chủ chốt đi tham quan Hà Nội - Cát Bà - Sapa - Ninh Bình sau Tết Nguyên đán năm 2016 nhưng vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thông suốt.</p> <p>7. Thông qua tờ trình về việc chuyển tiền hỗ trợ chi trả cho các hộ dân tại dự án Tổng kho xăng dầu COMECO</p> <p>8. Thông qua báo cáo đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2015 và chương trình, kế hoạch</p>
50	02-16/NQ-HĐQT 09/3/2016	Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)).
51	03-16/NQ-HĐQT 17/3/2016	Thông qua kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2015.
52	04-16/NQ-HĐQT 07/4/2016	<p>1. Thông qua báo cáo thường niên năm 2015.</p> <p>2. Thông qua các văn kiện trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2015</p> <p>3. Giao TGD chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan xây dựng quy định về chính sách đi tham quan du lịch nước ngoài đối với cán bộ, NLĐ nghỉ hưu làm việc tại COMECO, trình HĐQT phê duyệt.</p> <p>4. Thống nhất phân công thực hiện các công việc tại ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2015</p> <p>5. Giao các thành viên chuẩn bị kỹ các nội dung trả lời chất vấn tại ĐHCĐ gửi về Thư ký Công ty tổng hợp càng sớm càng tốt.</p> <p>6. Thông qua tờ trình về cải tạo nâng cấp Chi nhánh số 14 (450 Kinh Dương Vương, An Lạc A, Quận Bình Tân, Tp.HCM).</p> <p>7. Thông qua tờ trình về cải tạo nâng cấp Chi nhánh số 15 (526 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, Tp.HCM).</p>
53	05-16/NQ-HĐQT 26/4/2016	Thông qua tờ trình v/v thay thế đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần của COMECO tại Công ty Cp Vận tải biển Việt Tín
54	06-16/NQ-HĐQT 07/6/2016	<p>1. Thông qua việc thay đổi con dấu Công ty và con dấu các Chi nhánh xăng dầu của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)</p> <p>2.* Thống nhất mức giá tối thiểu để COMECO làm cơ sở đàm phán với đối tác về việc hợp tác liên doanh, cho thuê, sang nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền đầu tư dự án tại Tổng kho xăng dầu COMECO</p>
55	07-16/NQ-HĐQT 08/7/2016	Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 cho Công ty.
56	08-16/NQ-HĐQT 26/7/2016	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty (đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)).</p> <p>2. Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2016.</p> <p>3. Thống nhất tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2016 là: 10%/VĐL</p> <p>4.* Thống nhất gia hạn Hợp đồng được ký kết ngày 31/7/1996 và các Phụ lục sau đó với Công ty TNHH Total Việt Nam (TVL)</p> <p>5. Thông qua Dự thảo Quy định về chính sách đối với người lao động nghỉ hưu đi du lịch nước ngoài</p>

		<p>6. Giao TGD khẩn trương gửi văn bản cho UBND Tp.HCM và Ban chỉ đạo 09 về việc đề nghị tiếp tục thực hiện Công văn số 6907/UBND-TM ngày 24/12/2014 của UBND Thành phố</p> <p>Thống nhất chủ trương thuê đơn vị tư vấn thực hiện các thủ tục để UBND Thành phố tiếp tục cho thực hiện hoán đổi mặt bằng nhà đất số 209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Tp.HCM (Chi nhánh xăng dầu số 32)</p>
		7. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết HĐQT 6 tháng đầu năm 2016.
		<p>8. Thống nhất giao TGD thực hiện các công việc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các công việc cho ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2016 (Đại hội hết nhiệm kỳ IV: 2012 – 2016) 2. Khẩn trương trình HĐQT kế hoạch và tiến độ đầu tư khoa học công nghệ tiên tiến, tự động hóa đối với toàn bộ Chi nhánh xăng dầu COMECO, bắt đầu từ những Chi nhánh xăng dầu xây dựng mới
		9. Thống nhất cử ông Trần Công Huỳnh tạm thời làm Thư ký Công ty thay thế cho bà Nguyễn Cát Phương Yên trong thời gian bà Yên nghỉ thai sản.
57	09-16/NQ-HĐQT	1. Thống nhất thông qua các nội dung chính trong văn bản về ký kết hợp đồng, ngày 15/9/2016 của Công ty TNHH Total Việt Nam (TVL). Giao Tổng Giám đốc tiếp tục làm việc với TVL về một số nội dung. Kết quả: xem trang 7
	30/9/2016	2. Thống nhất thông qua Quy định về chính sách đối với NLĐ nghỉ hưu đi du lịch nước ngoài.
		3. Thống nhất thông qua Báo cáo về tiến độ thực hiện hoán đổi mặt bằng Chi nhánh xăng dầu số 32 (209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Tp.HCM) theo nội dung trong Biên bản họp ngày 23/9/2016 của Sở Tài chính, các Sở ban ngành và các bên liên quan.
58	10-16/NQ-HĐQT	1. Thông qua Báo cáo tài chính quý III/2016 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2016 của Công ty.
	26/10/2016	2. Thống nhất đầu tư mua mới 2 xe bồn vận chuyển nhiên liệu như kế hoạch đầu tư, sửa chữa năm 2016 được HĐQT thông qua với các nội dung chính của Tờ trình của TGD ký ngày 21/10/2016
		3. Thống nhất thông qua ý kiến và báo cáo của Chủ tịch HĐQT như trong Biên bản họp ngày 26/10/2016. Thống nhất gia hạn thời gian để HĐQT xem xét lại nội dung tờ trình của TGD ký ngày 19/10/2016 về việc ký kết hợp đồng mới với Total tối đa là 14 ngày kể từ ngày họp hôm nay. Kết quả: xem trang 7
59	11-16/NQ-HĐQT	1. Thống nhất không thông qua việc COMECO tái ký hợp đồng cung cấp dịch vụ, quảng cáo và mua bán sản phẩm giữa COMECO và Công ty TNHH Total Việt Nam (TVL).
	17/11/2016	2.* Thông qua việc Saigon Petro và PV Oil là 2 cổ đông lớn của COMECO thay thế TVL thực hiện quảng cáo tại hệ thống Chi nhánh xăng dầu (CNXD) của COMECO, nhưng không để mất hình ảnh thương hiệu COMECO với chi phí quảng cáo tương đương như TVL đề nghị trong dự thảo Hợp đồng cung cấp dịch vụ quảng cáo và mua bán sản phẩm.
		3. Thống nhất tiếp tục đầu tư mua mới thêm 2 xe bồn vận chuyển nhiên liệu với các nội dung chính của Tờ trình của TGD ký ngày 21/10/2016

		4. Thống nhất thông qua Tờ trình về việc cử cán bộ tham dự Chương trình gặp mặt khách hàng năm 2016 của PV Oil tại Đài Loan do Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn tổ chức (<i>ông Lê Tấn Thương, TGD và ông Nguyễn Chơn Quang, Phó TGD Công ty tham dự</i>)
60	12-16/NQ-HĐQT 30/11/2016	Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2016 là: 40%/VĐL.
61	13-16/NQ-HĐQT 07/12/2016	1.* Thống nhất tiếp tục thực hiện các công việc có liên quan đến việc chuyển nhượng Tổng kho Xăng dầu COMECO. 2.* Thống nhất việc xúc tiến nhanh Hợp đồng dịch vụ, quảng cáo tại các CNXD COMECO. Giao các thành viên có liên quan triển khai thực hiện sớm.
62	14-16/NQ-HĐQT 30/12/2016	Thống nhất thông qua Tờ trình về tăng mức giá đền bù hoán đổi mặt bằng số 209 đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11 (CNXD số 32) với số 79 đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình (CNXD số 9) cho Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP. Hồ Chí Minh
NĂM 2017 (từ 01/01/2017 đến 26/4/2017)		
63	01-17/NQ-HĐQT 10/01/2017	1. Thông qua Báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh - Tài chính - Đầu tư năm 2016. 2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh - Đầu tư năm 2017 3. Thông qua Kế hoạch Tài chính năm 2017 của Công ty 4. Thống nhất thông qua chủ trương chia tách mặt bằng Chi nhánh số 12 (<i>Địa chỉ: 28 Kinh Dương Vương, P.13, Quận 6, Tp.HCM</i>) 5. Thống nhất đơn giá tiền lương để làm cơ sở trích lập Quỹ tiền lương, tiền thưởng và chi phí có tính chất lương trả cho người lao động năm 2017 6. Thông qua mức đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2017 cho Người lao động trong Công ty 7. Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng 8. Giao TGD chủ động tổ chức cho cán bộ chủ chốt đi tham quan, du lịch Đài Loan sau Tết Nguyên đán 2017 nhưng vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thông suốt.
64	02-17/NQ-HĐQT 16/01/2017	1. Thống nhất chủ trương chuyển nhượng 17 cửa hàng xăng dầu của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam theo Tờ trình của TGD COMECO ngày 11/01/2017
65	03-17/NQ-HĐQT 09/3/2017	1. Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông (<i>Mục đích: Để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2016</i>) 2. Thống nhất chương trình ĐHĐCĐ (<i>dự kiến</i>)

66	04-17/NQ- HĐQT	1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.
		2. Thông qua Kế hoạch chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2016 và nhiệm kỳ V (2017 – 2021).
	15/3/2017	3. Thông qua Tờ trình về chi phí phát sinh Hợp đồng tư vấn thực hiện hồ sơ hoán đổi nhà đất số 209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11 (Chi nhánh xăng dầu số 32) với một phần nhà đất số 79 Lý Thường Kiệt, P.8, Q. Tân Bình (Chi nhánh xăng dầu số 9)
		4. Thống nhất mẫu thiết kế mặt dựng mái che tại hệ thống CNXD của COMECO có hình ảnh thương hiệu của Saigon Petro và PV Oil theo mẫu thiết kế đính kèm.
		5.* Giao TGD xây dựng Quy chế đầu tư cửa hàng xăng dầu và trình HĐQT phê duyệt trong thời gian sớm nhất.
		6.* Giao TGD tiếp tục triển khai các công việc như: đẩy mạnh kinh doanh xăng dầu, đồng thời đối với kinh doanh bán buôn xăng dầu, thực hiện kiến nghị với Saigon Petro và PV Oil có cơ chế riêng cho COMECO để có thể cạnh tranh được trên thương trường; báo cáo HĐQT bằng văn bản về tình hình thực hiện hồ sơ pháp các mặt bằng và tiếp tục khẩn trương thực hiện hồ sơ pháp lý các mặt bằng; thực hiện Nghị quyết số 10-15/NQ-HĐQT ngày 10/9/2015 của HĐQT về việc “tìm đối tác để cho thuê, hợp tác liên doanh đầu tư tại khu đất của Kho Thủ Đức cho phù hợp với quy hoạch hoặc chuyển nhượng một phần hay toàn bộ quyền đầu tư dự án khu đất Kho Thủ Đức”
67	05-17/NQ- HĐQT 20/3/2017	1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)).
68	06-17/NQ- HĐQT 10/4/2017	Thông qua báo cáo thường niên 2016 của Công ty.
69	07-17/NQ- HĐQT 11/4/2017	Thống nhất các nội dung công việc chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2016

Ghi chú: - Nội dung đánh dấu (*) là đang thực hiện
- Nội dung không đánh dấu là đã thực hiện xong.